

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nhật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Căn cứ Quyết định số 517/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn Hiến; Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Văn Hiến;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn Hiến;

Căn cứ Biên bản họp số 03/MYH23/VHU-HĐKHĐT/BBH ngày 25 tháng 08 năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Văn Hiến về việc họp lấy ý kiến và thông qua các chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học sau rà soát, cải tiến;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nhật (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ khóa tuyển sinh 2023. Trong quá trình thực hiện, khoa Đông phương học có nhiệm vụ báo cáo, đánh giá, đề xuất các cập nhật theo quy định của Trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Đông phương học, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐT (để b/c);
- Lưu: VT, P.QLĐT.

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 1125/MYH23/VHU/QĐ ngày 30 tháng 09 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)*

Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Nhật ; Mã số: 7220209
Đơn vị cấp bằng : Trường Đại học Văn Hiến
Đơn vị đào tạo : Trường Đại học Văn Hiến
Tên văn bằng : Cử nhân Ngôn ngữ Nhật
Trình độ đào tạo : Đại học
Hình thức đào tạo : Chính quy
Thời gian đào tạo : 4 năm
Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt, Tiếng Nhật

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Nhật đào tạo nguồn nhân lực theo định hướng ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí cần sử dụng tiếng Nhật trình độ cao tại các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức và kỹ năng sử dụng thành thạo tiếng Nhật, có kiến thức nền tảng về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, đất nước, con người Nhật Bản; có tư duy phát hiện và giải quyết vấn đề; có năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; có năng lực thích ứng với sự thay đổi của bối cảnh toàn cầu, năng lực sáng tạo và khả năng học tập suốt đời.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- **Về kiến thức:** Chương trình trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và công nghệ thông tin; kiến thức vững chắc về ngôn ngữ, văn hóa Nhật Bản; Cung cấp các kiến thức về tiếng Nhật và các kiến thức chuyên ngành theo 03 định hướng là Tiếng Nhật biên phiên dịch, Tiếng Nhật thương mại, Tiếng Nhật giảng dạy, sử dụng thành thạo tiếng Nhật (đạt được bậc 4 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Ngoài ra, chương trình giúp sinh có các kiến thức cần thiết để thực hành nghề nghiệp như kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình thực hiện công việc và các kiến thức cơ bản trong quản lý và điều hành hoạt động chuyên môn của mình.

- **Về kỹ năng:** Chương trình giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kỹ năng nhận thức, kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết vấn đề; khả năng giao tiếp bằng một ngoại ngữ thứ 2 tối thiểu ở bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; các kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong các lĩnh vực thuộc chuyên ngành được đào tạo như tiếng Nhật thương mại, tiếng Nhật biên phiên dịch, tiếng Nhật giảng

dạy. Ngoài ra, chương trình cũng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm cần thiết để có thể thực hiện thành công các nhiệm vụ phức tạp trong công việc như kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình.

- **Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:** Chương trình giúp sinh viên phát triển khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực chuyên môn. Ngoài ra, chương trình có mục tiêu đào tạo sinh viên trở thành những con người có đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

PLO 1: **Vận dụng** các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề liên quan đến cuộc sống cá nhân và công việc;

PLO 2: **Áp dụng** được kiến thức liên quan tới văn hóa, văn học, kinh tế - xã hội, giáo dục, ... của Nhật Bản để có thể thích nghi với môi trường làm việc liên văn hóa.

PLO 3: **Vận dụng** kết hợp được kiến thức văn tự, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Nhật vào việc thực hiện công việc chuyên môn và thực tiễn nghề nghiệp.

PLO 4: **Phân tích** được các vấn đề thuộc các định hướng chuyên ngành như biên phiên dịch; tiếng Nhật thương mại; phương pháp giảng dạy tiếng Nhật thông qua sử dụng tiếng Nhật tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để phục vụ học tập, công việc và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

PLO 5: **Vận dụng** được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin trong học tập và công việc như viết tiểu luận, viết báo cáo, viết email trao đổi công việc, thuyết trình, khảo sát, phân tích dữ liệu, thực hành giảng dạy v.v.;

2.2. Kỹ năng

PLO 6: **Sử dụng thành thạo** tiếng Nhật và kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện trong việc truyền tải vấn đề, đánh giá chất lượng công việc chuyên môn của cá nhân và của nhóm để thích nghi làm việc trong các bối cảnh tổ chức khác nhau, điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

PLO 7: **Vận dụng** kỹ năng dẫn dắt, giám sát người khác thực hiện chuyên môn, nắm bắt cơ hội để khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.

PLO 8: **Vận dụng** khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO 9: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

PLO 10: Có khả năng đưa ra các kết luận độc lập về các vấn đề chuyên môn thông thường và bảo vệ được quan điểm cá nhân;

PLO 11: Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn;

PLO 12: Có đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Nhật có thể làm các công việc có đòi hỏi khả năng sử dụng tiếng Nhật tại các doanh nghiệp hay tổ chức xã hội Nhật Bản, liên doanh Việt - Nhật, đảm nhiệm các vị trí công việc như đối ngoại, lễ tân, nhân viên, chuyên viên văn phòng, thư ký, biên phiên dịch trong các môi trường làm việc đa dạng như các công ty sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và du lịch trong nước và nước ngoài có yêu cầu khả năng sử dụng tiếng Nhật, hoặc có thể giảng dạy tiếng Nhật, công tác giáo vụ tại các cơ sở giáo dục có đào tạo tiếng Nhật.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên còn có thể tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn ở các bậc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học, Văn hóa học, Dân tộc học, Châu Á học, Nhật Bản học ở trong nước và ngoài nước.

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo.

- Công văn số 2196/BGD-ĐT ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra.

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học.

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các trường đại học uy tín trong nước và ngoài nước:

- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH quốc gia Hà Nội, Việt Nam;
- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật, trường Đại học Kinh tế Tài chính, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật, trường Đại học Công nghệ TP.HCM (HUTECH), Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật, trường Đại học Mở, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật, trường Đại học Đà Nẵng, Việt Nam;
- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật, trường Đại học Michigan, Hoa Kỳ.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là 134 tín chỉ, bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (*không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh, các kiến thức chuẩn đầu ra: Kỹ năng mềm, Năng lực ngoại ngữ, Năng lực tin học*).

4. Chuẩn đầu vào: Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tự chủ tuyển sinh hàng năm của Trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Văn Hiến.

6. Phương pháp giảng dạy - học tập, cách thức đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

6.1. Các phương pháp giảng dạy: Các học phần được giảng dạy theo phương pháp thuyết trình tích cực kết hợp hỏi đáp trực tiếp với người học. Bên cạnh đó, giảng viên phụ trách học phần còn áp dụng dạy học theo dự án, đưa vấn đề để sinh viên nghiên cứu, giải quyết.

6.2. Các phương pháp học tập: Sinh viên tham gia hỏi đáp trực tiếp với giảng viên; thảo luận đôi, nhóm; thuyết trình cá nhân, nhóm. Sinh viên cũng kết hợp các hình thức học khác như tự học, viết bài luận, làm dự án, trải nghiệm thực tế, kiến tập, thực tập.

6.3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá:

TT	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp
1	Đánh giá chuyên cần	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên vào các hoạt

TT	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp
		động trên lớp trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.
2	Đánh giá bài tập trên lớp	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
3	Bài tập trên elearning	Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập bổ trợ trên nền tảng Microsoft Teams của khoa Đông Phương học với các mốc thời gian cụ thể theo tuần.
4	Đánh giá bài tiểu luận	Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.
5	Đánh giá thuyết trình	Sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
6	Kiểm tra trắc nghiệm	Sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
7	Kiểm tra tự luận	Sinh viên được yêu cầu thực hiện các câu hỏi liên quan theo nội dung lý thuyết/ thực hành đã được học. Tự chủ trình bày câu trả lời đúng với đáp án đề thi

7. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			50	50	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			14	14	0	0	0	0	
1	POL105	Triết học Mác - Lênin	3	3					
2	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2					POL105
3	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2					POL106
4	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL107
5	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2					POL109
6	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			3	3	0	0	0	0	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0	0	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			3	3	0	0	0	0	
1	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			6	6	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
2	BUS102	Quản trị sự thay đổi	3	3					
I.7. Các học phần tự chọn			21	21	0	0	0	0	
Nhóm tự chọn 1: Chọn 3 trong 6 học phần			9	9					
1	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3	3					
2	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	3					
3	SOS206	Mỹ học đại cương	3	3					
4	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	3					
5	INT201	Đại cương về CNTT và Truyền thông	3	3					
6	MAN201	Quản trị học	3	3					
Nhóm tự chọn 2: Chọn 2 trong 6 học phần			6	6					
1	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3	3					
2	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3	3					
3	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
4	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	3					
5	ECO201	Kinh tế học đại cương	3	3					
6	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
Nhóm tự chọn 3: Chọn 1 trong 3 học phần			3	3					
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3					
2	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	3	3					
3	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3	3					
Nhóm tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần			3	3					
1	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3					ENG201
2	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3	3					CHI203
3	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3	3					
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	48	16	8	0	12	
II.1. Kiến thức cơ sở ngành			33	30	0	3	0	0	
1	JAP303	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2	2					
2	JAP316	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
3	JAP477	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2			2			
4	SOS303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3					
5	SOS302	Ngôn ngữ học đại cương	3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
6	CUL301	Ngoại giao văn hóa	3	3					
7	BUS417	Hành vi tổ chức	3	3					
8	SOS301	Lịch sử văn minh thế giới	2	2					
9	SOS305	Quan hệ quốc tế	3	3					
10	SOS304	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3	3					
11	JAP430	Ngữ âm học tiếng Nhật	2	2					JAP347
12	JAP431	Ngữ pháp học tiếng Nhật	2	2					JAP347
13	JAP488	Từ vựng học tiếng Nhật	2	2					JAP347
14	JAP423	Đất nước học Nhật Bản	2	2					
II.2. Kiến thức chuyên ngành			34	18	16	0	0	0	
1	JAP343	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2	1	1				JAP303
2	JAP344	Tiếng Nhật nghe - nói 2	2	1	1				JAP343
3	JAP345	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2	1	1				JAP344
4	JAP351	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2	1	1				JAP345
5	JAP495	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2	1	1				JAP349
6	JAP340	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2	1	1				JAP303
7	JAP341	Tiếng Nhật đọc - viết 2	2	1	1				JAP340
8	JAP342	Tiếng Nhật đọc - viết 3	2	1	1				JAP341
9	JAP350	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2	1	1				JAP342
10	JAP493	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2	1	1				JAP350
11	JAP346	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2	1	1				JAP303
12	JAP347	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	2	1	1				JAP346
13	JAP348	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2	1	1				JAP347
14	JAP351	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2	1	1				JAP348
Chuyên ngành 1: Tiếng Nhật thương mại			6	4	2				
1	JAP353	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2	1	1				JAP351
2	JAP491	Thư tín thương mại	2	1	1				JAP349
Chọn 1 trong 3 học phần			2	2					
1	JAP446	Tiếng Nhật công sở	2	2					JAP351
2	JAP459	Tiếng Nhật lễ hành- khách sạn	2	2					JAP349
3	JAP484	Xã hội Nhật Bản đương đại	2	2					
Chuyên ngành 2: Tiếng Nhật biên phiên dịch			6	4	2				
1	JAP489	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2	1	1				JAP349
2	JAP401	Biên phiên Nhật Việt – Việt Nhật	2	1	1				JAP349
Chọn 1 trong 3 học phần			2	2					
1	JAP428	Lý thuyết dịch	2	2					JAP349
2	JAP352	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	2	2					
3	JAP483	Văn học Nhật Bản	2	2					
Chuyên ngành 3: Tiếng Nhật giảng dạy			6	4	2				

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
1	JAP492	Thực hành giảng dạy	2	1	1				JAP349
2	JAP490	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	2	1	1				JAP349
Chọn 1 trong 3 học phần			2	2					
1	JAP425	Giáo dục Nhật Bản	2	2					JAP349
2	JAP422	Cú pháp học tiếng Nhật	2	2					JAP349
3	JAP411	Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ	2	2					JAP349
II.3. Phần chọn theo chuyên ngành			0	0	0	0	0	0	
II.4. Kiến thức tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	JAP591	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5			5			JAP477
2	JAP590	KLTN Ngôn ngữ Nhật	12					12	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			12	8	4				
1	JAP496	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3	2	1				JAP495
2	JAP494	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3	2	1				JAP493
3	JAP497	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3	2	1	1	1	1	JAP495
4	ORI307	Hán tự học tổng hợp	3	2	1				JAP351
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY			3		3				
1		Giáo dục thể chất 1	1		1				
2		Giáo dục thể chất 2	1		1				
3		Giáo dục thể chất 3	1		1				
4		Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Theo quy định hiện hành						
5		Kỹ năng mềm	Theo quy định hiện hành						
6		Năng lực ngoại ngữ	Theo quy định hiện hành						
7		Năng lực tin học	Theo quy định hiện hành						

8. Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt):

8.1 **Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật** (Introduction to the Major), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cho sinh viên cung cấp lý luận lịch sử và thực tiễn về ngành học, cung cấp kiến thức tổng quan về ngành Ngôn ngữ Nhật nói chung, định hướng chuyên ngành Tiếng Nhật thương mại, Tiếng Nhật biên phiên dịch, Tiếng Nhật giảng dạy. Học phần hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch về ngành học và nghề nghiệp tương lai.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp kiến thức chung về đất nước, con người, ngôn ngữ Nhật
- Cung cấp kiến thức về bảng chữ cái tiếng Nhật
- Trang bị cho người học những hiểu biết về ngành Ngôn Ngữ Nhật và cơ hội nghề nghiệp của ngành

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. **Hiểu** tổng quan lịch sử, đất nước, con người đất nước Nhật Bản. CLO2. **Nhận biết** ngôn ngữ Nhật Bản. CLO3. **Nhận biết** được các đặc

điểm chung, hệ thống chữ viết, hệ thống từ vựng và ngữ pháp, âm vị trong tiếng Nhật. CLO4. **Ghi nhớ** bảng chữ cái tiếng Nhật. CLO5. **Tích cực, chủ** động trong học tập.

PP giảng dạy: Thuyết trình, Hỏi lại hoặc vấn đáp, Động não nhanh, Hướng dẫn tự học, Thảo luận.

PP học: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tự học tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kì, Dự lớp.

8.2 Trải nghiệm ngành nghề (Industry and Profession Experience), 1 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần được bố trí vào học kỳ đầu của chương trình. Trong học phần này, sinh viên tham gia thảo luận, trải nghiệm các hoạt động của ngành học để hiểu thêm về văn hóa, ngôn ngữ của ngành học. Đây là cơ hội để sinh viên tiếp xúc với tình huống và hoàn cảnh thực tế để có những chuẩn bị về tinh thần trước khi bắt đầu học vào các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, đây cũng là cơ hội để sinh viên thể hiện bản thân, phát triển khả năng nhận thức và khả năng giao tiếp.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về ngành nghề
- Thông qua những hoạt động trải nghiệm mà người học tham gia tại trường hoặc doanh nghiệp có yếu tố Nhật Bản, người học sẽ hiểu biết sâu hơn về ngành nghề theo học

- Trang bị kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức thông qua những hoạt động tham gia.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Có kiến thức tổng quan về Nhật Bản học, CLO2. Vận dụng hiểu biết về lịch sử, văn hóa, đất nước, kinh tế... các kiến thức lý thuyết và thực tế của chuyên ngành được đào tạo vào hoạt động trải nghiệm cụ thể, CLO3. Có các kỹ năng nhận thức như phân tích, tổng hợp, đánh giá; kỹ năng phản biện, xử lý tình huống và tìm ra giải pháp cho các vấn đề phức tạp phát sinh trong một môi trường mới lạ hoặc môi trường thay đổi. CLO4. Có các kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng thuyết trình, giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm, lập kế hoạch và quản lý thời gian. CLO5. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

PP giảng dạy: Hướng dẫn thảo luận

PP học: Thực hành, làm việc nhóm, thảo luận

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình, Báo cáo.

8.3. **Tiếng Nhật nghe – nói 1 (Japanese listening - speaking 1), 2 tín chỉ**

Tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp cho người học từ vựng và ngữ pháp để giao tiếp các chủ đề cơ bản thuộc trình độ sơ cấp. Người học được luyện tập các cấu trúc ngữ pháp ở trình độ sơ cấp đơn giản để nghe và nói về các chủ đề: giới thiệu bản thân - gia đình, hỏi giờ, sở thích, rủ rê - mời gọi, hỏi vị trí đồ vật - con người, cách sử dụng,

Mục tiêu học phần:

- Rèn luyện kỹ năng nghe trong những câu đàm thoại ngắn, cơ bản

- Rèn luyện kỹ năng nói trong những câu đàm thoại ngắn, cơ bản
- Xây dựng phương pháp học chủ động nghe nói tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. **Hiểu** biết kiến thức ngữ pháp tổng quát trình độ Sơ cấp, CLO2. **Hiểu** biết kiến thức **văn hoá** Nhật Bản thông qua các bài hội thoại trình độ Sơ cấp. CLO3. **Xác định** các mẫu ngữ pháp sử dụng trong giao tiếp theo từng chủ đề. CLO4. **Ghi nhớ** từ vựng liên quan trong trình độ Sơ cấp. CLO5. **Nghe** được các chủ đề liên quan đến giới thiệu bản thân - gia đình, hỏi giờ, sở thích, rủ rê - mời gọi, hỏi vị trí đồ vật - con người, cách sử dụng, v.v... CLO6. **Nói** được các chủ đề liên quan đến giới thiệu bản thân - gia đình, hỏi giờ, sở thích, rủ rê - mời gọi, hỏi vị trí đồ vật - con người, cách sử dụng, ..., CLO7. **Viết một cách thành thạo đoạn văn giới thiệu bản thân, gia đình, sở thích,...**, CLO8. **Tích cực, chủ động** trong học tập. CLO9. **Hứng thú với nội** dung học phần, tự bản thân nghiên cứu, **tự học** tại nhà với nền tảng kiến thức đã được cung cấp.

PP giảng dạy: Thuyết trình; Hỏi lại hoặc vấn đáp; Đọc và giải thích nội dung tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài luyện nghe về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình; Làm việc nhóm; Tự học.

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Vấn đáp, Dự lớp.

8.4. Tiếng Nhật đọc – viết 1 (Japanese reading and writing 1), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 12 bài, cung cấp cho người học kiến thức vỡ lòng tiếng Nhật, nhằm giúp người học có những hiểu biết cơ bản về chữ viết, số đếm, chào hỏi cơ bản trong ngôn ngữ Nhật.

Mục tiêu học phần:

- Rèn luyện kỹ năng đọc trong những bài đọc ngắn, ngữ pháp cơ bản
- Rèn luyện cách viết đúng chữ Hán tự cơ bản
- Xây dựng phương pháp học chủ động kỹ năng đọc, rèn luyện chữ Hán ở mức độ sơ cấp

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nhớ được từ vựng của 250 chữ hán, CLO2. Trình bày được nghĩa và cách sử dụng của các mẫu ngữ pháp giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, tả nơi chốn... CLO3. Phân tích được các thành phần trong câu động từ, câu danh từ và câu tính từ. CLO4. Viết được những câu văn ngắn giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, hỏi nơi chốn sự vật, con người... CLO5. Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học.

PP giảng dạy: Thuyết trình; Hỏi lại hoặc vấn đáp; Đọc và tóm lược nội dung tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài đọc về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình; Làm việc nhóm; Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kì, Dự lớp.

8.5. Tiếng Nhật ngữ pháp 1 (Japanese Grammar 1), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 12 bài, học phần sẽ giúp sinh viên nắm chắc 4 loại ký tự dùng trong tiếng Nhật: chữ Hán, chữ Katakana, chữ Hiragana, chữ Romaji. Dạy các cấu trúc ngữ pháp cơ sở, cung cấp vốn từ vựng cơ sở. Rèn luyện kỹ năng viết câu trong 12 bài (từ bài 1 - 12) của giáo trình Minna no Nihongo trình độ sơ cấp 1.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp kiến thức các mẫu câu ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp.
- Rèn luyện kỹ năng thành lập câu tiếng Nhật cơ bản.
- Xây dựng phương pháp học chủ động để giải quyết các bài tập ngữ pháp.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Hiểu biết các kiến thức tổng quát về câu động từ, câu danh từ và câu tính từ, trợ từ, CLO2. Sử dụng được các thì trong tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp. CLO3. Trình bày được nghĩa và cách sử dụng của các mẫu ngữ pháp giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, du lịch, hỏi đường.... CLO4. Phân tích được các thành phần trong câu động từ, câu danh từ và câu tính từ. CLO5. Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học; hợp tác làm việc theo cặp/nhóm.

PP giảng dạy: Phát vấn, Hỏi lại hoặc vấn đáp, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), Giao bài đọc về nhà, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm;

PP học: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tự học, tự nghiên cứu;

PP kiểm tra, đánh giá: Bài tập cá nhân, Bài tập nhóm, Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kì, Dự lớp.

8.6. Tiếng Nhật nghe - nói 2 (Japanese listening - speaking 2), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp cho người học từ vựng và ngữ pháp để giao tiếp các chủ đề cơ bản thuộc trình độ sơ cấp. Người học được luyện tập các cấu trúc ngữ pháp ở trình độ sơ cấp đơn giản để nghe và nói về các chủ đề: cảm nghĩ về vấn đề trong cuộc sống, đưa ra lời khuyên, chỉ đường, cách nói cảm ơn và xin lỗi,...

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Hiểu biết kiến thức ngữ pháp tổng quát trình độ Sơ cấp, CLO2. Hiểu biết kiến thức văn hoá Nhật Bản thông qua các bài hội thoại trình độ Sơ cấp, CLO3. Xác định các mẫu ngữ pháp sử dụng trong giao tiếp theo từng chủ đề, CLO4. Nghe được các chủ đề liên quan đến vấn đề trong cuộc sống, đưa ra lời khuyên, chỉ đường, cách nói cảm ơn và xin lỗi,..., CLO5. Nói được các chủ đề liên quan đến cảm nghĩ về vấn đề trong cuộc sống, đưa ra lời khuyên, chỉ đường, cách nói cảm ơn và xin lỗi,..., CLO6. Tích cực, chủ động trong học tập.

PP giảng dạy: Hỏi lại hoặc vấn đáp; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài luyện nghe - nói về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm.

PP học: Làm việc nhóm; Tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Vấp đáp, Dự lớp.

8.7 Tiếng Nhật đọc – viết 2 (Japanese reading and writing 2), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp cho người học đọc hiểu tiếng Nhật trình độ Sơ cấp tương đương N5. Có khả năng đọc hiểu các đoạn văn về chủ đề: sinh hoạt, du lịch, mua sắm, văn hoá Nhật,...Viết đoạn văn giới thiệu cơ bản về bản thân, gia đình, sở thích, tương lai, lý do học tiếng Nhật,...

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nhớ được 250 từ vựng chữ Hán, CLO2. Nắm bắt chi tiết nội dung của các đoạn văn về chủ đề: sinh hoạt, du lịch, mua sắm, văn hoá Nhật; CLO3. Nắm bắt tổng quan về cách hình thành dàn ý và triển khai ý khi viết đoạn văn trình độ Sơ cấp N5, CLO4. Tích cực, chủ động trong học tập.

Mục tiêu học phần:

- Rèn luyện kỹ năng đọc trong những bài đọc ngắn, ngữ pháp cơ bản
- Rèn luyện cách viết đúng chữ Hán tự cơ bản
- Xây dựng phương pháp học chủ động kỹ năng đọc, rèn luyện chữ Hán ở mức độ sơ cấp.

PP giảng dạy: Hỏi lại hoặc vấn đáp; Đọc và giải thích nội dung tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài tập viết văn về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm.

PP học: Làm việc nhóm; Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kì, Dự lớp.

8.8. Tiếng Nhật ngữ pháp 2 (Japanese Grammar 2), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 13 bài, học phần sẽ giúp sinh viên nắm chắc những mẫu ngữ pháp đã học ở học phần tiếng Nhật tổng hợp 1 và bổ sung thêm kiến thức, hoàn thành trình độ sơ cấp 1. Dạy các cấu trúc ngữ pháp, cung cấp vốn từ vựng tương ứng. Rèn luyện kỹ năng viết câu trong 13 bài (từ bài 13 - 25) của giáo trình Minna no Nihongo trình độ sơ cấp 1.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày được nghĩa và cách sử dụng của các mẫu ngữ pháp về cách chia động từ thể TE, NAI, thể RU, thể TA.... CLO2. Kết hợp các thể động từ với những cấu trúc ngữ pháp nói về khả năng, sở thích hay kinh nghiệm của bản thân hay đưa ra yêu cầu, lời khuyên cho đối phương. CLO3. Viết được những câu văn chỉ khả năng, sở thích hay kinh nghiệm của bản thân hay đưa ra yêu cầu, lời khuyên cho đối phương. CLO4. Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học; hợp tác làm việc theo cặp/nhóm.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp kiến thức các mẫu câu ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp
- Rèn luyện kỹ năng thành lập câu tiếng Nhật mức độ sơ cấp
- Xây dựng phương pháp học chủ động để giải quyết các bài tập ngữ pháp

PP giảng dạy: Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), Giao bài đọc về nhà, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm;

PP học: Làm việc nhóm, Tự học, tự nghiên cứu;

PP kiểm tra, đánh giá: Bài kiểm tra giữa kỳ, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kỳ, Dự lớp.

8.9. Tiếng Nhật nghe - nói 3 (Japanese listening - speaking 3), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Môn học này trang bị cho sinh viên toàn bộ từ vựng sơ cấp theo các chủ đề về cuộc sống thường ngày ví dụ như hoạt động giải trí, các mối quan hệ giữa người với người, chia sẻ về tính cách, sở thích, sức khỏe và cách đọc các bảng cảnh báo, thông báo,....Sinh viên có thể tự tạo ra các đoạn hội thoại ngắn theo các chủ đề đa dạng khác nhau.

Mục tiêu học phần:

- Rèn luyện kỹ năng nghe trong những tình huống hội thoại ngắn theo các chủ đề đa dạng khác nhau.

- Rèn luyện kỹ năng nói trong những tình huống hội thoại ngắn theo các chủ đề đa dạng khác nhau.

- Xây dựng phương pháp học chủ động nghe nói tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Hiểu biết kiến thức văn hoá Nhật Bản thông qua các bài hội thoại trình độ Sơ cấp, CLO2. Xác định các mẫu ngữ pháp sử dụng trong giao tiếp theo từng chủ đề, CLO3. Nghe được các chủ đề liên quan đến giới thiệu bản thân - gia đình, hỏi giờ, sở thích, rủ rê - mời gọi, hỏi vị trí đồ vật - con người, cách sử dụng,, CLO4. Nói được các chủ đề liên quan đến sở thích, rủ rê - mời gọi, hỏi vị trí đồ vật - con người, cách sử dụng,, CLO5. Tích cực, chủ động trong học tập.

PP giảng dạy: Hỏi lại hoặc vấn đáp; Đọc và giải thích nội dung tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài luyện nghe về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm.

PP học: Làm việc nhóm; Tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Vấp đáp, Dự lớp.

8.10. Tiếng Nhật đọc – viết 3 (Japanese reading and writing 3), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Người học có thể đọc hiểu tiếng Nhật trình độ Sơ trung cấp tương đương N4. Có khả năng đọc hiểu các đoạn văn về chủ đề: sinh hoạt, du lịch, mua sắm, văn hoá Nhật, dự báo thời tiết, hỏi đường,...Viết đoạn văn giới thiệu cơ bản về bản thân, gia đình, sở thích, tương lai, lý do học tiếng Nhật,...

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nhớ được 250 từ vựng chữ Hán, CLO2. Nắm bắt chi tiết nội dung của các đoạn văn về chủ đề: sinh hoạt, du lịch, mua sắm, văn hoá Nhật; CLO3. Nắm bắt tổng quan về cách hình thành dàn ý và triển khai ý khi viết đoạn văn trình độ Sơ cấp, CLO4. Đọc hiểu được các chủ đề liên quan đến sinh hoạt, du lịch, mua sắm, văn hoá Nhật; CLO5. Viết đoạn văn giới thiệu cơ bản về bản thân, gia đình, sở thích, tương lai, lý do học tiếng Nhật...; CLO6. Tích cực, chủ động trong học tập.

-Rèn luyện kỹ năng đọc trong những bài đọc dài

- Rèn luyện cách viết đúng chữ Hán tự cơ bản

-Xây dựng phương pháp học chủ động kỹ năng đọc, rèn luyện chữ Hán ở mức độ sơ cấp.

PP giảng dạy: Đọc và tóm lược nội dung tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài đọc về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình; Làm việc nhóm; Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kì, Dự lớp.

8.11. Tiếng Nhật ngữ pháp 3 (Japanese Grammar 3), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 12 bài, học phần sẽ giúp sinh viên nắm chắc những mẫu ngữ pháp đã học ở Tiếng Nhật sơ cấp 2 và bổ sung thêm kiến thức phù hợp với học phần. Dạy các cấu trúc ngữ pháp, cung cấp vốn từ vựng tương ứng. Rèn luyện kỹ năng viết câu trong 12 bài (từ bài 26 - 37) của giáo trình Minna no Nihongo trình độ sơ cấp 2.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp kiến thức các mẫu câu ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp (JLPT N4)
- Rèn luyện kỹ năng thành lập câu tiếng Nhật mức độ sơ cấp (JLPT N4)
- Xây dựng phương pháp học chủ động để giải quyết các bài tập ngữ pháp

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Biết phân biệt các trợ từ có cách sử dụng tương đồng. CLO2. Hiểu được cách sử dụng các thể trong câu. CLO3. Trình bày được nghĩa và cách sử dụng của các mẫu ngữ pháp diễn đạt ý kiến về một vấn đề, nói lên được ý định, lập lên dự định, kế hoạch. CLO4. Viết được những câu văn diễn đạt ý kiến về một vấn đề, nói lên được ý định, lập lên dự định, kế hoạch... Và những câu văn thường thức sử dụng trong các trường hợp cụ thể như: đổ rác, rút tiền, đi đến thư viện, đi khám bệnh. CLO5. Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học; hợp tác làm việc theo cặp/nhóm.

PP giảng dạy: Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), Giao bài đọc về nhà, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm;

PP học: Làm việc nhóm, Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình, Bài kiểm tra tổng hợp giữa kỳ, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kỳ, Dự lớp.

8.12. Tiếng Nhật nghe - nói 4 (Japanese listening - speaking 4), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Cung cấp và trang bị một số mẫu ngữ pháp sơ trung cấp cơ bản có ích cho việc giao tiếp của sinh viên. Đưa ra một số tình huống cụ thể và các mẫu câu thường dùng. Sau đó, cho sinh viên luyện tập theo nhóm giúp các bạn tự tin hơn khi nói tiếng Nhật. Giới thiệu một số qui tắc, cách thức ứng xử và giao tiếp với người Nhật. Luyện kỹ năng tự tin trình bày các bài thuyết trình cá nhân bằng tiếng Nhật trước đám đông.

Mục tiêu học phần:

-Rèn luyện kỹ năng nghe trong những tình huống giao tiếp trong đời sống thường nhật

- Rèn luyện kỹ năng nói trong những tình huống giao tiếp trong đời sống thường nhật

- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Nhật trong một số chủ đề liên quan cuộc sống cá nhân.

- Xây dựng phương pháp học chủ động nghe nói tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Hiểu biết kiến thức văn hoá Nhật Bản thông qua các bài hội thoại trình độ Sơ trung cấp, CLO2. Nghe được các chủ đề liên quan đến rủ rê - mời gọi, xin phép, kính ngữ - khiêm nhường ngữ ở trình độ sơ trung cấp, CLO3. Nói được các chủ đề liên quan đến rủ rê - mời gọi, xin phép, kính ngữ - khiêm nhường ngữ ở trình độ sơ trung cấp, CLO4. Tích cực, chủ động trong học tập.

PP giảng dạy: Hỏi lại hoặc vấn đáp; Đọc và tóm lược nội dung tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài luyện nghe về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình; Làm việc nhóm; Tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Vấp đáp, Dự lớp, Bài kiểm tra tổng hợp giữa kỳ, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kỳ.

8.13. Tiếng Nhật đọc – viết 4 (Japanese reading and writing 4), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp cho người học kiến thức các bài đọc hiểu, mẫu câu ở trình độ sơ trung cấp - tương đương N4. Học phần giúp người học đọc hiểu các đoạn văn về chủ đề văn hoá, xã hội Nhật Bản.

Mục tiêu học phần:

- Rèn luyện kỹ năng đọc trong những bài đọc dài
- Rèn luyện cách viết đúng chữ Hán tự cơ bản
- Xây dựng phương pháp học chủ động kỹ năng đọc, rèn luyện chữ Hán ở mức độ sơ cấp.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nắm bắt chi tiết nội dung của các đoạn văn về chủ đề: văn hoá Nhật, lịch sử, xã hội Nhật Bản; CLO2. Ghi nhớ 250 từ vựng chữ Hán, CLO3: Đọc được các chủ đề liên quan đến sinh hoạt, du lịch, mua sắm, văn hoá Nhật; CLO4: Viết được đoạn văn ngắn miêu tả cuộc sống bản thân, dự định tương lai, viết thư..., CLO5. Tích cực, chủ động trong học tập.

PP giảng dạy: Hỏi lại hoặc vấn đáp; Đọc và giải thích nội dung tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài tập viết văn về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình; Làm việc nhóm; Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Dự lớp, Bài kiểm tra tổng hợp giữa kỳ, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kỳ,

8.14. Tiếng Nhật ngữ pháp 4 (Japanese Grammar 4), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 13 bài, học phần sẽ giúp sinh viên vận dụng được những mẫu ngữ pháp đã học ở Tiếng Nhật sơ cấp 1 và bổ sung thêm kiến thức phù hợp với học phần kết thúc trình độ sơ cấp 2. Dạy các cấu trúc ngữ pháp, cung

cấp vốn từ vựng tương ứng. Rèn luyện kỹ năng viết câu trong 13 bài (từ bài 38 - 50) của giáo trình Minna no Nihongo trình độ sơ cấp 2.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp kiến thức các mẫu câu ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp trình độ JLPT N4
- Rèn luyện kỹ năng thành lập câu tiếng Nhật mức độ sơ cấp trình độ JLPT N4
- Xây dựng phương pháp học chủ động để giải quyết các bài tập ngữ pháp.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Sử dụng được các mẫu ngữ pháp diễn đạt nguyên nhân – kết quả, cho – nhận, các mẫu câu chỉ mục đích, phỏng đoán, sai khiến, cho phép, sửa đổi. CLO2. Hiểu và sử dụng được kính ngữ, khiêm nhường ngữ tiếng Nhật cơ bản nhất. CLO3. Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học; hợp tác làm việc theo cặp/nhóm.

PP giảng dạy: Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), Giao bài đọc về nhà, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm;

PP học: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Dự lớp, Bài kiểm tra tổng hợp giữa kỳ, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kỳ,

8.15. Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp (Intermediate Japanese Listening and Speaking), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Hoạt động của sinh viên qua mỗi bài bao gồm các bước: nghe hiểu nội dung bài, nhớ mẫu câu, từ ngữ để ứng dụng trực tiếp vào phần đàm thoại tương tự với nội dung đã nghe. Giới thiệu một số qui tắc, cách thức ứng xử và giao tiếp với người Nhật. Luyện kỹ năng phát biểu trước đám đông.

Mục tiêu học phần:

- Rèn luyện kỹ năng nghe ở mức độ trung cấp với các tình huống đa dạng, phức tạp
- Rèn luyện kỹ năng nói ở mức độ trung cấp với các tình huống đa dạng, phức tạp
- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Nhật trong một số chủ đề liên quan đến học thuật
- Xây dựng phương pháp học chủ động nghe nói tiếng Nhật ở mức độ trung cấp.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Sử dụng từ vựng, mẫu câu đúng trong từng tình huống cụ thể, CLO2. Xây dựng được bài hội thoại, bài thuyết trình theo chủ đề được giao, CLO3. Tự tin phát biểu trước mọi người. CLO4. Tích cực, chủ động trong học tập.

PP giảng dạy: Thuyết trình; Hỏi lại hoặc vấn đáp; Đọc và tóm lược nội dung tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài luyện nghe về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình; Làm việc nhóm; Tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Vấn đáp, Dự lớp

8.16. Tiếng Nhật đọc – viết trung cấp (Intermediate Japanese Reading and Writing), 2 tín chỉ,

Tóm tắt học phần: Học phần gồm có 9 chủ đề, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ trung cấp trong môi trường học thuật, làm nền tảng cho việc tiếp tục học tập, nghiên cứu tiếng Nhật trong thời gian tiếp theo.

Mục tiêu học phần:

-Rèn luyện kỹ năng đọc ở mức độ trung cấp với các bài đọc dài, từ ngữ, mẫu câu khó, phức tạp.

- Rèn luyện đọc và viết chữ Hán ở mức độ trung cấp: nhiều nét, nhiều ý nghĩa, cách sử dụng.

-Rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn, bài luận ngắn.

-Xây dựng phương pháp học chủ động để giải quyết các bài tập khó.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Đọc – viết thành thạo các Hán tự, từ vay mượn... được sử dụng trong bài đọc, CLO2. Hiểu cách vận dụng, ý nghĩa của các mẫu câu trong bài đọc, CLO3. Nhận biết được các dạng văn bản, tùy bút, kí sự ...ở mức độ trung cấp, CLO4. Vận dụng các từ vựng, ngữ pháp đã học để đọc hiểu các đề tài có liên quan đến văn hóa, xã hội ở mức độ trung cấp, CLO5. Tích cực, chủ động trong học tập, CLO6. Tự tin phát biểu trước mọi người.

PP giảng dạy: Thuyết trình; Hỏi lại hoặc vấn đáp; Đọc và tóm lược nội dung tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài đọc về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình; Làm việc nhóm; Tự học.

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Dự lớp, Bài kiểm tra tổng hợp giữa kỳ, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kỳ

8.17. Văn hoá doanh nghiệp Nhật Bản (Japanese business culture), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm những bài học lý thuyết về văn hóa doanh nghiệp nói chung và đặc trưng của văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản nói riêng nhằm giúp người học hiểu biết về cách làm việc, cách ứng xử, cách xử lý tình huống... trong môi trường làm việc doanh nghiệp Nhật Bản. Đồng thời, người học được trang bị những kiến thức cơ bản cần thiết về văn hóa giao tiếp trong kinh doanh của doanh nghiệp Nhật Bản. Học phần có những bài học theo từng chủ đề khác nhau nhằm hướng tới việc giúp người học có thể sử dụng tiếng Nhật trong công sở hiệu quả trong các tình huống cụ thể, giúp người học tự tin, chủ động xử lý, đối ứng khi làm việc.

Mục tiêu môn học:

-Cung cấp kiến thức tổng quan về doanh nghiệp Nhật Bản

-Cung cấp kiến thức tổng quan về văn hóa làm việc của doanh nghiệp Nhật Bản

-Trang bị kiến thức tiếng Nhật liên quan đến môi trường làm việc trong doanh nghiệp Nhật Bản

-Trang bị kỹ năng xử lý vấn đề trong môi trường doanh nghiệp Nhật Bản.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Hiểu biết các kiến thức tổng quát về văn hóa doanh nghiệp nói chung. CLO2. Hiểu biết các kiến thức đặc trưng của văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản. CLO3. Vận dụng được cách đối ứng, ứng xử trong môi trường doanh nghiệp Nhật Bản vào môi trường làm việc thực tế. CLO4. Vận dụng các mẫu câu tiếng Nhật thường dùng trong môi trường doanh nghiệp Nhật Bản ở mức độ sơ – trung cấp vào các tình huống trao danh thiếp, tự giới thiệu, nghe điện thoại, viết email, từ chối,trong môi trường doanh nghiệp Nhật Bản. CLO5. Tự tin phát biểu trước tập thể.

PP giảng dạy: Hỏi lại hoặc vấn đáp, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), Giao bài đọc về nhà, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm;

PP học: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Bài tập cá nhân, Dự lớp, Bài kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ, Bài kiểm tra trắc nghiệm cuối kỳ.

8.18. Thư tín thương mại (Commercial Correspondence), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp cho người học kiến thức, vốn từ vựng chuyên ngành thương mại, văn phong, cấu trúc của một bức thư thương mại, cấu trúc ngữ pháp và thuật ngữ liên quan đến thư từ giao dịch trong lĩnh vực thương mại như: e-mail, thư hỏi hàng và trả lời, thư báo giá, thư chào hàng, thư đặt hàng và thư liên quan đến việc thực hiện đơn đặt hàng, thư khiếu nại...

Mục tiêu học phần:

-Cung cấp kiến thức tổng quát về tầm quan trọng của liên lạc trong công sở Nhật Bản

-Rèn luyện kỹ năng viết email, các loại thư, báo cáo...dùng trong công sở, đặc biệt giao dịch thương mại.

-Trang bị kỹ năng xử lý tình huống trong giao dịch thương mại tại các doanh nghiệp Nhật Bản

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Phân biệt các loại thư từ và các phần cơ bản của một bức thư thương mại; phân biệt cách sử dụng các cấu trúc, thuật ngữ trong từng trường hợp cụ thể. CLO2. Đọc hiểu, tóm tắt và dịch các loại thư từ giao dịch thương mại bằng tiếng Nhật; Viết các loại thư từ giao dịch trong thương mại; CLO3: Thảo luận, bàn bạc và phân việc trong nhóm để tham gia các hoạt động học tập; CLO4: Nhận thức được vai trò của tiếng Nhật và thương mại trong thời đại toàn cầu hóa.

PP giảng dạy: diễn giảng, thảo luận, Nghiên cứu tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Hướng dẫn tự học;

PP học: thảo luận, làm việc nhóm, Tổng hợp tài liệu; Làm bài tập cá nhân; Tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra đánh giá: Dự lớp, Bài kiểm tra giữa kỳ, Bài kiểm tra cuối kỳ

8.19. Tiếng Nhật công sở (Japanese in the workplace), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Cung cấp cho người học các mẫu câu tiếng Nhật, cách nói, tình huống trong công sở Nhật Bản.

Mục tiêu môn học:

-Rèn luyện kỹ năng nghe và nói tiếng Nhật thành thạo trong môi trường công sở Nhật Bản

-Rèn luyện cách thức xử lý tình huống trong môi trường công sở Nhật Bản

-Trang bị thái độ ứng xử đúng đắn trong môi trường công sở Nhật Bản

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Hiểu biết các tổng quát về văn hoá trong doanh nghiệp Nhật Bản. CLO2. Vận dụng các mẫu câu, từ vựng, tình huống trong công sở Nhật Bản: chào hỏi, ăn mặc, trao đổi danh thiếp, tiếp khách hàng, viết mail trong công việc, giao tiếp trong công ty, cách nhận các chỉ thị, mệnh lệnh từ cấp trên.... CLO3. Tự tin trao đổi trước tập thể, nhóm

PP giảng dạy: Hỏi lại hoặc vấn đáp, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm, Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân);

PP học: Làm việc nhóm, Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Kiểm tra trắc nghiệm cuối kỳ, Dự lớp, Bài kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ.

8.20. Tiếng Nhật lễ hành - khách sạn (Japanese for Travel and Hospitality), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 2 chương, trang bị cho người học những nội dung cơ bản và nâng cao về ngôn ngữ tiếng Nhật dùng trong ngành du lịch nói chung, lễ hành - khách sạn nói riêng. Học phần tập trung vào các thuật ngữ chuyên môn cũng như cấu trúc ngữ pháp tiếng Nhật sử dụng trong giao tiếp trực tiếp và gián tiếp trong ngành kinh doanh và dịch vụ khách sạn.

Mục tiêu môn học:

-Cung cấp kiến thức tiếng Nhật sử dụng trong ngành dịch vụ lễ hành – khách sạn

-Rèn luyện thành thạo các tình huống sử dụng tiếng Nhật trong ngành dịch vụ lễ hành – khách sạn

-Trang bị kỹ năng xử lý tình huống bằng tiếng Nhật trong ngành dịch vụ lễ hành – khách sạn Nhật Bản

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nhớ, hiểu và vận dụng được các đặc tính và yêu cầu của sự chuyên nghiệp trong công việc ngành khách sạn (thái độ, hành vi, cử chỉ...). CLO2. Nhớ, hiểu và vận dụng được các mẫu câu tiếng Nhật sử dụng trong ngành dịch vụ khách sạn. CLO3. Nhớ, hiểu và vận dụng được các từ chuyên ngành dịch vụ khách sạn. CLO4. Nói được các từ vựng chuyên ngành và các mẫu câu thường sử dụng trong ngành dịch vụ khách sạn trong từng ngữ cảnh cụ thể. CLO5. Thể hiện được thái độ, hành vi, cử chỉ cũng như xử lý các tình huống phát sinh hợp lý, lịch sự và đúng mực theo đặc tính và yêu cầu trong ngành dịch vụ khách sạn. CLO6. Tự tin trao đổi trước tập thể, nhóm.

PP giảng dạy: Hỏi lại hoặc vấn đáp, Giao bài dịch cá nhân về nhà, Hướng dẫn tự học, Bài tập nhóm

PP học: Làm việc nhóm, Tự học, Tự nghiên cứu, Thảo luận.

PP kiểm tra, đánh giá: Bài tập cá nhân, Bài tập nhóm, Bài kiểm tra tổng hợp giữa kỳ, Bài tập tổng hợp cuối kỳ, Dự lớp.

8.21. Xã hội Nhật Bản đương đại (Contemporary Japanese Society), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức về xã hội Nhật Bản từ sau 1945. Giới thiệu cho người học các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa tác động đến xã hội Nhật Bản trong giai đoạn sau 1945. Đồng thời cung cấp cho người học các chính sách của Nhật Bản đối với các nước, đặc biệt Việt Nam.

Mục tiêu môn học:

-Cung cấp kiến thức về đất nước, xã hội Nhật Bản giai đoạn sau năm 1945 đến nay

-Giới thiệu những nét đặc sắc của xã hội Nhật Bản hiện đại

-Chỉ ra những điểm giống và khác nhau của xã hội Nhật Bản và Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1.Nhận biết khái quát các đặc trưng văn hóa, xã hội, chính trị của Nhật Bản. CLO2.Phân tích yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa tác động đến xã hội Nhật Bản trong giai đoạn sau 1945. CLO3. Phân tích các chính sách của Nhật Bản hiện nay đối với các nước, đặc biệt Việt Nam. CLO4. Nâng cao khả năng tư duy, phản biện, tranh luận, thuyết trình.

PP giảng dạy: Thuyết trình, Hỏi lại hoặc vấn đáp, Giao bài dịch cá nhân về nhà, Hướng dẫn tự học, Bài tập nhóm;

PP học: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tự học, tự nghiên cứu, Thảo luận

PP kiểm tra, đánh giá: Bài tập cá nhân, Bài tập nhóm, Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ, Bài tập lớn cuối kỳ, Dự lớp.

8.22. Biên dịch Nhật Việt - Việt Nhật (Japanese-Vietnamese Interpretation), 2 tín chỉ

Tóm tắt môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ thuật biên dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt và ngược lại. Học phần bao gồm lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết bao gồm giới thiệu một số loại văn bản cơ bản, quy cách trình bày, các mẫu câu, từ vựng, cụm từ thường dùng trong biên dịch. Phần thực hành: Thực hành biên dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật các văn bản cấp độ dễ: sơ yếu lý lịch, thư cảm ơn, tin tức ngắn trên báo chí, thông báo (trong công ty), thư cảm ơn, thông tin tuyển dụng...

Mục tiêu môn học:

-Trang bị kiến thức cơ bản về đặc trưng từng loại văn bản dịch

-Rèn luyện kỹ năng dịch viết, dịch văn bản thông qua các bài tập

-Xây dựng kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong dịch thuật

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. Hiểu biết các kiến thức tổng quát về kỹ năng biên dịch .CLO2. Nhận biết cách sử dụng văn phong phù hợp với từng loại văn bản,

CLO3. Thực hiện dịch thuật văn bản Nhật – Việt (và ngược lại) ở cấp độ sơ – trung cấp, CLO4. Giải quyết tình huống độc lập.

PP giảng dạy: Đọc tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Hướng dẫn tự học; Phản xạ.

PP học: Tổng hợp tài liệu; Làm bài tập cá nhân, nghe, xem tin tức, video.

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình, bài kiểm tra giữa kì, bài kiểm tra cuối kì, dự lớp.

8.23. Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật (Japanese-Vietnamese Translation), 2 tín chỉ

Tóm tắt môn học: Học phần luyện dịch nói dành cho đối tượng sinh viên có trình độ tiếng Nhật sơ trung cấp. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về phiên dịch, kỹ năng cần thiết của công việc phiên dịch. Môn học được thiết kế dựa trên nhiều nguồn tài liệu tham khảo đa dạng, cấp độ bài luyện dịch đi từ dễ đến khó, với nội dung đa dạng bao gồm những chủ đề đời sống thường nhật, xã hội, kinh tế, du lịch v.v.... Dịch nói từ tiếng Nhật sang tiếng Việt, hoặc từ tiếng Việt sang Nhật và được phân chia thành hai phần: Luyện dịch câu theo trình độ cấu trúc ngữ pháp đi từ dễ đến khó, đơn giản đến phức tạp; Luyện dịch đoạn văn nói (theo hướng dẫn của GV hoặc dùng video, phim ảnh).

Mục tiêu môn học:

- Trang bị kiến thức cơ bản về đặc trưng của các tình huống dịch nói
- Cung cấp kiến thức và từ vựng, mẫu câu cần thiết trong dịch nói
- Rèn luyện kỹ năng dịch thông qua các bài tập dịch tình huống
- Xây dựng kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm khi phiên dịch

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. Hiểu biết các kiến thức tổng quát về kỹ năng phiên dịch; CLO2. Nhận biết cách sử dụng văn phong phù hợp với từng tình huống; CLO3. Thực hiện dịch nói trực tiếp Nhật – Việt (và ngược lại) ở cấp độ sơ – trung cấp; CLO4. Ghi chép đúng, đầy đủ thông tin trong tình huống cần dịch; CLO5. Giải quyết tình huống độc lập.

PP giảng dạy: Nghiên cứu tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Hướng dẫn tự học.

PP học: Tổng hợp tài liệu; Làm bài tập cá nhân; Tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Bài kiểm tra giữa kì, bài kiểm tra cuối kì, dự lớp, quá trình

8.24. Lý thuyết dịch (Translation Theory), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khía cạnh của việc dịch thuật, cũng như kỹ năng phân tích, so sánh và đánh giá các bản dịch. Chương trình học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và tự phê bình để hoàn thiện kỹ năng dịch thuật của mình.

Mục tiêu môn học:

- Nắm được lý thuyết về biên – phiên dịch

- Biết cách vận dụng các phương pháp biên – phiên dịch
- Phát triển các kỹ năng: kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng chuyển dịch...
- Khắc phục khó khăn về từ vựng chuyên ngành

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Hiểu khái niệm cơ bản của lý thuyết dịch. CLO2. Hiểu các hướng tiếp cận và phương pháp của lý thuyết dịch, CLO3: Thực hành dịch viết Nhật – Việt (và ngược lại) ở cấp độ trung cấp. CLO4. Giải quyết tình huống độc lập

PP giảng dạy: Đọc tài liệu, Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân, Hướng dẫn tự học, Trình bày trên văn bản;

PP học: Tổng hợp tài liệu, Làm bài tập cá nhân, Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Bài tập cá nhân, Thi tự luận, Dự lớp, Bài kiểm tra tổng hợp giữa kỳ.

8.25. Văn học Nhật Bản (Japanese Literature), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 6 chương giúp cho người học có những kiến thức tổng quát văn học Nhật Bản từ cổ điển đến hiện đại. Học phần giúp cho người học những kiến thức về các vấn đề quan trọng văn học Nhật Bản từ cổ điển đến hiện đại. Bên cạnh đó người học còn được cung cấp những kiến thức về đặc trưng về thể loại văn học qua từng thời kỳ xã hội Nhật Bản. Từ đó người học có thể dễ dàng thấy rõ thành tựu của nền văn học Nhật Bản trên văn đàn văn học thế giới. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích, so sánh, bình giảng các tác phẩm văn học Nhật Bản, đặc biệt là kỹ năng so sánh một số tác phẩm văn học Nhật bản và Việt Nam.

Mục tiêu môn học:

- Cung cấp kiến thức tổng quan về văn học Nhật Bản qua từng thời kỳ
- Bình giảng tác phẩm văn học nói chung cũng như văn học Nhật Bản.
- Trang bị kiến thức về văn học Nhật để có cơ sở so sánh với văn học Việt Nam
- Trang bị kỹ năng phản biện, thuyết trình về các tác phẩm văn học Nhật Bản

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nắm vững kiến thức tổng quát về văn học Nhật Bản. CLO2. Có kiến thức về đặc trưng văn học Nhật Bản qua từng thời kỳ. CLO3. Hiểu và so sánh một số tác phẩm văn học Nhật - Việt. CLO4. Kỹ năng phân tích, so sánh tác phẩm văn học Nhật - Việt. CLO5. Bình giảng tác phẩm văn học nói chung cũng như văn học Nhật Bản. CLO6. Khả năng tư duy, phản biện, tranh luận, thuyết trình các vấn đề về văn học.

PP giảng dạy: Thuyết trình, Hỏi lại hoặc vấn đáp, Giao bài dịch cá nhân về nhà, Hướng dẫn tự học, Bài tập nhóm;

PP học: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tự học, tự nghiên cứu, Thảo luận.

PP kiểm tra, đánh giá: Bài tập cá nhân, Bài tập nhóm, Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ, Bài tập lớn cuối kỳ, Dự lớp.

8.26. Cú pháp học tiếng Nhật (Japanese Grammar Studies), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Trang bị cho người học kiến thức nền tảng về cú pháp học của ngôn ngữ Nhật. Các kiến thức nền tảng bao gồm: cấu trúc và thành phần cụm danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ - các loại cụm từ thường gặp trong tiếng Nhật - từ cấp độ đơn giản đến phức tạp. Học phần cũng huấn luyện cho sinh viên những phương pháp và thao tác phân tích câu và miêu tả hệ thống cú pháp học tiếng Nhật.

Mục tiêu môn học:

- Cung cấp kiến thức về cú pháp tiếng Nhật
- Rèn luyện kỹ năng phân tích câu trong tiếng Nhật
- Ghi nhớ và vận dụng những cụm từ, câu đơn giản đến khó
- Rèn luyện phương pháp học tập chủ động thông qua các bài tập cá nhân

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nhận diện cấu trúc các loại cụm từ thường gặp trong ngôn ngữ Nhật. CLO2. Hiểu phương pháp và thao tác phân tích câu. CLO3. Phát triển khả năng sáng tạo và yêu thích ngôn ngữ thông qua hoạt động nhóm
PP giảng dạy: Nghiên cứu tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Hướng dẫn tự học;

PP học: Tổng hợp tài liệu; Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Bài kiểm tra giữa kì, Bài kiểm tra cuối kì, Dự lớp, Quá trình

8.27. Thực hành giảng dạy (Teaching Practice), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng, chiến lược và cách xử lý tình huống khi tổ chức quản lý lớp học, tương tác với đối tượng giảng dạy, xây dựng bài giảng, giảng dạy các lĩnh vực ngữ pháp, từ vựng, nghe - nói, đọc - viết trong lớp học Tiếng Nhật. Người học trình bày mô phỏng các tình huống giảng dạy theo nhóm, cá nhân liên quan đến các nội dung trên. Bên cạnh đó, học phần tạo cơ hội cho sinh viên củng cố, phát triển năng lực tiếng Nhật chuyên ngành giảng dạy và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện, cùng với các kỹ năng khác để đáp ứng học tập, làm việc trong môi trường giáo dục.

Mục tiêu học phần:

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy để thực hành cho hoạt động giảng dạy từng kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) tiếng Nhật
- Phát triển kỹ năng giảng dạy tiếng Nhật của từng cá nhân

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Vận dụng các phương pháp giảng dạy để xây dựng lớp học tiếng Nhật, CLO2. Xử lý tình huống khi tổ chức quản lý lớp học, tương tác với đối tượng giảng dạy, CLO3. Sử dụng được các thiết bị công nghệ trong giảng dạy. CLO4. Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học. CLO5. Có ý thức thức tự học và tự rèn luyện để nâng cao trình độ. CLO6. Kỹ năng làm việc nhóm

PP giảng dạy: Thuyết trình, Bài tập cá nhân, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm;

PP học: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tự học.

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình, Thuyết trình, Bài tập lớn, Dự lớp

8.28. Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật (Teaching Methods for Japanese Language), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 8 chương, trang bị cho sinh viên các kiến thức lý thuyết chuyên sâu về phương pháp giảng dạy tiếng Nhật với tư cách là ngôn ngữ quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Nội dung chính của học phần tập trung vào phương pháp giảng dạy cấu trúc ngôn ngữ như giảng dạy ngữ pháp, từ vựng, phát âm và phát triển các bài giảng, quản lý học tập liên quan đến các nội dung này. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện cho người học kỹ năng, cách xử lý tình huống khi tổ chức quản lý lớp học, tương tác với đối tượng giảng dạy. Bên cạnh đó, học phần tạo cơ hội cho sinh viên củng cố, phát triển năng lực tiếng Nhật và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện, cùng với các kỹ năng khác để đáp ứng học tập, làm việc trong môi trường hiện đại.

Mục tiêu của học phần:

- Trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết về phương diện kiến thức và ngôn ngữ để thực hiện các nhiệm vụ trong việc giảng dạy tiếng.

- Trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng tổ chức, quản lý lớp học, và xây dựng bài giảng.

- Trang bị kỹ năng lập kế hoạch học tập và phương pháp học tập cho định hướng nghề nghiệp tương lai.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Giải thích được các thuật ngữ liên quan đến vấn đề dạy và học tiếng Nhật, CLO2. Phân biệt các phương pháp giảng dạy tiếng Nhật để áp dụng hiệu quả cho từng kỹ năng, đối tượng, CLO3. Xây dựng được một bài giảng ngữ pháp, đọc hiểu, nghe - nói tiếng Nhật, CLO4. Sử dụng được các thiết bị công nghệ trong giảng dạy, CLO5. Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học, CLO6. Kỹ năng làm việc nhóm

PP giảng dạy: Thuyết trình, Bài tập cá nhân, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm;

PP học: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tự học.

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình, Dự lớp, Bài tập lớn

8.29. Giáo dục Nhật Bản (Education in Japan), 2 tín chỉ

Tóm tắt môn học: Học phần cung cấp kiến thức về hệ thống giáo dục, lịch sử hình thành, phương pháp giáo dục, các đặc điểm nổi bật của giáo dục Nhật Bản, từ đó giúp người học nghiên cứu, tìm hiểu sâu về nền giáo dục ưu việt này.

Mục tiêu môn học:

- Trang bị những kiến thức tổng quát về đặc điểm giáo dục Nhật Bản
- Phân tích được những đặc điểm ưu việt, bài học rút ra từ nền giáo dục Nhật Bản

- Xây dựng kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng phản biện cho người học

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. Có kiến thức về hệ thống giáo dục Nhật Bản từ mẫu giáo đến đại học, sau đại học; CLO2. **Phân tích** các đặc điểm nổi bật, ưu việt của giáo dục Nhật Bản; CLO3. **So sánh** giáo dục Nhật Bản và các nước, đặc biệt với Việt Nam; CLO4. **Nâng cao** khả năng tư duy, phản biện, tranh luận, thuyết trình.

PP giảng dạy: Nghiên cứu tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Hướng dẫn tự học.

PP học: Tổng hợp tài liệu, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Bài kiểm tra giữa kì, bài kiểm tra cuối kì, dự lớp, quá trình.

8.31. Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ (Evaluation in Foreign Language Education), 2 tín chỉ

Tóm tắt môn học: Cung cấp cơ sở lý luận về Kiểm tra - Đánh giá trong giáo dục, từ đó người học có thể vận dụng kiến thức của học phần để thiết kế câu hỏi, đề kiểm tra và các công cụ đánh giá để đánh giá kết quả học tập và rèn luyện các học phần thực hành tiếng của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Nhật.

Mục tiêu môn học:

- Nắm vững nội dung và ý nghĩa của kiểm tra đánh giá ngôn ngữ trong quá trình giảng dạy ngôn ngữ;
- Nắm vững các khái niệm căn bản về kiểm tra đánh giá được giới thiệu trong chương trình.
- Hiểu biết căn bản về các vấn đề chính trong lý thuyết và thực hành kiểm tra đánh giá được giới thiệu trong chương trình.
- Nắm vững cơ sở lý luận cần thiết về kiểm tra đánh giá ngoại ngữ trong việc xác định mục đích đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện kiểm tra đánh giá, và thẩm định chất lượng công tác kiểm tra đánh giá cũng như kết quả kiểm tra đánh giá trong bối cảnh làm việc cụ thể của mình.

CDR của môn học: CLO1. Có kiến thức cơ bản về một số khái niệm, mục đích, chức năng của việc kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học . CLO2. Vận dụng được các phương pháp kiểm tra đánh giá và công cụ kiểm tra đánh giá . CLO3. Thiết kế đề kiểm tra đánh giá năng lực người học. CLO4. Nâng cao khả năng đánh giá, tư duy phản biện.

PP dạy: diễn giảng, thảo luận

PP học: thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình, báo cáo

PP kiểm tra đánh giá: Dự lớp, Bài kiểm tra giữa kì, Bài kiểm tra cuối kì

8.32. Thực tập cơ sở ngôn ngữ Nhật (Basic Japanese Language Internship), 2 tín chỉ

Tóm tắt môn học: Học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận môi trường thực tế, thực hành nghề nghiệp tại các doanh nghiệp Nhật Bản, hoặc có yếu tố Nhật Bản để học tập công việc và định hướng nghề nghiệp tương lai.

Mục tiêu môn học:

- Tìm hiểu nhu cầu nhân sự của doanh nghiệp đối với ngành nghề
- Rèn luyện ngôn ngữ Nhật thông qua công việc thực tập
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, cá nhân thông qua công việc thực tập
- Phát triển năng lực bản thân trong môi trường làm việc thực tế

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. Hiểu văn hóa doanh nghiệp, cách thức tổ chức, vận hành, làm việc tại doanh nghiệp Nhật Bản hoặc có yếu tố Nhật Bản, CLO2. Sử dụng được kiến thức (ngôn ngữ, văn hóa, xã hội...) đã học vào thực tế công việc, CLO4. Giải quyết các vấn đề độc lập liên quan công việc chuyên môn, nghề nghiệp, CLO5. Sử dụng ngôn ngữ (Nhật, Hàn) vào công việc thực tế ở mức độ sơ – trung cấp, CLO6. Tích cực, chủ động đối với công việc thực tế, CLO7. Sáng tạo, tư duy trong công việc thực tế, CLO8. Phát triển năng lực bản thân trong môi trường thực tế

PP giảng dạy: Hướng dẫn tự học;

PP học: Tự học, tự nghiên cứu; Thực hành thực tế.

PP kiểm tra, đánh giá: Báo cáo, Báo cáo nhận xét từ đơn vị nhận thực tập

8.33. Thực tập tốt nghiệp Ngôn ngữ Nhật (Graduation Internship), 5 tín chỉ

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận môi trường thực tế, thực hành nghề nghiệp tại các doanh nghiệp Nhật Bản, hoặc có yếu tố Nhật Bản để học tập công việc và định hướng nghề nghiệp tương lai.

Mục tiêu môn học:

- Tìm hiểu nhu cầu nhân sự của doanh nghiệp đối với ngành nghề
- Rèn luyện ngôn ngữ Nhật thông qua công việc thực tập
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, cá nhân thông qua công việc thực tập
- Định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp
- Phát triển năng lực bản thân trong môi trường làm việc thực tế

CĐR của học phần: CLO1: Ứng dụng được kiến thức (ngôn ngữ, văn hóa, xã hội...) đã học vào thực tế công việc tại doanh nghiệp; CLO2: Giải quyết các vấn đề độc lập liên quan công việc chuyên môn, nghề nghiệp; CLO3: Sử dụng ngôn ngữ (Nhật, Hàn) vào công việc thực tế ở mức độ trung cấp; CLO4: Tích cực, chủ động đối với công việc thực tế; CLO5: Sáng tạo, tư duy trong công việc thực tế; CLO6: Phát triển năng lực bản thân trong môi trường thực tế

PP giảng dạy: Hướng dẫn tự học

PP học: Tự học, tự nghiên cứu, Thực hành thực tế

PP đánh giá, kiểm tra: Tiểu luận (báo cáo thực tập), Báo cáo nhận xét từ đơn vị nhận thực tập

8.34. Khóa luận tốt nghiệp Ngôn ngữ Nhật (Graduation Thesis), 12 tín chỉ

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu chuyên sâu, cách xác định đề tài nghiên cứu và lên kế hoạch nghiên cứu cho bản thân. Sinh viên có thể xác định được đề tài nghiên cứu phù hợp với bản thân theo sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và vận dụng những kỹ năng, kiến thức đã học được vào quá trình nghiên cứu và làm khóa luận tốt

nghiệp. Ở môn học này, sinh viên sẽ trau dồi khả năng phân tích, so sánh, bóc tách được vấn đề cần nghiên cứu, đưa ra được những đánh giá mang tính khoa học, phát triển được những yếu tố mới trong nghiên cứu của bản thân so với các nghiên cứu trước đó, đồng thời đưa ra được đề xuất và hướng giải quyết vấn đề cho nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

Mục tiêu môn học:

-Tích cực tìm hiểu vấn đề, xác định đề tài nghiên cứu và chủ động lên kế hoạch nghiên cứu

Xây dựng kỹ năng phân tích, đánh giá, so sánh...các vấn đề quan tâm nghiên cứu

-Xây dựng tư duy phản biện, khả năng làm việc độc lập

-Đề xuất được ý kiến cá nhân thông qua đề tài nghiên cứu

-Sử dụng được vốn kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành vào xây dựng, phân tích vấn đề

CDR của học phần: CLO1: Xác định đề tài nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu và lên kế hoạch nghiên cứu cho bản thân; CLO2: Trau dồi khả năng phân tích, so sánh, bóc tách được vấn đề cần nghiên cứu, đưa ra được những đánh giá mang tính khoa học, phát triển được những yếu tố mới trong nghiên cứu; CLO3: Sử dụng được kiến thức (ngôn ngữ, văn hóa, xã hội...) đã học vào việc nghiên cứu, phân tích vấn đề; CLO5: Đề xuất được ý kiến cá nhân, hướng giải quyết vấn đề của đề tài nghiên cứu, CLO6: Tích cực, chủ động đối với kế hoạch nghiên cứu

PP giảng dạy: Hướng dẫn tự học

PP học: Tự học, tự nghiên cứu,

PP đánh giá, kiểm tra: Khóa luận, Báo cáo khóa luận

8.35. Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao (Advanced Japanese Grammar), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 11 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về ngữ pháp tiếng Nhật cấp độ N3 theo chuẩn JLPT (Năng lực Nhật ngữ quốc tế), nhằm giúp người học hiểu và vận dụng được các mẫu ngữ pháp cụ thể. Người học được giới thiệu cơ bản về ý nghĩa, cấu trúc câu, cách sử dụng và các ví dụ cụ thể của từng mẫu ngữ pháp. Bên cạnh đó còn giúp người học biết so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa các mẫu ngữ pháp trong từng ngữ cảnh khác nhau. Ngoài ra, học phần còn trang bị thêm cho người học khoảng 1500 từ vựng mới ở cấp độ tương ứng.

Mục tiêu môn học:

-Cung cấp kiến thức ngữ pháp tiếng Nhật ở mức độ trung cấp trở lên

-Vận dụng tốt các mẫu câu ngữ pháp vào trong các tình huống cụ thể

-Ghi nhớ từ vựng và mẫu câu trung cấp để nâng cao khả năng đọc, viết, nghe, nói ở mức độ trung cấp trở lên

-Trang bị kỹ năng tự học

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Vận dụng được các mẫu ngữ pháp ở cấp độ N3, CLO2. Phân tích được những điểm tương đồng và khác biệt giữa các mẫu ngữ pháp ở cấp độ N3, CLO3. Vận dụng được khoảng 1500 từ vựng ở cấp độ JLPT N3. CLO4. Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học, CLO5. Có ý thức tự học và tự rèn luyện để nâng cao trình độ.

PP giảng dạy: Phát vấn, Hỏi lại hoặc vấn đáp, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu; Đồng não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài tập về nhà, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm;

PP học: Làm việc nhóm, Tự học.

PP kiểm tra, đánh giá: Bài kiểm tra tổng hợp giữa kì, Bài kiểm tra tổng hợp cuối kỳ, Dự lớp

8.36. Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao (Advanced Japanese Reading and Writing), 3 tín chỉ

Tóm tắt môn học: Học phần gồm có 4 phần, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng đọc tiếng Nhật nâng cao ở mức độ trung cấp trong môi trường học thuật, làm nền tảng cho việc tiếp tục học tập, nghiên cứu tiếng Nhật trong thời gian tiếp theo.

Mục tiêu môn học:

- Cung cấp kỹ năng đọc tiếng Nhật ở mức độ trung cấp trở lên
- Vận dụng tốt kỹ năng đọc để giải quyết các bài đọc dài mức độ trung cấp trở lên
- Người học chủ động tìm hiểu, ghi nhớ các từ vựng, hán tự ở mức độ trung cấp trở lên
- Trang bị kỹ năng tự học

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. Đọc thành thạo các Hán tự, từ ngoại lai... được sử dụng trong bài đọc. CLO2. Sử dụng được các dạng văn bản, tùy bút, kí sự ... ở trình độ trung – cao cấp, CLO3. Vận dụng các từ vựng, ngữ pháp đã học để đọc hiểu các đề tài có liên quan đến văn hóa, xã hội ở mức độ trung – cao cấp. CLO4. Tích cực, chủ động trong học tập.

PP giảng dạy: Thuyết trình, Hỏi lại hoặc vấn đáp, Bài tập cá nhân, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm;

PP học: Làm việc nhóm, Tự học.

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình, Thi cuối kỳ, Dự lớp, Thi giữa kì.

8.37. Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao (Advanced Japanese listening and speaking Japanese), 3 tín chỉ

Tóm tắt môn học: Học phần này cung cấp cho người học các mẫu câu, tình huống đàm thoại ở trình độ trung – cao cấp. Người học được luyện tập các tình huống đàm thoại của người bản xứ dùng trong đời sống, công việc, phát triển được nội dung câu chuyện, luyện tập nghe và nói ở tốc độ nhanh.

Mục tiêu môn học:

- Nâng cao kỹ năng nghe tiếng Nhật ở mức độ trung cấp trở lên
- Nâng cao kỹ năng nói tiếng Nhật ở mức độ trung cấp trở lên
- Vận dụng tốt từ vựng, mẫu câu, cách nói ở mức độ trung cấp trở lên để xử lý các hội thoại hoặc tình huống khó
- Trang bị kỹ năng tự học

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. Nghe hiểu được nội dung một đoạn văn, đoạn hội thoại; CLO2. Ghi nhớ được những mẫu câu, từ vựng thường dùng trong những tình huống cố định; CLO3. Nói hoặc giải thích được tình huống mang tính chất miêu tả, diễn giải, giải thích...; CLO4. Áp dụng các từ vựng, mẫu câu vào các tình huống giả định.

PP giảng dạy: Hỏi lại hoặc vấn đáp; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài luyện nghe về nhà; Hướng dẫn tự học.

PP học: Tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình, vấp đáp, dự lớp, bài kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ

8.38. Hán tự học tổng hợp (Comprehensive Kanji Learning), 2 tín chỉ,

Tóm tắt môn học: Học phần gồm 2 chương, trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu hơn về Hán tự ở cấp độ N3 theo chuẩn JLPT. Bao gồm lịch sử hình thành, cách viết, cấu tạo chữ Hán. Từ vựng Hán tự được sắp xếp theo từng chủ đề phù hợp, giúp người học dễ dàng ghi nhớ và đọc hiểu nội dung các tài liệu tiếng Nhật hữu quan.

Mục tiêu môn học:

- Phân tích đặc điểm, cấu tạo của Hán tự từ sơ cấp đến trung cấp
- Ghi nhớ và đọc - viết thành thạo hán tự ở mức độ sơ cấp
- Ghi nhớ và đọc - viết thành thạo hán tự ở mức độ trung cấp
- Vận dụng các phương pháp thực hành đọc – viết hán tự để xử lý các yêu cầu liên quan như đọc văn bản, dịch văn bản ở mức độ trung cấp trở lên
- Trang bị kỹ năng tự học

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. Biết được các cách đọc âm on, âm kun, âm Hán Việt của khoảng 320 Hán tự ở cấp độ N3. CLO2. Phân biệt được các Hán tự có nhiều nét tương đồng với nhau. CLO3. Trình bày được ý nghĩa và cách sử dụng của khoảng 320 Hán tự ở cấp độ N3. CLO4. Phân tích được đặc điểm cấu tạo của Hán tự theo phương pháp chiết tự. CLO5. Viết đúng Hán tự đã học. CLO6. Vận dụng được các Hán tự đã học để đọc, viết câu, đoạn văn. CLO7. Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học; hợp tác làm việc theo cặp/nhóm.

PP giảng dạy: Hỏi lại hoặc vấn đáp, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân);

PP học: Làm việc nhóm, Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Bài kiểm tra tổng hợp cuối kỳ, Dự lớp, Bài kiểm tra tổng hợp giữa kỳ

8.39. Ngữ âm học tiếng Nhật (Japanese Phonetics Studies), 2 tín chỉ

Tóm tắt môn học: Môn học cung cấp kiến thức về ngữ âm, ngữ âm học, bộ máy phát âm, hệ thống nguyên âm, phụ âm, âm ngắt, âm dài, cấu tạo âm, sự khác nhau giữa các vùng ở Nhật Bản, trọng âm tiếng chuẩn Tokyo, ngữ điệu, trọng âm và ngữ điệu, sự khác nhau về ngữ điệu của các phương ngữ.

Mục tiêu môn học:

- Cung cấp kiến thức chung về ngữ âm tiếng Nhật
- Phát âm đúng : âm ngắt, âm dài, trọng âm...
- Phân biệt ngữ điệu của các địa phương
- Hỗ trợ kỹ năng nghe và nói tốt hơn

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. Nắm vững kiến thức về ngữ âm và ngữ âm học tiếng Nhật. CLO2. Phân biệt âm tiết, âm tố, âm vị. CLO3. Nắm vững hệ thống nguyên âm, phụ âm, CLO4. Xác định được âm thanh, trọng âm và cách nhấn mạnh trong cách phát âm của các từ và trong ngữ điệu của câu tiếng Nhật, CLO5. Có ý thức tự học và tự rèn luyện.

PP giảng dạy: Thuyết trình, Hỏi lại hoặc vấn đáp, Giao bài dịch cá nhân về nhà, Hướng dẫn tự học, Bài tập nhóm;

PP học: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tự học, tự nghiên cứu, Thảo luận

PP kiểm tra đánh giá: Bài tập cá nhân, Bài tập nhóm, Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ, Bài tập lớn cuối kỳ, Dự lớp.

8.40. Ngữ pháp học tiếng Nhật (Japanese Grammar Studies), 2 tín chỉ

Tóm tắt môn học: Cung cấp kiến thức chuyên sâu và khái niệm “câu”, các thành phần của câu, sự phân loại câu và cấu trúc của câu trong tiếng Nhật.

Mục tiêu môn học:

-Cung cấp kiến thức chung về ngữ pháp tiếng Nhật, nắm vững các đặc điểm của nó

-Phân tích thành thạo từ, câu thông qua các bài tập vận dụng

-Xây dựng kỹ năng tự nghiên cứu

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. Hiểu và vận dụng được các kiến thức về hệ thống ngữ pháp của tiếng Nhật. CLO2. Thực hiện các yêu cầu trong bài luyện tập. CLO3. Tham dự đầy đủ các buổi học, tham gia thảo luận.

PP giảng dạy: Thuyết trình, Hỏi lại hoặc vấn đáp, Giao bài dịch cá nhân về nhà, Hướng dẫn tự học, Bài tập nhóm;

PP học: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tự học, tự nghiên cứu, Thảo luận

PP kiểm tra, đánh giá: Bài tập cá nhân, Bài tập nhóm, Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ, Bài tập lớn cuối kỳ, Dự lớp.

8.41. Từ vựng học tiếng Nhật (Japanese Vocabulary Studies), 2 tín chỉ

Tóm tắt môn học: cung cấp kiến thức cơ bản về từ vựng học tiếng Nhật, phân loại từ trong tiếng Nhật; đồng thời, trang bị vốn từ vựng theo chủ đề trong đời sống hằng ngày theo văn phong tiếng Nhật, hỗ trợ tích cực cho việc nâng cao kỹ năng thực hành tiếng của người học.

Mục tiêu môn học:

- Cung cấp kiến thức cơ bản về từ vựng học tiếng Nhật
- Phân loại từ trong tiếng Nhật
- Ghi nhớ từ vựng và vận dụng nó để giải quyết các tình huống theo chủ đề từ sơ cấp đến trung cấp
- Xây dựng kỹ năng tự nghiên cứu

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. Có kiến thức cơ bản về từ vựng học tiếng Nhật (từ và cấu tạo từ); CLO2. Phân biệt các từ loại trong tiếng Nhật; CLO3. Vận dụng được vốn từ vựng (theo chủ đề) vào cuộc sống hằng ngày, nâng cao khả năng thực hành tiếng; CLO4. Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình.

PP giảng dạy: diễn giảng, thảo luận.

PP học: thảo luận, làm việc nhóm, làm việc cá nhân, thuyết trình.

PP kiểm tra đánh giá: Dự lớp, bài kiểm tra giữa kì, bài kiểm tra cuối kì.

8.42. Đất nước học Nhật Bản (Japanese Country Studies), 2 tín chỉ

Tóm tắt môn học: Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về Lịch sử, chính trị, địa lý Nhật Bản, nhằm giúp người học có những hiểu biết về lịch sử Nhật Bản từ thời Chiến Quốc đến quá trình chuyển đổi sang nước tư bản chủ nghĩa và phát triển thành một dân tộc hùng mạnh trên thế giới. Bên cạnh đó, người học còn được tìm hiểu về văn hóa Nhật Bản thông qua các nét văn hóa truyền thống và hiện đại gồm nghi lễ, phong tục tập quán, cuộc sống sinh hoạt (ăn ở, lễ hội, vui chơi giải trí, học tập...) v.v...

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp kiến thức tổng quát về lịch sử, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục Nhật Bản
- Phân tích được những thay đổi trong xã hội Nhật Bản qua các thời kì
- Xây dựng kỹ năng thuyết trình, phản biện
- Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. **Hiểu kiến thức tổng quát lịch sử và văn hóa Nhật Bản qua các thời kỳ.** CLO2. Phân tích các đặc trưng nổi bật về Kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục... Nhật Bản qua các giai đoạn lịch sử. CLO3. Giải thích được nội dung các chính sách đối ngoại và các biểu hiện của văn hóa truyền thống và hiện đại. CLO4. Tích cực, chủ động trong học tập. CLO5. Biết tổ chức, phân công nhóm. CLO6. Tự tin phát biểu trước mọi người.

PP giảng dạy: Thuyết trình; Phát vấn; Đọc và tóm lược nội dung tài liệu; Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài đọc về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm

PP học: Thuyết trình; Làm việc nhóm; Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Tiểu luận, Dự lớp

8.43. Kỹ năng nghiệp vụ biên - phiên dịch (Professional translation and interpretation skills), 2 tín chỉ

Tóm tắt môn học: Học phần cung cấp cho người học kỹ năng về nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu và các kỹ năng về nghiệp vụ biên phiên dịch để thực hiện công tác biên dịch, phiên dịch trong môi trường trong nước và quốc tế;

Mục tiêu môn học:

- Trang bị kỹ năng dịch thuật : dịch nói và dịch viết
- Nắm vững và vận dụng được những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, giáo dục...để giải quyết các tình huống dịch thuật từ dễ đến khó
- Xây dựng kỹ năng nghe, nói, viết...ở mức độ khó
- Xây dựng kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm

Chuẩn đầu ra môn học: CLO1. Nắm vững kỹ năng dịch thuật và xác định được phương pháp tiếp cận, kỹ thuật dịch phù hợp. CLO2. Vận dụng kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội ...để thực hành các tình huống dịch thuật. CLO3:Tự tin trong các tình huống dịch thuật. CLO3. Làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến dịch thuật

PP giảng dạy: Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); Giao bài về nhà; Hướng dẫn tự học; Thảo luận nhóm;

PP học: Làm việc nhóm; Tự học, tự nghiên cứu

PP kiểm tra, đánh giá: Quá trình; Bài thi giữa kì, Bài thi cuối kì, Dự lớp

8.44. Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần:

Học phần Triết học Mác – Lênin trang bị cho người học các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về thế giới quan và phương pháp luận khoa học; các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vai trò của triết học Mác – Lênin. Từ đó, người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề nảy sinh hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân. Người học có thể xây dựng ý thức tự giác, chủ động tìm hiểu, thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần:

- Diễn giải các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về thế giới quan và phương pháp luận; các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vai trò của triết học Mác – Lênin đối với khoa học và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay;
- Xác định hiện tượng mê tín dị đoan, hoạt động tín ngưỡng; chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa duy tâm trong thực tế cuộc sống;
- Áp dụng các quy luật, nguyên lý, phạm trù của phép biện chứng duy vật trong giải quyết công việc, trong cuộc sống và phát triển những mối quan hệ xã hội của bản thân;

- Tự lên kế hoạch và làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề trong học tập và cuộc sống khi học học phân triết học Mác – Lênin.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. *Trình bày (hoặc hiểu) được:* những kiến thức cơ bản của triết học Mác – Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; CLO2. *Giải thích được:* những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống thực tiễn xã hội hiện nay; CLO3. *Phân tích được:* những vấn đề cơ bản của triết học Mác – Lênin (*chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử*) biểu hiện trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. *Phân tích được:* những vấn đề cơ bản của triết học Mác – Lênin (*chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử*) biểu hiện trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; CLO4. *Vận dụng* vào tìm hiểu đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong thời kỳ quá độ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, biết nhìn nhận và vận dụng hiệu quả phương pháp luận triết học trong cuộc sống; CLO5. Tư duy logic, kỹ năng tranh luận; CLO6. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo, làm việc nhóm...; CLO7. Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch...; CLO8. Có lập trường, tư tưởng vững vàng; CLO9. Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc.

PP giảng dạy: Thuyết trình; đọc và tóm lược nội dung tài liệu; động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân); giao bài đọc về nhà; hướng dẫn tự học; thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình; làm việc nhóm; tự học, tự nghiên cứu; tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm.

8.45. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist-Leninist Political Economics), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần **Kinh tế chính trị Mác - Lênin** trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin; về kinh tế hàng hóa, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó, người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để hình thành ý thức tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng với thái độ khách quan, trung thực và tin tưởng; đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái về chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần:

- Diễn giải những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin;
- Xác định những vấn đề có tính quy luật trong học thuyết kinh tế chính trị Mác – Lênin;

- Áp dụng những vấn đề có tính quy luật của kinh tế chính trị Mác – Lênin vào thực tiễn hoạt động của bản thân, vào việc bảo vệ quan điểm đúng đắn, phản biện lại những tư tưởng sai trái về định hướng phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

- Tự lên kế hoạch và làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề trong học tập và cuộc sống.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. *Hiểu và nắm được:* đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin và những kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin (Hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế); CLO2. *Giải thích được:* nguyên nhân ra đời, sự vận động và phát triển của kinh tế và chính trị về: hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế) trong giai đoạn hiện nay; CLO3. *Phân tích được:* những vấn đề cơ bản của môn kinh tế chính trị Mác- Lênin biểu hiện ở lĩnh vực kinh tế và chính trị trong đời sống xã hội như: Hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế); CLO4. *Thấy rõ được:* đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Qua đó, có kiến thức căn bản để tự thân vận dụng phát triển kinh tế; CLO5. Tư duy logic, kỹ năng tranh luận; CLO6. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và làm báo cáo, làm việc nhóm; CLO7. Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch; CLO8. Có lập trường, tư tưởng vững vàng; CLO9. Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra đánh giá: trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.46. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần **Chủ nghĩa xã hội khoa học** trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quá trình hình thành chủ nghĩa xã hội (CNXH) như: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những đặc điểm cơ bản, những vấn đề về chính trị - xã hội của CNXH và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ những kiến thức cơ bản đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; Xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, khách quan về con đường XHCN mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của nhà nước.

Mục tiêu học phần:

- Diễn giải các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học;
- Xác định những đặc điểm cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội XHCN;
- Áp dụng các kiến thức cơ bản của CNXH khoa học trong việc giải thích, phân tích một số vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội;
- Tự lên kế hoạch và làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề trong học tập và cuộc sống khi học học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chuẩn đầu ra học phần: : CLO1. *Trình bày và nắm được:* những kiến thức cơ bản của môn học như nguồn gốc ra đời và phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; nội dung và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vấn đề dân chủ và nhà nước XHCN; vấn đề cơ cấu và liên minh giai cấp; vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; CLO2. *Giải thích được:* những nội dung cơ bản trong từng giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; nội dung và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vấn đề dân chủ và nhà nước XHCN; vấn đề cơ cấu và liên minh giai cấp; vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; CLO3. *Phân tích được:* những vấn đề cơ bản của sự ra đời và phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; nội dung và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vấn đề dân chủ và nhà nước XHCN; vấn đề cơ cấu và liên minh giai cấp; vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; CLO4. *Vận dụng* vào tìm hiểu đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong thời kỳ quá độ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; CLO5. Tư duy logic, kỹ năng tranh luận; CLO6. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo, làm việc nhóm; CLO7. Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch; CLO8. Có lập trường, tư tưởng vững vàng; CLO9. Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, công việc.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra đánh giá: trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.47. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần **Tư tưởng Hồ Chí Minh** trang bị cho người học những kiến thức về nguồn gốc và các giai đoạn hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác thực tiễn để chủ động giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội theo tư tưởng, đạo đức của Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

Mục tiêu học phần:

- Giải thích các nội dung chính của cơ sở hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Giải thích tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người;

- Áp dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh trong cuộc sống và trong các mối quan hệ xã hội;

- Tự lên kế hoạch và làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề văn hóa, đạo đức theo tư tưởng của Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Giúp sinh viên hiểu biết đúng về cuộc đời, quá trình hoạt động cách mạng và quá trình hình thành phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; CLO2. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống, khoa học những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản, về nhà nước, về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về vấn đề văn hóa, đạo đức về xây dựng con người mới ở Việt Nam; CLO3. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin về dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản; về nhà nước; về đoàn kết quốc tế ... nhằm giúp sinh viên có hiểu biết nhất định về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam trong hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam CLO4. Góp phần hình thành, củng cố lập trường, quan điểm cách mạng và những nền tảng chuẩn mực đạo đức của con người mới Việt Nam, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng của TTHCM đối với CMVN; CLO5. Giúp cho sinh viên biết cách tu dưỡng, rèn luyện bản thân theo phẩm chất đạo đức và tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh, qua đó để họ đóng góp được nhiều nhất cho sự nghiệp mà HCM, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn và kiên trì theo đuổi: độc lập của dân tộc gắn liền với CNXH; CLO6. Giúp sinh viên học được cách tư duy của Hồ Chí Minh, lý luận luôn xuất phát từ thực tế, phù hợp với thực tế; CLO7. Giúp cho sinh viên biết vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề thiết thực trong cuộc sống, trong học tập, trong công tác; CLO8. Giúp cho sinh viên có kỹ năng học tập các môn lý luận chính trị nói chung, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng; CLO9. Giúp sinh viên có cơ sở khoa học, chủ động đấu tranh bảo vệ CNMLN, TTHCM, đường lối, quan điểm của ĐCSVN, làm cho TTHCM tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ; CLO10. Giúp sinh viên có niềm tin và niềm tự hào về lãnh tụ của dân tộc mình, có ý thức tham gia vào công việc chung của lớp, của trường, của đất nước; CL011. Giúp sinh viên thấy được trách nhiệm của bản thân đối với Hồ Chí Minh, đối với dân tộc; CLO12. Giúp sinh viên có ý thức tu dưỡng rèn luyện theo tư tưởng, phẩm chất, đạo đức Hồ Chí Minh.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.48. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ Đổi mới. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn cũng như chủ động giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Mục tiêu học phần:

- Giải thích các nội dung chính của quá trình hình thành và phát triển tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Giải thích vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và trong quá trình xây dựng CNXH;
- Áp dụng được những chủ trương của Đảng trong cuộc sống và trong các mối quan hệ xã hội;
- Tự lên kế hoạch và làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chủ trương của Đảng.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày vai trò nhiệm vụ của môn học; CLO2. Xây dựng phương pháp học tập, nghiên cứu; CLO3. Vận dụng phương pháp phân tích vào việc phân tích Cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng; CLO4. Đánh giá các sự kiện; CLO5. Vận dụng cải tiến phương pháp trong công tác tuyên truyền đường lối của Đảng; CLO6. Tham gia tích cực vào việc làm của nhóm; CLO7. Xử lý tốt các vấn đề phát sinh trong công tác; CLO8. Có ý thức học tập, tham gia vào công việc của lớp; CLO9. Có tinh thần giúp đỡ mọi người; CLO10. Xây dựng đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.49. Pháp luật đại cương (General Law), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Môn học khái quát về nguồn gốc ra đời nhà nước và pháp luật; bản chất, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật; về bộ máy Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN); về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý giúp người học hiểu rõ tính chất pháp lý, cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm Pháp luật; Giới

thiếu những nội dung cơ bản nhất của những ngành luật chủ yếu ở nước ta hiện nay. Từ đó, người học được tiếp cận nghiên cứu các ngành luật chủ yếu trong hệ thống Pháp luật Việt Nam để có thể tiếp cận các ngành luật khác phát sinh từ các ngành luật gốc. Đại cương về pháp luật quốc tế, gồm những kiến thức chung về công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế, luật thương mại quốc tế. Ngoài ra, chương trình học lồng ghép Pháp luật Phòng chống tham nhũng.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về nguồn gốc ra đời nhà nước, luật pháp;
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật, bộ máy nhà nước CHXHCNVN;
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về Hệ thống pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, và trách nhiệm pháp lý;
- Trang bị kiến thức về nội dung cơ bản các ngành luật trong hệ thống pháp luật VN;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày thành phần, các chức năng của một hệ thống luật pháp của VN; CLO2. Xây dựng mối quan hệ các ngành luật trong hệ thống pháp luật VN; CLO3. Vận dụng tính chất pháp lý, cấu trúc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; CLO4. Đánh giá hoạt động hệ thống pháp luật Việt Nam; CLO5. Thực hành, trình bày các tình huống phát sinh trong hoạt động pháp luật; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả; CLO7. Tư duy phản biện phân tích, đánh giá và đưa ra kết luận về các chủ đề học tập; CLO8. Xây dựng ý thức chấp hành và tôn trọng pháp luật; CLO9. Hình thành ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận cá nhân, dự lớp, kiểm tra

8.50. Tinh thần khởi nghiệp (Entrepreneurship), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần **Tinh thần khởi nghiệp** đặt ra cho người học những câu hỏi về thuật ngữ, đặc điểm, đặc trưng và các yếu tố liên quan khác thuộc về môn học như: Tinh thần khởi nghiệp (Entrepreneurship) là gì? Những đặc trưng của một người khởi nghiệp? Những lý do để trở thành người khởi nghiệp? Đây là các quyết định khởi nghiệp và yếu tố nào mang lại sự thành công hoặc thất bại? Nên khởi nghiệp một mình hay lập thành nhóm? Chọn sản phẩm và thị trường như thế nào? Các chiến lược nào dành cho các doanh nghiệp mới thành lập?... Bên cạnh đó, người học còn được cung cấp một số kiến thức về marketing, người khởi nghiệp, truyền thông số và kinh doanh trực tuyến, các hình thức doanh nghiệp; cách sáng tạo một kế

hoạch kinh doanh, nhu cầu về vốn của người khởi nghiệp, các nguồn tài trợ có thể tiếp cận, quyền sở hữu trí tuệ. Người học còn được tìm hiểu về các nguồn tài sản giá trị của doanh nghiệp, điểm mạnh của doanh nghiệp nhỏ, vai trò của tinh thần khởi nghiệp trong nền kinh tế cũng như tầm quan trọng ở các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu kiến thức tổng quát và cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản về sàng lọc, lựa chọn ý tưởng, bước đầu xây dựng bản kế hoạch kinh doanh khả thi để khởi sự kinh doanh thành công;
- Nhận dạng và sàng lọc, lựa chọn được ý tưởng để khởi sự kinh doanh thành công;
- Áp dụng kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết cho việc lập kế hoạch kinh doanh;
- Phân tích và xây dựng được bản kế hoạch kinh doanh khả thi từ ý tưởng muốn khởi sự khởi nghiệp;
- Hiểu rõ và tuân thủ các quy định của pháp luật, đạo đức và văn hóa trong kinh doanh.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1.1. Trình bày những kiến thức cơ bản về quá lịch sử hình thành kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin, sản xuất hàng hóa, giá trị thặng dư, chủ nghĩa tư bản độc quyền; CLO1.2. Giải thích những kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam, công nghiệp hóa – hiện đại hóa và quan hệ kinh tế quốc tế ở Việt Nam; CLO2.1. Phân tích những vấn đề mang tính quy luật về sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa, các quy luật cơ bản của sản xuất hàng hóa, cơ sở tồn tại và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; CLO2.2. Phân tích sự chuyển biến qua các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản; CLO2.3. Giải thích được cơ sở khách quan của chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ trương công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam; CLO2.4. Xác định những nội dung cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chính sách công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam, quan hệ lợi ích kinh tế và quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam; CLO3.1. Áp dụng những vấn đề về lợi ích kinh tế vào thực tiễn cuộc sống của bản thân; CLO3.2. Áp dụng những quy luật đã học để giải thích những vấn đề diễn ra trong thực tiễn; CLO4.1. Tự lập kế hoạch và làm việc độc lập khi học tập học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin; CLO4.2. Chịu trách nhiệm về các hành vi kinh tế của bản thân trước pháp luật, biết đấu tranh, bảo vệ lợi ích kinh tế hợp pháp trong công việc sau này.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận cá nhân, dự lớp, kiểm tra.

8.51. Môi trường và con người (Environment and Human), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần **Môi trường và con người** cung cấp cho người học những kiến thức chung về các khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên và con người; Mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; Các vấn đề môi trường toàn cầu; Chiến lược và các nguyên tắc phát triển bền vững; Thực trạng môi trường và tài nguyên Việt Nam; Các công cụ và chiến lược quản lý môi trường của Việt Nam. Ngoài ra, môn học còn đề cập đến các Công ước, Luật, Nghị định, Thông tư về quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên của Việt Nam và trên thế giới

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về về dân số, môi trường và tài nguyên, những kỹ năng đạt được, còn giúp sinh viên nâng cao ý thức bảo vệ môi trường hướng đến phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội một cách bền vững;
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về về dân số, môi trường và tài nguyên, những kỹ năng đạt được, còn giúp sinh viên nâng cao ý thức bảo vệ môi trường hướng đến phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội một cách bền vững;
- Góp phần phát triển kỹ năng tính toán và phân tích một số chỉ tiêu về môi trường, tài nguyên, dân số; Kỹ năng phân tích, đánh giá ô nhiễm và đề xuất các giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên;
- Phát triển kỹ năng đọc hiểu tài liệu và đặc biệt là kỹ năng làm việc nhóm, tìm kiếm thông tin, chuẩn bị đề cương, thuyết trình chủ đề nghiên cứu.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày các khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên và con người; CLO2. Phân tích mối quan hệ giữa dân số - tài nguyên và môi trường; CLO3. Giải thích được các hiện tượng, vấn đề môi trường hiện nay; Đánh giá thực trạng môi trường Việt Nam; CLO4. Thực hành tính toán và phân tích một số chỉ tiêu về môi trường, tài nguyên và dân số; CLO5. Vận dụng Kỹ năng đọc hiểu tài liệu, tìm kiếm thông tin hiệu quả; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả; CLO7. Vận dụng Kỹ năng thuyết trình hiệu quả; CLO8. Thể hiện ý thức bảo vệ môi trường; CLO9. Hình thành tình yêu thiên nhiên, chung sống hoà hợp với môi trường.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra

8.52. Quản trị sự thay đổi (Managing change), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần **Quản trị sự thay đổi** có nội dung gồm 07 chương, từ 4-6 bài tập nhóm (phân tích tình huống), 01 bài thuyết trình nhóm, 01 bài tiểu luận nhóm. Trong mỗi buổi học, giảng viên trình bày nội dung bài giảng bằng slide, sinh

viên tham gia thảo luận nhóm. Sau mỗi buổi học, sinh viên làm bài tập nhóm theo các tình huống nghiên cứu do giảng viên yêu cầu. Bài tập nhóm được đánh giá.

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về tính cấp thiết của sự thay đổi, lợi ích của sự thay đổi đối với tổ chức, và tác động của nó đến các cá nhân trong tổ chức và lý do tại sao các tổ chức lại tham gia vào các chương trình thay đổi. Cụ thể, các quy mô thay đổi, hướng tới sự thay đổi liên tục, sẵn sàng để thay đổi, thực hiện thay đổi, các yếu tố xã hội và con người, thích nghi với sự thay đổi

Mục tiêu học phần:

- Nắm được kiến thức cơ bản về quản trị sự thay đổi, những vấn đề khái quát quản trị sự thay đổi;
- Nội dung và phương pháp phân tích các nhân tố thúc đẩy và cản trở sự thay đổi;
- Các kỹ thuật hoạch định sự thay đổi. Các nội dung và kỹ năng cần thiết để thực hiện đổi mới tổ chức doanh nghiệp;
- Hiểu được tầm quan trọng và chức năng của quản trị sự thay đổi, phân biệt được khái niệm quản trị sự thay đổi trong các ngành nghề khác nhau.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Hầu hết chúng ta đều không sẵn sàng để thay đổi. Chúng ta dự định làm mọi thứ theo một cách đã quen thuộc; CLO2. Đây chỉ là một vài sự thay đổi và một trong số đó các tổ chức có quyền không tạo ra áp lực vào những dạng thay đổi này. Vấn đề ở đây là sự xung đột do tất cả các thay đổi đó bao trùm lẫn nhau; CLO3. Là kiến thức và năng lực chuyên môn nghề nghiệp, kiến thức học thuật cốt lõi; năng lực liên quan đến ngành Quản trị sự thay đổi; CLO4. Có khả năng hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá các hoạt động thay đổi nhằm đáp ứng tốt xu hướng tiêu dùng, tạo ra vị trí cạnh tranh vượt trội và bền vững cho sản phẩm/dịch vụ; CLO5. Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc tổ chức sự thay đổi trong DN; CLO6. Nghiên cứu phát triển các giải pháp để thực thi và tổ chức sự thay đổi một cách hiệu quả; CLO7. Làm việc độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân đối với các công việc đảm nhận; CLO8. Có năng lực lập kế hoạch điều phối quản lý, đánh giá và cải thiện hiệu quả doanh nghiệp.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.53. Văn hiến Việt Nam (Vietnamese culture), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần bao gồm 09 chương: cung cấp một hệ thống kiến thức về những giá trị truyền thống của dân tộc như: đạo đức, lối sống, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật... của người Việt Nam thông qua: các khái niệm, nền tảng văn hiến Việt Nam; Những vấn đề về bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống; Tín ngưỡng; Những

danh nhân Việt Nam... Từ những giá trị truyền thống tốt đẹp đó, sinh viên cần có thái độ hành vi như thế nào để góp phần giữ gìn, phát huy và tạo nên bản sắc đặc trưng trước ngưỡng cửa của thời đại mới ngày nay.

Mục tiêu học phần:

- Hệ thống hóa kiến thức về những giá trị truyền thống của dân tộc như: đạo đức, lối sống, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật... của người Việt Nam;
- Nắm được các khái niệm, nền tảng văn hiến Việt Nam;
- Nắm được những vấn đề về bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống; Tín ngưỡng; Những danh nhân VN...;
- Có thái độ hành vi để góp phần giữ gìn, phát huy và tạo nên bản sắc đặc trưng trước ngưỡng cửa của thời đại mới ngày nay.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày vai trò và nhiệm vụ của môn văn hiến Việt Nam trong việc giáo dục giới trẻ về kiến thức văn hóa lịch sử Việt Nam, hiểu được những khái niệm về văn hóa văn vật, văn hiến, văn minh, di sản Việt Nam; CLO2. Xây dựng và vận dụng kiến thức qua việc nghiên cứu bản sắc văn hóa vùng miền Việt Nam; CLO3. Vận dụng kiến thức văn hóa, lịch sử, phong tục, lễ nghi, nghệ thuật giao tiếp... ứng dụng trong thực tế cuộc sống người Việt; CLO4. Đánh giá và lựa chọn các kiến thức văn hóa phù hợp trong cuộc sống, công việc; CLO5. Thực hành các tình huống phong tục văn hóa tín ngưỡng, nghệ thuật giao tiếp trong đời sống văn hóa người Việt; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả phân tích kiến thức cụ thể qua các bài học; CLO7. Xử lý các vấn đề, tình huống, áp dụng kiến thức văn hóa trong đời sống, công việc; CLO7. Có ý thức, trách nhiệm, ứng xử văn hóa tốt trong môi trường văn hóa xã hội; CLO8. Hình thành lòng yêu quê hương, đất nước, cá nhân đóng vai trò phát huy và làm giàu văn hóa dân tộc thông qua môn học VHVN.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.54. Phương pháp học đại học (Methods of University study), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp học tập ở bậc đại học: Kỹ năng nghe giảng và ghi chép bài trong lớp, kỹ năng tìm và tham khảo tài liệu, kỹ năng thảo luận và thuyết trình; cách thiết lập mục tiêu học tập, quản lý thời gian khoa học và biết sử dụng bản đồ tư duy trong học tập một cách hiệu quả; những vấn đề cơ bản của nghiên cứu khoa học, cách xây dựng một đề cương nghiên cứu khoa học, viết tiểu luận. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho sinh viên những thay đổi trong môi trường sống, môi trường học tập và chương trình đào tạo ở bậc đại học; Cung cấp cho sinh viên những chiến lược. phương pháp thích ứng với những thay đổi đó; Cung cấp thông tin cập nhật, thông tin ở các lĩnh vực khác nhau; Theo dõi sự việc xảy ra xung quanh, học hỏi thêm nhiều điều trong

thực tế; Rèn luyện thêm cho sinh viên khả năng tự tin, khả năng giao tiếp từ những kiến thức học trong nhà trường, kỹ năng sống, kỹ năng mềm.

Mục tiêu học phần:

- Nhận biết được những thay đổi trong môi trường sống, môi trường học tập và chương trình đào tạo ở bậc đại học, giúp cho người học có những phương pháp thích ứng với những thay đổi đó;

- Nắm kiến thức cơ bản về phương pháp học tập ở bậc đại học: Kỹ năng nghe giảng và ghi chép bài trong lớp, kỹ năng tìm và tham khảo tài liệu, kỹ năng thảo luận và thuyết trình; cách thiết lập mục tiêu học tập, quản lý thời gian khoa học và biết sử dụng bản đồ tư duy trong học tập một cách hiệu quả;

- Nắm kiến thức về thuyết trình, gửi thư điện tử, soạn thảo PowerPoint, sơ đồ tư duy, thực hiện một dự án, chương trình, đề cương nghiên cứu khoa học. Những vấn đề cơ bản của nghiên cứu khoa học, xây dựng một đề cương nghiên cứu khoa học, viết tiểu luận;

- Rèn luyện sự tự tin, khả năng giao tiếp từ những kiến thức học trong nhà trường, kỹ năng sống, kỹ năng mềm;

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Giải thích được sự khác biệt trong môi trường sống, môi trường học tập, các phương pháp học tập và giảng dạy giữa cấp học Phổ thông và Đại học; CLO2. Thực hiện tìm kiếm tài liệu tham khảo qua các ứng dụng công nghệ thông tin, soạn thảo và gửi thư điện tử, hoàn thành một video clip, file power point, bài thuyết trình, đề cương nghiên cứu khoa học; CLO3. Thiết lập mục tiêu học tập và quản lý thời gian hiệu quả; CLO4. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả; CLO5. Thành thạo các kỹ năng đọc sách, kỹ năng nghe, kỹ năng ghi chú; CLO6. Thành thạo kỹ năng thuyết trình; CLO7. Thành thạo kỹ năng tìm kiếm tài liệu, soạn và gửi thư điện tử, làm video clip, power point; CLO8. Có ý thức trách nhiệm với công việc: lịch sự, ân cần, sẵn sàng phục vụ khách và giúp đỡ đồng nghiệp; CLO9. Hình thành lòng yêu nghề, lấy khách hàng là trung tâm.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.55. Biểu diễn âm nhạc và Khiêu vũ (Music and dance performances), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần:

- Sinh viên sẽ nắm được cơ chế phát âm; biết sử dụng hơi thở trong ca hát. Một số người có giọng hát tự nhiên tốt, tuy nhiên có người có vị trí âm thanh thấp hoặc sâu. Việc tập luyện để có vị trí âm thanh đẹp trong ca hát là điều cần thiết. Học phần này sẽ giúp sinh viên thực hành được kỹ năng này. Sau khi học học phần này. Sinh

viên sẽ có khả năng mở rộng âm vực giọng hát để có thể hát cao hơn hoặc thấp hơn, đáp ứng những bài hát có âm vực rộng.

- Hình tượng âm nhạc trong biểu diễn âm nhạc là cần thiết để giúp người hát truyền tải được tình cảm, thông điệp, ý tưởng của tác phẩm đến người nghe. Sinh viên học xong học phần này sẽ nắm được cơ bản cách cảm nhận hình tượng âm nhạc trong một tác phẩm, cách thể hiện để truyền tải hình tượng thông qua biểu diễn âm nhạc.

- Nội dung về lịch sử của khiêu vũ, một trong những nét Văn hóa nghệ thuật, Văn hóa giao tiếp trong quá trình phát triển của xã hội. Tập luyện Khiêu vũ sẽ giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt hơn. Nghe và cảm nhận, phân biệt được các điệu nhạc.

- Giúp hình thành kỹ năng điều khiển chuyển động các bộ phận của cơ thể (chân, tay, hông, bụng, ngực, vai, đầu).

Mục tiêu học phần:

- Nhằm giúp cho sinh viên nắm được cơ chế phát âm của giọng hát. Biết sử dụng hơi thở đúng trong ca hát và tập luyện được vị trí đẹp của âm thanh trong ca hát;

- Mở rộng được âm vực của giọng hát;

- Cảm nhận được hình tượng âm nhạc trong diễn cảm Thanh nhạc, biết kết hợp được với hình thể trong biểu diễn Thanh nhạc.

- Nhận biết các điệu nhạc, kết hợp các điệu nhạc vào biểu diễn Thanh nhạc và tập luyện được tư thế đẹp khi khiêu vũ nhằm tăng khả năng giao tiếp cho sinh viên;

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: *Áp dụng* được hệ thống kiến thức cơ bản về Âm nhạc làm nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu kiến thức chuyên sâu phục vụ cho việc biểu diễn và hoạt động Âm nhạc; CLOP2: *Có khả năng* áp dụng khối kiến thức về khoa học xã hội nhân văn và kiến thức về lĩnh vực Âm nhạc; CLO3: *Kỹ năng thực hiện thành thạo* các kỹ thuật Thanh nhạc vào các tác phẩm thanh nhạc; CLO8: *Có thể tự lựa chọn, sử dụng* các tác phẩm Thanh nhạc phù hợp với chất giọng và khả năng ca hát của mình để thực hiện tốt chương trình biểu diễn; CLO9: *Hình thành* các kỹ năng cơ bản tác động trực tiếp đến các bộ phận trên cơ thể (tay, chân, hông,...) để phối hợp nhịp nhàng, động tác linh hoạt; CLO10: *Có thái độ nghiêm túc, cần cù tập luyện, bổ sung kiến thức và sáng tạo* trong các bước nhảy của riêng mình.

PP giảng dạy: Thuyết trình, thị phạm chuyên môn, thực hành tập luyện các bài tập, tập luyện theo nhóm biểu diễn, tập phối với nhạc đệm, hướng dẫn tự tập.

PP học tập: Thực hành tập luyện các bài tập, tập luyện theo nhóm biểu diễn, tập phối với nhạc đệm.

PP kiểm tra đánh giá: dự lớp, kiểm tra, thực hành biểu diễn

8.56. Giao tiếp đa văn hóa (Cross-cultural communication), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần bao gồm 09 chương, trình bày các kiến thức: Giao tiếp liên văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, các cách thức vượt qua sự khác biệt

văn hóa, văn hóa và giao tiếp, tác động của văn hóa lên tiến trình giao tiếp, tầm quan trọng của việc học hỏi văn hóa, sốc văn hóa, các giá trị văn hóa đối lập nhau, các giá trị văn hóa đối lập nhau, giao tiếp phi ngôn ngữ, tìm hiểu văn hóa Việt Nam, điều nên làm và không nên làm trong văn hóa Việt Nam dưới cái nhìn của người nước ngoài, tìm hiểu văn hóa Việt Nam trong kinh doanh, tìm hiểu văn hóa Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Pháp...

Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như giải quyết vấn đề, xử lý tình huống và kỹ năng làm việc nhóm...

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những nền văn hóa xa lạ, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc. Cách tiếp cận này kết hợp thế mạnh của 2 lĩnh vực: giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication)- đặt nền tảng trên các lý thuyết về tâm lý học và các lĩnh vực liên quan - và kinh doanh quốc tế (international business).

- Giảng viên có thể cung cấp cho sinh viên những kỹ năng xử lý tình huống khi gặp phải trong thực tế trong môi trường làm việc đa văn hóa (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề...). Trải nghiệm bản thân trong cuộc sống (công tác xã hội, làm thêm...). Bên cạnh đó, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên phát triển kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa để làm hành trang bước vào cuộc sống làm việc năng động hiện đại sau khi tốt nghiệp ra trường

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày được vai trò và nhiệm vụ của giao tiếp đa văn hóa trong môi trường làm việc đa quốc gia; CLO2. Xây dựng và vận dụng các quy trình làm việc trong môi trường đa quốc gia; CLO3. Vận dụng các nguyên tắc giao tiếp, giao tiếp phi ngôn ngữ, nguyên tắc làm việc nhóm đa văn hóa, kiến thức phong tục, lễ nghi một số nước phương Tây, Đông,... trong môi trường làm việc đa văn hóa; CLO4. Đánh giá và lựa chọn các biện pháp nâng cao kiến thức và kỹ năng làm việc tại môi trường đa văn hóa; CLO5. Thực hành các tình huống giao tiếp ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, từ vựng nước ngoài...; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả. CLO7. Xử lý các vấn đề, tình huống trong làm việc môi trường đa văn hóa; CLO8. Có ý thức trách nhiệm với công việc: lịch sự, văn hóa, làm việc hết mình và hòa nhập giúp đỡ đồng nghiệp trong môi trường đa dạng; CLO9. Hình thành lòng yêu nghề yêu môi trường làm việc đa quốc gia, lấy nơi làm việc và khách hàng là trung tâm.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Thi trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.57. Mỹ học đại cương (General Esthetics), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại và tương đối toàn diện về mỹ học như quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ: cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài, nghệ thuật và những vấn đề về giáo dục thẩm mỹ. Học phần cũng góp phần rèn luyện kỹ năng vận dụng những khái niệm cơ bản của mỹ học vào việc cảm thụ, đánh giá cái thẩm mỹ và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân người học.

Mục tiêu học phần: Hiểu biết cơ bản các quy luật hình thành và các yếu tố cấu thành những giá trị thẩm mỹ trong xã hội và trong nghệ thuật. Hiểu và đánh giá được những đặc trưng, bản chất của quan hệ thẩm mỹ, các phạm trù thẩm mỹ. Vận dụng sáng tạo vào phân tích đánh giá các hiện tượng thẩm mỹ trong đời sống và trong nghệ thuật.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1: Hiểu và đánh giá được quá trình phát triển của tư tưởng thẩm mỹ; CLO2: Hiểu và đánh giá được các quan niệm về cái đẹp; CLO3: Hiểu được các đặc trưng của quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ...; CLO4: Vận dụng được các vấn đề đã học vào đánh giá những hiện tượng thẩm mỹ trong xã hội, trong nghệ thuật; CLO5: Áp dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong học tập và nghiên cứu; CLO6: Tiếp cận linh hoạt các giá trị thẩm mỹ, tự tin trình bày và bảo vệ các quan niệm thẩm mỹ; CLO7: Thể hiện vai trò chủ động trong sáng tạo, đánh giá nghệ thuật cũng như trách nhiệm công dân trước các chuẩn mực đạo đức xã hội.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Tự luận, dự lớp, kiểm tra

8.58. Tâm lý học đại cương (General psychology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, hệ thống về các hiện tượng tâm lý, những hiểu biết về quá trình nhận thức, cảm xúc, tình cảm và ý chí và hiểu được bản chất nhân cách của con người; Giới thiệu một số tình huống tâm lý biểu hiện trong đời sống con người...

Mục tiêu học phần:

- Giúp người học hiểu biết bản chất, các hiện tượng tâm lý người.
- Vận dụng kiến thức tâm lý học vào đời sống và hoạt động nghề nghiệp.
- Có kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch của cá nhân, tự học, chủ động.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nhận ra tầm quan trọng của tâm lý, chức năng và một số phương pháp tâm lý để ứng dụng trong học tập, cuộc sống và công việc. Hiểu biết về quá trình nhận thức, ý thức, ý chí, tình cảm và nhân cách để từ đó sinh viên hiểu về bản thân và người khác; CLO2. Nhận biết, hiểu và lý giải được bản chất và các biểu hiện phong phú, đa dạng của các hiện tượng tâm lý người trong cuộc sống; CLO3. Nhận diện, đánh giá tâm lý bản thân và người khác một cách khoa học; CLO4. Sinh viên biết lựa chọn và sử dụng những hiểu biết về tâm lý của bản thân cũng như

người khác để có thể thích ứng và hòa nhập với môi trường sống để học tập, làm việc. Đồng thời sinh viên cũng có thể sử dụng những hiểu biết về tâm lý để giao tiếp và chung sống tốt với những người xung quanh; CLO5. Áp dụng tri thức tâm lý học vào việc rèn luyện bản thân, vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý con người theo quan điểm khoa học để có thể vận dụng trong ứng xử, trong quá trình học tập, giải quyết công việc với người khác; CLO6. Có kỹ năng làm việc nhóm; CLO7. Có thái độ học tập tích cực, chủ động.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Thi tự luận, dự lớp, kiểm tra việc nhóm, lập kế hoạch của cá nhân, tự học, chủ động, sáng tạo

8.59. Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông (Introduction to Information and Communication Technology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp khái niệm về thông tin và CNTT, vai trò của CNTT và truyền thông trong sự phát triển của xã hội, tác động của CNTT và truyền thông đối với giáo dục. Sinh viên sẽ biết cách ứng dụng của CNTT và truyền thông trong học tập: Cài đặt và sử dụng một số hệ điều hành và chương trình ứng dụng; Thực hiện một số giải pháp kỹ thuật để bảo vệ máy tính cá nhân; Thu thập, phân tích, thiết kế mô hình dữ liệu và thao tác với hệ quản trị CSDL; Sử dụng một số phần mềm phục vụ cho quá trình học tập theo ngành nghề; Có khả năng duyệt web, sử dụng thư điện tử, tự trau dồi kiến thức cho quá trình tự học nhờ vào quá trình sử dụng internet; Áp dụng các quy tắc về văn hóa và đạo đức trong CNTT trong quá trình sử dụng các sản phẩm công nghệ thông tin.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về thông tin và CNTT, vai trò của CNTT và truyền thông trong sự phát triển của xã hội, tác động của CNTT và truyền thông đối với giáo dục;

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về thông tin và CNTT, vai trò của CNTT và truyền thông trong sự phát triển của xã hội, tác động của CNTT và truyền thông đối với giáo dục;

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phần cứng máy tính, các loại phần mềm, cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, an toàn và bảo mật dữ liệu;

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về xử lý văn bản, xử lý bảng biểu và trình chiếu;

- Trang bị kiến thức về mạng, internet và các quy tắc về văn hóa và đạo đức trong CNTT trong quá trình sử dụng các sản phẩm công nghệ thông tin;

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Giải quyết vấn đề dựa trên các kỹ năng định lượng và kiến thức về logic cơ bản, giải tích, thống kê; CLO2. Phân tích các vấn đề trong thực tế dựa trên kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, phương pháp tính toán, kiến thức vật lý; CLO3. Trình bày được các kiến thức trải nghiệm ngành nghề, các kiến thức cơ bản và phương pháp học tập của chuyên ngành; CLO4. Giải thích được và triển khai các hệ thống máy tính dựa trên kiến thức về máy tính điện tử, biểu diễn và tổ chức dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính; Phát hiện và sửa đổi, giải quyết được các lỗi trong quá trình vận hành; CLO5. Trình bày, giải quyết được các vấn đề công nghệ thông tin dựa trên kiến thức cơ bản về các chuyên ngành máy tính, về phần cứng, phần mềm, virus máy tính, mạng máy tính, phần mềm giả lập, Internet và các chương trình phần mềm tin học văn phòng; CLO6. Tham gia làm việc nhóm và có những đóng góp mang lại hiệu quả; CLO7. Sử dụng các ứng dụng CNTT thành thạo; CLO8. Xác định, so sánh các công nghệ mới, các xu thế phát triển trong quá trình học tập; CLO9. Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành; CLO10. Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp; CLO11. Thể hiện tinh thần khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn; CLO12. Có thói quen học tập suốt đời.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, thực hành bài tập, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Thi trắc nghiệm, dự lớp, kiểm tra.

8.60. Quản trị học (Management studies), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 09 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về quản trị, nhằm giúp người học hiểu rõ về vai trò của quản trị trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp. Người học được giới thiệu cơ bản về khái niệm quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức cùng với tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức, nội dung các nguồn thông tin; công tác quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Ngoài ra, học phần giới thiệu thêm cho người học kiến thức liên quan để vận dụng vào trong quá trình thực tiễn.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về quản trị.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những nguyên lý và kỹ thuật cần thiết được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức cùng với tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức, nội dung các nguồn thông tin; công

tác quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định.

- Trang bị kiến thức về quản trị giúp người học hiểu và biết vận dụng kiến thức về quản trị một cách linh hoạt vào các hoạt động quản trị thực tế của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra của học phần:

CLO1. Giải thích các khái niệm quản trị là gì? Nhà quản trị là ai? Các nhà quản trị làm gì? Các nhà quản trị giữ vai trò như thế nào trong kết quả thực hiện mục tiêu của tổ chức, tác động của môi trường đến doanh nghiệp, nhận diện được những quyết định quản trị khi ban hành, xác định được những cách thức ra và triển khai quyết định; CLO2. Vận dụng các chức năng của quản trị bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra; CLO3. Vận dụng tư duy phản biện trong thảo luận, phân tích các vấn đề học tập và thực tiễn, đưa ra kết luận hợp lý; CLO4. Vận dụng kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề quản trị trong tổ chức - vận dụng kỹ năng giao tiếp, khả năng thích ứng tốt với môi trường làm việc, linh hoạt trong xử lý các tình huống giao tiếp đối tác khách hàng và các đối tượng liên quan khác; CLO5. Trung thực, linh hoạt, sáng tạo, trung thành với lợi ích của tổ chức, có tư duy và tầm nhìn của nhà quản trị.

PP giảng dạy: Thuyết trình, phát vấn, vấn đáp, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, thảo luận nhóm

PP học: Thuyết trình, làm việc nhóm, làm việc cá nhân độc lập, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận cá nhân, dự lớp, kiểm tra.

8.61. Các vấn đề xã hội đương đại (Some social issues in recent modern society),

3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thực trạng, nguyên nhân của một số vấn đề xã hội đang xảy ra trong xã hội hiện nay như: một số vấn đề về lao động và việc làm, truyền thông trong xã hội hiện đại, giới và bình đẳng giới, tình yêu - hôn nhân - gia đình, bạo lực học đường, vị thành niên phạm tội, giới trẻ và các chất gây nghiện, stress. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng phân tích, đưa ra các giải pháp và cách thức phòng ngừa các vấn đề xã hội đang xảy ra hiện nay.

Mục tiêu học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thực trạng, nguyên nhân của một số vấn đề xã hội đang xảy ra trong xã hội hiện nay như: Một số vấn đề về lao động và việc làm, Truyền thông trong xã hội hiện đại, Giới và Bình đẳng giới, Tình yêu - hôn nhân - Gia đình, Bạo lực học đường, Vị thành niên phạm tội, Giới trẻ và các chất gây nghiện, Stress;

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng phân tích, đưa ra các giải pháp và cách thức phòng ngừa các vấn đề xã hội đang xảy ra hiện nay;
- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày (hoặc hiểu) được: những kiến thức cơ bản của các vấn đề xã hội đang xảy ra trong đời sống xã hội; CLO2. Giải thích được những nội dung cơ bản của các vấn đề xã hội đang tồn tại trong đời sống thực tiễn xã hội hiện nay; CLO3. Phân tích được: những vấn đề cơ bản của các vấn đề xã hội biểu hiện trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, trong mối tương quan với các vấn đề khác; CLO4. Vận dụng các kiến thức, sự hiểu biết về các vấn đề xã hội đang xảy ra hiện nay vào thực tiễn của đời sống xã hội; CLO5. Tư duy logic, kỹ năng tranh luận; CLO6. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo, làm việc nhóm; CLO7. Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch; CLO8. Có lập trường, tư tưởng vững vàng; CLO9. Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc...

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.62. Kỹ năng sử dụng tiếng Việt (Skills for using Vietnamese language), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần giới thiệu khái quát về đặc điểm của âm, chữ viết và văn bản của người Việt; Hướng dẫn rèn luyện kỹ năng kiểm tra, phát hiện và chỉnh sửa lỗi sử dụng tiếng Việt trên văn bản và trong giao tiếp lời nói; Hướng dẫn cập nhật quy định và yêu cầu cơ bản về chữ viết, ngôn ngữ, thể thức soạn thảo hiện hành của văn bản khoa học, văn bản hành chính và văn bản báo chí. Rèn luyện kỹ năng soạn thảo hoàn thiện một số mẫu văn bản thông thường ứng dụng trong học tập, làm việc.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức đại cương về tiếng Việt trong nói và viết nhằm nâng cao khả năng nắm bắt và sử dụng chuẩn xác tiếng Việt. Hình thành và rèn luyện kỹ năng sử dụng đúng chuẩn ngôn ngữ và phong cách tiếng Việt cũng như các kỹ năng, thao tác thiết yếu về văn bản.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng phân tích, phán đoán và cách thức trình bày văn bản ở các dạng thức nâng cao.

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Trình bày (hoặc hiểu) được những kiến thức cơ bản (đại cương) về tiếng Việt trong giao tiếp nói và viết; CLO2. Giải thích được những nội dung cơ bản của tiếng Việt, các dạng thức văn bản tiếng Việt, các vấn đề về phương ngữ và sử dụng tiếng Việt hiện nay trên các phương diện; CLO3. Phân tích được những vấn đề cơ bản trong sử dụng tiếng Việt hiện nay; CLO4. Vận dụng các kiến thức, sự hiểu biết về tiếng Việt để thực hành giao tiếp ở các lĩnh vực trong

khoa học và đời sống; CLO5. Tư duy logic, kỹ năng tranh luận; CLO6. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo, làm việc nhóm; CLO7. Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch; CLO8. Có lập trường, tư tưởng vững vàng; CLO9: Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc.

PP giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Dự lớp, thực hành, tương tác; Hình thức thi cuối kỳ: tiểu luận.

8.63. Kinh tế, văn hóa, xã hội nước ASEAN (Economy, culture and society of ASEAN) 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần khái quát quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Đông Nam Á thông qua việc trình bày sự phát triển kinh tế xã hội của các nước trong Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo. Về vị trí địa lý, nguồn tài liệu thiên nhiên, điều kiện tự nhiên, xã hội, dân cư, các giai đoạn lịch sử chính, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội cơ bản, chính sách đối ngoại với các quốc gia trong khu vực và quốc tế... Ngoài ra, học phần còn gợi mở cho sinh viên những so sánh, đối chiếu giữa mô hình/con đường phát triển kinh tế - xã hội các nước ĐNA với mô hình/con đường phát triển kinh tế - xã hội các nước ĐBA và một số nước trong khu vực và thế giới. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam, triển vọng quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước Asean, tổng quan về Cộng đồng kinh tế ASEAN (APEC).

Mục tiêu học phần:

- Sinh viên có kỹ năng tập hợp và phân tích tư liệu, có tư duy và kỹ năng nghiên cứu độc lập, phân tích khách quan đối với các vấn đề có liên quan đến KTVHXXH các nước ASEAN.

- Sinh viên có khả năng thuyết trình các vấn đề kinh tế - xã hội của các nước ĐNA.

- Sinh viên hiểu biết và tự tin hơn khi giao tiếp, làm việc với công dân các nước trong khối ASEAN.

- Sinh viên có khả năng thuyết trình các vấn đề kinh tế - xã hội của các nước ĐNA.

- Sinh viên có ý thức giữ gìn và trân trọng bản sắc dân tộc, nhận thức tốt hơn quá trình hình thành và phát triển của các nước trong khối ASEAN; từ đó có ý thức trân trọng và giữ gìn tình hữu nghị, hòa bình các nước trong khối cũng như trong khu vực và trên toàn thế giới.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Sinh viên nắm bắt các phương pháp và một số lý thuyết nghiên cứu khu vực học, cũng như nghiên cứu lịch sử kinh tế - xã hội của các quốc gia trong khu vực; CLO2. Sinh viên đánh giá vai trò, vị trí của các nước trong khu vực và vị trí của khu vực ĐNA trên khu vực và quốc tế; CLO3. Đánh giá khách quan và chân thực về quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia trong khu vực, về sự tác động, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quốc gia trong quá trình phát

triển; CLO4. Kiến thức về tình hình kinh tế của các nước ĐNA và cơ cấu tổ chức của ASEAN; CLO5. Vận dụng kiến thức cơ bản về hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa tổng cộng đồng các nước ĐNA vào thực tiễn cuộc sống và học tập; CLO6. Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của từng thành viên trong cộng đồng kinh tế ASEAN, đặc biệt khi VN gia nhập ngày càng sâu rộng hơn trong khối, trong khu vực và trên thế giới.

PP giảng dạy: Thuyết trình, hướng dẫn nghiên cứu, tự học.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận.

8.64. Kỹ năng hành chính văn phòng (Office administrative skills), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp và khả năng vận dụng thực tế khi cần thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin cần thiết cho cơ quan và người lãnh đạo; soạn thảo văn bản đúng yêu cầu; quản lý tốt văn bản, hồ sơ, tài liệu; tham mưu đúng chức trách và hiệu quả; sử dụng thành thạo các trang thiết bị văn phòng; biết cách giao tiếp, ứng xử và điều hòa các mối quan hệ ở cơ quan; biết tổ chức triển khai và thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách hiệu quả...

Mục tiêu học phần:

- Hiểu kiến thức tổng quát và các quy trình, quy định văn bản của Việt Nam trong công tác văn phòng;
- Có khả năng thiết kế, tổ chức các sự kiện (họp, công tác, tiếp khách);
- Có khả năng xử lý nghiệp vụ văn phòng (xử lý công văn đến và đi, thu thập và xử lý thông tin, giao tiếp qua điện thoại, soạn thảo văn bản cứng, soạn thảo văn bản điện tử, lưu trữ và bảo quản tài liệu, sao chép văn bản cứng) trong các cơ quan hành chính công và trong doanh nghiệp;
- Hiểu rõ và tuân thủ các quy định của pháp luật, hành vi chống sao chép, đạo văn.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Xây dựng các quy trình; CLO2. Thiết kế văn phòng phù hợp với doanh nghiệp; CLO3. Xây dựng được các mẫu kế hoạch tổ chức; CLO4. Thực hiện các ứng dụng kỹ thuật nghiệp vụ; CLO6. Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện; CLO7. Sử dụng CNTT trong quản lý; CLO8. Sử dụng CNTT lưu trữ và truy xuất dữ liệu về quản lý và kinh doanh; CLO9. Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ tác nghiệp; CLO10. Giữ gìn và cam kết đạo đức nghề nghiệp; CLO11. Đề ra mục tiêu cụ thể cho việc phát triển sự nghiệp; CLO12. Tích cực trau dồi nâng cao kiến thức, đổi mới bản thân.

PP giảng dạy: Thuyết trình, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân), giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.65. Kinh tế học đại cương (General Economics), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần giới thiệu tổng quan về Kinh tế học, về các khái niệm Cung, Cầu và Quân bình thị trường; Thất nghiệp, lạm phát và thu nhập quốc dân; Tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu ròng và chi tiêu chính phủ; phương pháp tiếp cận truyền thống của Keynes về sản lượng quân bình; chính sách tài khóa; hệ thống ngân hàng và chính sách tiền tệ; chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa; tăng trưởng kinh tế và năng suất; thương mại và tài chính quốc tế; lý thuyết về số cầu và dụng ích; sản xuất và chi phí; cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh mang tính độc quyền và thiếu số độc quyền; thị trường các yếu tố sản xuất.

Mục tiêu học phần: Sinh viên nắm được những kiến thức đại cương về Kinh tế học bao gồm: Cung, cầu và quân bình thị trường; các phương pháp đo lường tổng sản lượng quốc gia; hiện tượng lạm phát và thất nghiệp; hệ thống ngân hàng và chính sách tiền tệ; chính sách tài khóa; ngoại thương; lý thuyết về số cầu và mức độ thỏa dụng; các chi phí sản xuất; các loại thị trường.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Mô tả và lý giải được các hoạt động sản xuất, trao đổi và tiêu dùng trong xã hội; CLO2. Diễn tả bằng đồ thị các quan hệ cung và cầu trên thị trường đối với một sản phẩm hay dịch vụ; CLO3. Trình bày một cách tóm tắt các mối quan hệ giữa các thành phần cấu tạo nên GNP và GDP; CLO4. Diễn giải được vắn tắt các chính sách tài chính và chính sách tài khóa của chính phủ; mô tả được các loại thị trường.

PP giảng dạy: Thuyết trình, hướng dẫn tự học, động não nhanh, bài tập lớn.

PP học tập: Làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, tiểu luận.

8.66. Marketing căn bản (Basic marketing), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 10 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về hoạt động Marketing; xu hướng, cơ hội và thách thức của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa nhằm giúp người học hiểu rõ vai trò của Marketing trong lĩnh vực kinh doanh. Người học được giới thiệu cơ bản về kiến thức liên quan đến các hoạt động nghiên cứu Marketing, phân tích môi trường Marketing, các yếu tố tác động đến khách hàng và cách thức Doanh nghiệp tham gia vào thị trường kinh doanh. Ngoài ra, học phần giới thiệu nội dung kiến thức liên quan đến các phối thức Marketing truyền thống: sản phẩm (Product), giá (Price), phân phối (Place), chiêu thị (Promotion).

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học kiến thức về Marketing như: nghiên cứu Marketing; phân tích các tác động của môi trường đối với hoạt động Marketing; phân tích hành vi người tiêu dùng; cơ hội tham gia thị trường qua việc phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu; các phối thức Marketing truyền thống (4P); lập kế hoạch Marketing;

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên lý cơ bản, các khái niệm, khác biệt trong quan điểm quản trị, chức năng và các lĩnh vực hoạt động của Marketing trong Doanh nghiệp;

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về các chiến lược Marketing để có thể tìm hiểu và đánh giá được thực trạng hoạt động marketing thông qua phân tích ưu điểm, nhược điểm, cơ hội và thách thức; lập kế hoạch Marketing giúp sinh viên có thể hoạch định, tổ chức và thực hiện các chiến lược Marketing hiệu quả và phù hợp với thực trạng của Doanh nghiệp;

- Trang bị kiến thức về Marketing giúp người học hiểu và biết vận dụng kiến thức về Marketing một cách linh hoạt vào các hoạt động marketing thực tế của Doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh;

- Tích hợp giảng dạy giúp người học phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm bao gồm: phát biểu, làm việc nhóm, thuyết trình.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Áp dụng kiến thức toán thống kê vào việc khảo sát dữ liệu, thống kê số liệu phục vụ công tác nghiên cứu thu thập thông tin kinh doanh; CLO2. Áp dụng kiến thức tổng quát về kinh tế, chính trị - luật pháp, văn hóa - xã hội để nhận biết các yếu tố tác động đến môi trường kinh doanh; CLO3. Áp dụng kiến thức tâm lý, văn hoá - xã hội, con người vào nhận biết nhu cầu và hành vi của khách hàng; CLO4. Xây dựng bảng khảo sát nghiên cứu phục vụ cho các chiến lược Marketing; CLO5. Thực hiện khảo sát, phân tích và đánh giá kết quả để phục vụ cho các yêu cầu nghiên cứu của Doanh nghiệp; CLO6. Tham gia làm việc nhóm và có những đóng góp mang lại hiệu quả; CLO7. Trao đổi kiến thức và kinh nghiệm với các thành viên trong nhóm mang đến lợi ích cho cả hai phía. CLO8. Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện; CLO9. Sử dụng CNTT trong soạn thảo văn bản, thống kê số liệu và thuyết trình; CLO10. Giữ gìn và cam kết đạo đức nghề nghiệp; CLO11. Đề ra mục tiêu cụ thể cho việc phát triển sự nghiệp; CLO12. Tích cực trau dồi nâng cao kiến thức, đổi mới bản thân.

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

8.67. Tiếng Anh giao tiếp 1 (Communication English 1), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 06 bài, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về tiếng Anh giao tiếp ở mức độ cơ bản. Người học được phát triển các kỹ năng tiếng Anh như Nghe, Nói, Đọc, Viết liên quan các chủ đề như phong cách sống, mua sắm, những câu chuyện về sinh tồn, kế hoạch phỏng vấn xin việc, ẩm thực, sức khỏe, và đôi điều về nét văn hóa đặc sắc giới thiệu trong mỗi bài. Người học cũng được hệ thống kiến thức về từ vựng và văn phạm sử dụng trong các chủ đề nói trên.

Mục tiêu của học phần:

- Phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho người học ở mức độ cơ bản;
- Cải thiện kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh và kỹ năng viết câu, viết thư và các bài đăng thông thường trên mạng;
- Trang bị thêm cho người học những kiến thức chung, thú vị theo từng chủ đề của bài học.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Ghi nhớ được từ vựng và cấu trúc tiếng Anh cơ bản; CLO2. Nhận biết được kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu trong tiếng Anh; CLO3. Xác định được các thì cơ bản trong tiếng Anh; CLO4. Vận dụng tiếng Anh để trong giao tiếp được trong các tình huống và hội thoại thông thường; CLO5. Đọc hiểu và viết được các mẫu câu đơn và câu phức trong tiếng Anh; CLO6. Có khả năng viết thư, các bài đăng trên mạng thông thường; CLO7. Ý thức được tầm quan trọng trong việc học tiếng Anh trong thời đại hội nhập và sự phát triển không ngừng của thời đại 4.0; CLO8. Ý thức trách nhiệm trong học tập: làm việc độc lập, làm việc nhóm và tự chịu trách nhiệm với tập thể.

PP giảng dạy: thuyết trình, phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, động não nhanh, giao bài đọc và viết về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: nghe giảng, thuyết trình, làm việc nhóm, thực hành cá nhân, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tổng hợp.

8.68. Tiếng Anh giao tiếp 2 (Communication English 2), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 06 bài, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về tiếng Anh giao tiếp ở mức độ cơ bản. Người học được phát triển các kỹ năng tiếng Anh như Nghe, Nói, Đọc, Viết liên quan các chủ đề như tuân thủ các quy tắc và biển báo vệ sinh an toàn, đôi nét về các địa danh nổi tiếng trên thế giới, bảo vệ môi trường và động vật, du lịch và giải trí, công nghệ và kết nối mạng, và đôi điều về nét văn hóa đặc sắc giới thiệu trong mỗi bài. Người học cũng được hệ thống kiến thức về từ vựng và văn phạm sử dụng trong các chủ đề nói trên.

Mục tiêu của học phần:

- Phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho người học ở mức độ cơ bản;
- Cải thiện kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh và kỹ năng viết câu, viết thư và các bài đăng thông thường trên mạng;
- Trang bị thêm cho người học những kiến thức chung, thú vị theo từng chủ đề của bài học.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Ghi nhớ được từ vựng và cấu trúc tiếng Anh cơ bản; CLO2. Nhận biết được kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu trong tiếng Anh; CLO3. Xác định được các thì cơ bản trong tiếng Anh; CLO4. Vận dụng tiếng Anh để trong giao tiếp được trong các tình huống và hội thoại thông thường; CLO5. Đọc hiểu và viết được các mẫu câu đơn và câu phức trong tiếng Anh; CLO6. Có khả năng viết thư, các bài đăng trên mạng thông thường; CLO7. Ý thức được tầm quan trọng trong

việc học tiếng Anh trong thời đại hội nhập và sự phát triển không ngừng của thời đại 4.0; CLO8. Ý thức trách nhiệm trong học tập: làm việc độc lập, làm việc nhóm và tự chịu trách nhiệm với tập thể.

PP giảng dạy: thuyết trình, phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, động não nhanh, giao bài đọc và viết về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: nghe giảng, thuyết trình, làm việc nhóm, thực hành cá nhân, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: Tổng hợp.

8.69. Tiếng Hàn giao tiếp 1 (Communication Korean 1), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 12 bài, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về ngôn ngữ, đất nước và con người Hàn Quốc nhằm giúp người học có thể Đọc, Viết và Nghe Nói các câu cơ bản trong giao tiếp hàng ngày trong cuộc sống. Người học được giới thiệu cơ bản về bảng chữ Nguyên âm và Phụ âm trong tiếng Hàn, cách hình thành câu cơ bản ở mức độ sơ cấp.

Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp cho người học từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề như giới thiệu bản thân, làm quen, tuổi tác, giờ giấc, sinh hoạt cá nhân.
- Cung cấp cho người học kỹ năng hỏi đáp về các chủ đề như giới thiệu bản thân, làm quen, tuổi tác, giờ giấc, sinh hoạt cá nhân.
- Trang bị kỹ năng có thể nhận biết, nghe và hiểu về các chủ đề đơn giản.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Hiểu và sử dụng thành thạo các bảng chữ cái tiếng; CLO2. Sử dụng được những mẫu câu, tình huống giao tiếp đơn giản hàng ngày (giới thiệu bản thân, tuổi tác, giờ giấc, sinh hoạt cá nhân); CLO3. Đối ứng được những tình huống hàng ngày như tự giới thiệu, làm quen, mua sắm...

PP giảng dạy: phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, giao bài tập về nhà, hướng dẫn tự học.

PP học tập: làm việc nhóm, tự học.

PP kiểm tra, đánh giá: thuyết trình, tự luận, bài tập lớn.

8.70. Tiếng Hàn giao tiếp 2 (Communication Korean 2), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 6 bài, cung cấp cho người học kỹ năng cơ bản có thể Đọc, Viết và Nghe Nói các câu cơ bản trong giao tiếp hàng ngày trong cuộc sống. Người học được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Hàn về chủ đề thời tiết, thời gian, mua sắm, giao thông, ẩm thực, quy tắc giao tiếp hàng ngày.

Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp cho người học từ vựng, ngữ pháp về chủ đề thời tiết, thời gian, mua sắm, giao thông, ẩm thực, quy tắc giao tiếp hàng ngày.
- Cung cấp cho người học kỹ năng hỏi đáp về chủ đề thời tiết, thời gian, mua sắm, giao thông, ẩm thực, quy tắc giao tiếp hàng ngày.
- Trang bị kỹ năng có thể nhận biết, nghe và hiểu về các chủ đề đơn giản.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Hiểu và sử dụng thành thạo được từ vựng, ngữ pháp để giao tiếp đơn giản trong 6 chủ đề; CLO2. Sử dụng được những mẫu câu, tình huống giao tiếp đơn giản hàng ngày về thời tiết, thời gian, mua sắm, giao thông, ẩm thực, quy tắc giao tiếp hàng ngày; CLO3. Đối ứng được những tình huống hàng ngày như đối thoại về thời tiết, thời gian, mua sắm, giao thông, ẩm thực, quy tắc giao tiếp hàng ngày.

PP giảng dạy: phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, giao bài tập về nhà, hướng dẫn tự học.

PP học tập: làm việc nhóm, tự học.

PP kiểm tra, đánh giá: thi tự luận, thuyết trình.

8.71. Tiếng Trung giao tiếp 1 (Communication China 1)

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về giao tiếp cơ bản như chào hỏi, giới thiệu họ tên, quốc tịch, cách diễn đạt thời gian – nơi chốn, giới thiệu về gia đình, nghề nghiệp, tuổi tác v.v.. nhằm giúp người học có thể vận dụng trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong công việc. Người học được giới thiệu cơ bản về từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp cơ bản để thực hành kỹ năng nói và sắp xếp từ/ cụm từ thành câu hoàn chỉnh ở cấp độ cơ bản. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu thêm về kiến thức văn hóa, phong tục tập quán Trung Quốc sau mỗi bài học.

Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ âm, vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản để phát triển kỹ năng nói tiếng Trung ở nhiều dạng chủ đề khác nhau, diễn đạt ý tưởng một cách tự nhiên đúng ngữ pháp, đúng văn phong, phù hợp với các tình huống giao tiếp.

- Trang bị kiến thức về kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

- Phát triển khả năng tự học – tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc theo nhóm.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Nhớ được những kiến thức về văn hóa xã hội cơ bản để xử lý tình huống hợp lý; CLO2. Hiểu rõ từ vựng, mẫu câu, kỹ thuật nói phù hợp cho từng chủ đề; CLO3. Áp dụng hiệu quả từ vựng, mẫu câu, kỹ thuật nói phù hợp cho từng tình huống giao tiếp; CLO4. Diễn đạt ý tưởng một cách tự nhiên đúng ngữ pháp, đúng văn phong, phù hợp với tình huống; CLO5. Áp dụng các giáo cụ trực quan hỗ trợ cho việc giao tiếp hiệu quả, công cụ tìm kiếm để thu thập thông tin, xử lý tình huống; CLO6. Trình bày được một bài nói hoàn chỉnh theo chủ đề cụ thể; CLO7. Nâng cao kỹ năng tự học và làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; CLO8. Chủ động, tự tin, nghiêm túc, trung thực, tích cực học hỏi, và có ý thức học tập cao; CLO9. Có ý thức phát triển và sáng tạo các vấn đề có liên quan đến giao tiếp tiếng Trung trên cơ sở tôn trọng và biết lắng nghe ý kiến, quan điểm của người khác.

PP giảng dạy: thuyết giảng, đặt vấn đề, thảo luận, thực hành tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu.

PP học tập: nghe giảng, trả lời câu hỏi, nêu vấn đề, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: trắc nghiệm.

8.72. Tiếng Trung giao tiếp 2 (Communication China 2), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về các hoạt động giao tiếp thường ngày như hỏi đường đi đến một địa điểm cụ thể, mô tả nơi mình sinh sống, nói về tình trạng sức khỏe, đi khám bệnh, nói về sở thích, thời tiết v.v.. nhằm giúp người học có thể vận dụng trong giao tiếp hằng ngày cũng như trong công việc. Người học được giới thiệu cơ bản về từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp cơ bản để thực hành kỹ năng nói và sắp xếp từ/ cụm từ thành câu hoàn chỉnh ở cấp độ cơ bản. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu thêm về kiến thức văn hóa, phong tục tập quán Trung Quốc sau mỗi bài học.

Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ âm, vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản để phát triển kỹ năng nói tiếng Trung ở nhiều dạng chủ đề khác nhau, diễn đạt ý tưởng một cách tự nhiên đúng ngữ pháp, đúng văn phong, phù hợp với các tình huống giao tiếp.

- Trang bị kiến thức về kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

- Phát triển khả năng tự học – tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc theo nhóm.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Nhớ được những kiến thức về văn hóa xã hội cơ bản để xử lý tình huống hợp lý; CLO2. Hiểu rõ từ vựng, mẫu câu, kỹ thuật nói phù hợp cho từng chủ đề; CLO3. Áp dụng hiệu quả từ vựng, mẫu câu, kỹ thuật nói phù hợp cho từng tình huống giao tiếp; CLO4. Diễn đạt ý tưởng một cách tự nhiên đúng ngữ pháp, đúng văn phong, phù hợp với tình huống; CLO5. Áp dụng các giáo cụ trực quan hỗ trợ cho việc giao tiếp hiệu quả, công cụ tìm kiếm để thu thập thông tin, xử lý tình huống; CLO6. Trình bày được một bài nói hoàn chỉnh theo chủ đề cụ thể; CLO7. Nâng cao kỹ năng tự học và làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; CLO8. Chủ động, tự tin, nghiêm túc, trung thực, tích cực học hỏi, và có ý thức học tập cao; CLO9. Có ý thức phát triển và sáng tạo các vấn đề có liên quan đến giao tiếp tiếng Trung trên cơ sở tôn trọng và biết lắng nghe ý kiến, quan điểm của người khác.

PP giảng dạy: thuyết giảng, đặt vấn đề, thảo luận, thực hành tình huống, hướng dẫn tự học – tự nghiên cứu.

PP học tập: nghe giảng, trả lời câu hỏi, nêu vấn đề, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: trắc nghiệm.

8.73. Lịch sử văn minh thế giới (History of world civilization), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Môn học Các nền văn minh thế giới gồm có 11 chương cung cấp cho người học có những kiến thức cơ bản về lịch sử văn minh thế giới trước khi tiếp cận các môn chuyên ngành khác. Nội dung học phần cung cấp cho người học có

thể có đó được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các trung tâm văn minh tiêu biểu trên thế giới. Qua đó, người học cũng có thể hiểu sâu hơn một số khái niệm liên quan đến học phần; nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới; tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại.

Mục tiêu học phần:

- Giúp người học có những kiến thức cơ bản về lịch sử văn minh thế giới trước khi tiếp cận các môn chuyên ngành khác nhau. Nội dung học phần cung cấp cho người học có thể có được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các trung tâm văn minh tiêu biểu trên thế giới. Qua đó, người học cũng có thể hiểu sâu hơn một số khái niệm liên quan đến học phần; nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới; tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại.

- Bên cạnh đó, học phần còn góp phần phát triển các kỹ năng: tư duy như phản biện, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, cũng như củng cố thái độ học tập tích cực và ý thức tự đánh giá điều chỉnh trong quá trình học tập của sinh viên.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Trình bày vai trò và nhiệm vụ của học phần CNVMTG trong việc giáo dục giới trẻ về kiến thức cơ sở hình thành lịch sử, những thành tựu chính của các nền văn minh trên thế giới; CLO2. Xây dựng và vận dụng kiến thức qua việc nghiên cứu về việc hình thành các nền văn minh trên thế giới; CLO3. Vận dụng kiến thức lịch sử, thành tựu chính của các nền văn minh thế giới xây dựng quan điểm nhân văn, nhân sinh quan đúng đắn, nâng cao lòng tự hào, biết trân trọng những giá trị tinh thần, vật chất của văn minh loài người nhằm tôn trọng, ứng dụng trong thực tế cuộc sống; CLO4. Đánh giá và lựa chọn các kiến thức phù hợp trong cuộc sống, công việc tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại; CLO5. Thực hành, nhận xét, phân tích về quá trình hình thành các nền văn minh tiêu biểu của nhân loại cũng như các thành tựu chính của các nền văn minh có thể ứng dụng; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả, phân tích kiến thức cụ thể qua từng bài học; CLO7. Xử lý các vấn đề, tình huống, áp dụng kiến thức đã học từ quá trình hình thành các nền văn minh cũng như những thành tựu của các nền văn minh thế giới trong đời sống, việc làm trong tương lai; CLO8. Có ý thức trách nhiệm, ứng xử văn hóa tốt trong môi trường văn hóa, lịch sử, thành tựu của nhân loại; CLO9. Hình thành lòng yêu quê hương, đất nước, cá nhân đóng vai trò phát huy truyền thống và lòng tự hào dân tộc thông qua học phần Các nền văn minh thế giới.

PP giảng dạy: thuyết giảng, thuyết trình và phản biện, đặt vấn đề.

PP học tập: nghe giảng, thuyết trình nhóm, làm bài tập trắc nghiệm theo nhóm, trả lời câu hỏi tự luận cá nhân, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: dự lớp, thuyết trình, kiểm tra tại lớp, làm trắc nghiệm.

8.74. Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific research methods), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo đề án nghiên cứu. Sinh viên sẽ được giới thiệu về những thiết kế nghiên cứu khác nhau, về cách chọn mẫu, cách thức xây dựng và tổ chức nghiên cứu để có thể tự mình áp dụng vào các đề án nghiên cứu của mình sau này.

Mục tiêu học phần:

- Sinh viên hiểu được các khái niệm, thuật ngữ và phương pháp nghiên cứu thường dùng;
- Biết những lợi ích nghiên cứu khoa học. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tìm hiểu vấn đề một cách có hệ thống và có phương pháp;
- Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để xây dựng một đề cương nghiên cứu;
- Có khả năng đưa ra câu hỏi nghiên cứu xác đáng đối với vấn đề cần nghiên cứu;
- Có khả năng chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp;
- Có khả năng lập kế hoạch thu thập thông tin tương ứng để đảm bảo độ tin cậy và độ xác thực của thông tin;
- Ý thức được tính đạo đức của vấn đề cần nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu đã chọn;
- Có khả năng viết theo văn phong khoa học.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. *Hiểu được ý nghĩa, chức năng và nhiệm vụ của học phần này đối với sinh viên bậc đại học;* CLO2. *Trình bày được những khái niệm cơ bản liên quan đến nghiên cứu khoa học;* *Giải thích được những đặc điểm cơ bản của nghiên cứu khoa học;* CLO3. *Trình bày được những phân loại cơ bản của nghiên cứu khoa học. Phân tích được các biến số, sự đo lường, tính giá trị và độ tin cậy của nghiên cứu khoa học;* *Trình bày được các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu;* *Vận dụng được các phương pháp này trong từng chủ đề nghiên cứu cụ thể;* *Thực hiện được việc xử lý dữ liệu thông tin;* *Thực hiện được quy trình thực hiện một nghiên cứu khoa học;* CLO4. *Vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện được một nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh vào một chủ đề cụ thể;* CLO5. *Tư duy logic, kỹ năng làm việc nhóm;* CLO6. *Kỹ năng xử lý dữ liệu;* CLO7. *Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng tổng hợp và phân tích tài liệu, kỹ năng trình bày dữ liệu và số liệu;* CLO8. *Có ý thức trách nhiệm với công việc: chăm chỉ, ân cần, có tinh thần trách nhiệm với công việc của cá nhân và tập thể;* CLO9. *Hình thành tính kỷ luật, luôn cầu tiến và sáng tạo...*

PP giảng dạy: Thuyết giảng, vấn đáp, giải quyết vấn đề, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: thuyết trình, làm việc nhóm, phân tích và phương pháp xử lý thông tin, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: tiểu luận.

8.75. Ngoại giao văn hóa (Cultural Diplomacy), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về ngoại giao văn hóa, về tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa trong việc xây dựng thương hiệu quốc gia cũng như mối quan hệ giữa ngoại giao văn hóa đối với hợp tác kinh tế, chính trị và văn hóa – xã hội. Người học được tìm hiểu về chính sách, công cụ và hình thức biểu hiện của ngoại giao văn hóa thông qua thực tiễn triển khai của một số quốc gia như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu quan điểm của Việt Nam và hiệu quả triển khai ngoại giao văn hóa của Việt Nam trong thế kỷ XXI, qua đó, Sinh viên có khả năng nghiên cứu và ứng dụng văn hóa vào đời sống và công việc.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về cơ sở thực tiễn và lý luận về NGVH;
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nội dung và vai trò của NGVH;
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về phương thức và công cụ thực hiện NGVH;
- Trang bị kiến thức về quan điểm của VN và các nước lớn về NGVH;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Mô tả được nội dung cơ bản của NGVH; CLO2. Phân tích được một số nội dung liên quan đến NGVH của VN và các nước lớn tiếp cận từ góc độ QHQT; CLO3. Vận dụng được kỹ năng phân tích các trường hợp liên quan đến ứng xử văn hóa giữa cá nhân, tổ chức với nhau, các sự kiện QT; CLO4. Vận dụng được kỹ năng giao tiếp để ứng xử hài hòa nơi làm việc, cũng như tham gia ngoại giao nhân dân ở góc độ cá nhân; CLO5. Vận dụng khả năng tự học và tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng; CLO6. Chủ động, chuyên cần và nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu quan hệ đối ngoại của Việt Nam, đóng góp vào tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước.

PP giảng dạy: phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, đọc và tóm lược tài liệu, động não nhanh, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, dạy học theo nhóm.

PP học tập: thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, phân tích case study, làm bài tập online.

PP kiểm tra, đánh giá: tự luận.

8.76. Hành vi tổ chức (Organizational Behavior), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần “Hành vi tổ chức” cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hành vi con người trên cả ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức trong bối cảnh tổ chức; Nghiên cứu nhu cầu con người, động lực thúc đẩy và mức độ thỏa mãn của con người đối với công việc; Ứng dụng trong hoạt động nhân sự để giữ chân nhân tài, ổn định cơ cấu nhân sự đem lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp. Học phần gồm 9 chương tập trung nghiên cứu hành vi tổ chức đi vào phân tích bối cảnh và vai trò cụ thể mà người lao động làm việc trong tổ chức, nghiên cứu một cách hệ thống về hành vi và thái độ của con người trong mối tương tác giữa cá nhân, nhóm và tổ chức để có thể đưa ra những nguyên tắc, phương hướng và giải pháp cụ thể về quản lý; từ đó tổ chức điều chỉnh tạo sự gắn bó giữa người lao động với tổ chức, khuyến khích sáng tạo và tạo động lực cho người lao động. Học phần hành vi tổ chức giúp người học hiểu được sự ảnh hưởng của các yếu tố như tính cách, nhận thức, học tập, các giá trị và thái độ, sự động viên... đến hành vi cá nhân; hiểu được nhóm ảnh hưởng như thế nào đến hành vi cá nhân và các dạng hành vi trong nhóm; nhận dạng được các xung đột và chọn chiến lược giải quyết xung đột; nắm các vấn đề liên quan đến văn hoá tổ chức, các đặc tính của văn hóa tổ chức, nhận dạng sự ảnh hưởng của văn hoá tổ chức đến sự phát triển của một tổ chức.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được sự ảnh hưởng của các yếu tố như tính cách, nhận thức, học tập, các giá trị và thái độ, sự động viên... đến hành vi cá nhân;
- Hiểu được nhóm ảnh hưởng như thế nào đến hành vi cá nhân; Nhận dạng được các loại xung đột và chọn chiến lược giải quyết xung đột;
- Nắm được các vấn đề liên quan đến văn hoá tổ chức, sự ảnh hưởng của văn hoá tổ chức đến hành vi tổ chức và sự phát triển của một tổ chức;
- Phát triển các kỹ năng: tư duy như phản biện, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, cũng như củng cố thái độ học tập tích cực và ý thức tự đánh giá điều chỉnh trong quá trình học tập của sinh viên.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. **Phân tích** các yếu tố tác động đến hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức; CLO2. **Đánh giá** các tác động ảnh hưởng đến tổ chức qua các hành vi của cá nhân và nhóm trong công việc tại nơi làm việc; CLO3. **Làm việc nhóm** hiệu quả ở vị trí là một thành viên hay lãnh đạo nhóm; CLO4. **Đưa ra** các giải pháp giải quyết các tình huống thực tế về hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức dựa trên việc áp dụng các nguyên tắc và phương pháp quản trị hành vi; CLO5. **Tích cực** hợp tác và có trách nhiệm trong công việc, chấp hành nội quy và nguyên tắc hoạt động của tập thể, nhóm.

PP giảng dạy: thuyết giảng, hỏi đáp, bài tập cá nhân, hướng dẫn tự học, bài tập thảo luận nhóm.

PP học tập: làm việc nhóm, bài tập cá nhân, trả lời câu hỏi, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: tiểu luận nhóm.

8.77. Quan hệ quốc tế (Introduction to International Relations), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần này gồm 5 chương, cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về quan hệ quốc tế nhằm giúp người học nhận diện các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế, động lực tham gia quan hệ quốc tế của chủ thể và các công cụ được sử dụng. Người học được giới thiệu cơ bản về chủ thể quốc gia, phi quốc gia, về yếu tố quyền lực được nhìn nhận như phương tiện và mục tiêu trong quan hệ quốc tế; cũng như các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu vai trò của ngoại giao và công tác lễ tân ngoại giao trong quan hệ quốc tế, qua đó, người học có thể ứng dụng vào trong công việc, học tập và nghiên cứu.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về quan hệ quốc tế, các chủ thể tham gia và sự chi phối của yếu tố quyền lực đến quan hệ quốc tế;
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngoại giao và công tác lễ tân trong các sự kiện ngoại giao;
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về bản chất của xung đột và vai trò của hợp tác quốc tế trong môi trường chính trị quốc tế;
- Trang bị kiến thức về nhận diện các nguy cơ cũng như các cơ hội trong quan hệ quốc tế, từ đó rút ra quy luật phát triển của quốc gia, tổ chức và cá nhân trong bối cảnh mới;
- Phát triển kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, kỹ năng trình bày, giải thích, phân tích, lập luận, tổng hợp và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần: CLO1. Nắm được những kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế như đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chủ thể quan hệ quốc tế, các công cụ trong quan hệ quốc tế, loại hình và tính chất của quan hệ quốc tế; CLO2. Hiểu được bản chất của xung đột và tác động của xung đột trong quan hệ quốc tế; CLO3. Nhận biết được những vấn đề về hội nhập quốc tế cho quốc gia và mỗi cá nhân trong thời kỳ toàn cầu hoá; CLO4. Nắm được những kiến thức cơ bản về ngoại giao và công tác lễ tân trong các sự kiện ngoại giao; CLO5. Có khả năng phát hiện vấn đề; CLO6. Có khả năng tự học và khả năng tư duy trong giải quyết vấn đề từ công việc và cuộc sống; CLO7. Kỹ năng lập kế hoạch; CLO8. Bước đầu đưa ra các luận điểm cá nhân về thời sự quốc tế; CLO9. Chú ý và quan tâm đến các vấn đề thời sự quốc tế; CLO10. Chấp nhận sự khác biệt trong 1 thế giới đa dạng và dễ dàng tiếp nhận những thay đổi mới.

PP giảng dạy: thuyết trình, phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, thảo luận nhóm.

PP học tập: thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: tiểu luận cá nhân.

8.78. Hội nhập châu Á – Thái Bình Dương (Asia – Pacific Integration), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 4 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về hội nhập khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong thế kỷ XXI, nhằm

giúp người học nắm được các vấn đề cơ bản về kinh tế chính trị và đối ngoại của các nước lớn, và vị thế của Việt Nam trong khu vực. Người học được giới thiệu cơ bản về tình hình chính trị trong khu vực, qua đó tìm hiểu những vấn đề ngoại giao đa phương ở khu vực, đặc biệt là các nhân tố tác động và sự vận động của quan hệ quốc tế tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong thế kỷ XXI.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về vị trí địa lý, tình hình kinh tế xã hội của khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói chung và những tiểu khu vực nói riêng như Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam Á. Cách tiếp cận dựa vào lý thuyết quan hệ quốc tế, lý thuyết địa chính trị, địa kinh tế giúp người học nhận định được tình hình khu vực và vị thế của Việt Nam;

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của các nước lớn tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga;

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về lý thuyết hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực, chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương;

- Trang bị kiến thức về xử lý thông tin, phân tích tình hình thế giới, nắm bắt được xu hướng phát triển của thế giới;

- Phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, lập luận, làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Trình bày được vị trí địa lý, tình hình kinh tế - xã hội khu vực châu Á – Thái Bình Dương và kể tên được các nước lớn, các tiểu khu vực; CLO2. Nắm bắt được kiến thức toàn diện về những vấn đề đã xảy ra trong khu vực trước thế kỷ XXI và trong thế kỷ XXI; CLO3. Trình bày về đường lối chính sách của các nước lớn tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong thế kỷ 21; CLO4. Nắm bắt và nhận định được vị thế và vai trò của Việt Nam trong khu vực, chính sách đối ngoại của Việt Nam trong quá trình hội nhập khu vực; CLO5. Tìm kiếm và phân loại thông tin trong kỷ nguyên số; CLO6. Tham gia làm việc nhóm hiệu quả; CLO7. Thực hành kỹ năng phân tích tình hình thế giới; CLO8. Rèn luyện kỹ năng đọc tin tức thời sự quốc tế; CLO9. Có ý thức, trách nhiệm, lịch sự, tinh thần học hỏi và kỹ năng làm việc nhóm; CLO10. Hình thành lòng yêu nước, thái độ khách quan, có tinh thần tôn trọng sự khác biệt trong môi trường đa văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa các nước phương Đông và trên thế giới.

PP giảng dạy: thuyết trình, phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, thuyết trình.

PP kiểm tra, đánh giá: bài tập nhóm, tiểu luận cá nhân.

8.79. Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 4 chương cung cấp cho người học tri thức cơ bản về ngôn ngữ như: bản chất, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ; các ngôn ngữ trên thế giới; đặc điểm và các cấp độ ngôn ngữ; các loại chữ viết.

Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, giữa ngôn ngữ và tư duy;
- Cung cấp những tri thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng để hiểu một ngôn ngữ cụ thể và vận dụng chúng trong học tập nghiên cứu;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1. Nắm vững, trình bày được những tri thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng; CLO2. Hiểu được bản chất ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, giữa ngôn ngữ và tư duy; CLO3. Vận dụng tri thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng vào trong học tập nghiên cứu; CLO4. Đạt được kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; CLO5. Đánh giá được các xu thế ngôn ngữ của Việt Nam và thế giới nổi bật hiện nay; CLO6. Biết vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy và những công việc khác; CLO7. Duy trì việc tự học, cập nhật kiến thức chuyên ngành.

PP giảng dạy: thuyết trình, phát vấn, hỏi lại hoặc vấn đáp, đọc và tóm lược nội dung tài liệu, động não nhanh, giao bài đọc về nhà, hướng dẫn tự học, thảo luận nhóm.

PP học tập: thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

PP kiểm tra, đánh giá: tiểu luận, kiểm tra cá nhân.

9. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN	
Học kỳ 1				12	11	0	1	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K.XHTT
2	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K.KTQT
3	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K.KTTC
4	JAP303	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	BB	2	2					K.ĐPH
5	JAP316	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			K.ĐPH
Học kỳ 2				17	14	3	0	0	0	
1	BUS102	Quản trị sự thay đổi	BB	3	3					K.KTQT
2	SOS302	Ngôn ngữ học đại cương	BB	3	3					
3	POL105	Triết học Mác - Lênin	BB	3	3					K.XHTT
4	JAP340	Tiếng Nhật đọc - viết 1	BB	2	1	1				K.ĐPH
5	JAP343	Tiếng Nhật nghe - nói 1	BB	2	1	1				K.ĐPH
6	JAP346	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	BB	2	1	1				K.ĐPH
7	JAP423	Đất nước học Nhật Bản	BB	2	2					K.ĐPH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN	
8		Giáo dục Quốc phòng và An ninh	BB	8		8				TT.ĐTTTS
9		Giáo dục thể chất 1	BB	1		1				TT.ĐTTTS
Học kỳ 3				17	14	3	0	0	0	
1	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	BB	2	2					K.XHTT
2	JAP344	Tiếng Nhật nghe - nói 2	BB	2	1	1				K.ĐPH
3	JAP341	Tiếng Nhật đọc - viết 2	BB	2	1	1				K.ĐPH
4	JAP347	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	BB	2	1	1				K.ĐPH
5		Giáo dục thể chất 2	BB	1		1				TT.ĐTTTS
Chọn 3 trong 6 học phần				9	9					
1	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	TC	3	3					K.NT
2	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	TC	3	3					K.XHTT
3	SOS206	Mỹ học đại cương	TC	3	3					K.XHTT
4	PSY201	Tâm lý học đại cương	TC	3	3					K.XHTT
5	INT201	Đại cương về CNTT và Truyền thông	TC	3	3					K.CNTT
6	MAN201	Quản trị học	TC	3	3					K.KTQT
Học kỳ 4				19	16	3	0	0	0	
1	SOS303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	BB	3	3					
2	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	2	2					K.XHTT
3	JAP345	Tiếng Nhật nghe - nói 3	BB	2	1	1				K.ĐPH
4	JAP342	Tiếng Nhật đọc - viết 3	BB	2	1	1				K.ĐPH
5	JAP348	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	BB	2	1	1				K.ĐPH
6	JAP488	Từ vựng học tiếng Nhật	BB	2	2					K.ĐPH
7		Giáo dục thể chất 3	BB	1		1				TT.ĐTTTS
Chọn 2 trong 6 học phần				6	6					
1	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	TC	3	3					K.XHTT
2	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	TC	3	3					K.XHTT
3	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	TC	3	3					K.KTQT
4	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	TC	3	3					K.XHTT
5	ECO201	Kinh tế học đại cương	TC	3	3					K.KTQT
6	MAR201	Marketing căn bản	TC	3	3					K.KTQT
Học kỳ 5				19	16	3	0	0	0	
1	SOS102	Văn hiến Việt Nam	BB	3	3					K.XHTT
2	PLO109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					K.XHTT

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN	
3	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K.XHTT
4	JAP349	Tiếng Nhật nghe - nói 4	BB	2	1	1				K.ĐPH
5	JAP350	Tiếng Nhật đọc - viết 4	BB	2	1	1				K.ĐPH
6	JAP351	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	BB	2	1	1				K.ĐPH
7	JAP430	Ngữ âm học tiếng Nhật	BB	2	2					K.ĐPH
Chọn 1 trong 3 học phần				3	3					
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	TC	3	3					K.ĐPH
2	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1	TC	3	3					K.ĐPH
3	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	TC	3	3					K.NN
Học kỳ 6				16	12	2	2	0	0	
1	JAP477	Thực tập cơ sở ngôn ngữ Nhật	BB	2			2			K.ĐPH
2	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BB	2	2					K.XHTT
3	BUS417	Hành vi tổ chức	BB	3	3					K.KTQT
4	JAP493	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	BB	2	1	1				K.ĐPH
5	JAP495	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	BB	2	1	1				K.ĐPH
6	JAP431	Ngữ pháp học tiếng Nhật	BB	2	2					K.ĐPH
Chọn 1 trong 3 học phần				3	3					
1	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	TC	3	3					K.ĐPH
2	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	TC	3	3					K.ĐPH
3	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2	TC	3	3					K.ĐPH
Học kỳ 7				17	15	2	0	0	0	
1	CUL301	Ngoại giao văn hóa	BB	3	3					
2	SOS305	Quan hệ quốc tế	BB	3	3					
3	SOS304	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	BB	3	3					
4	SOS301	Lịch sử văn minh thế giới	BB	2	2					
Chuyên ngành 1: Tiếng Nhật thương mại				6	4	2				
1	JAP353	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	BB	2	1	1				K.ĐPH
2	JAP491	Thư tín thương mại	BB	2	1	1				K.ĐPH
Chọn 1 trong 3 học phần				2	2					
1	JAP446	Tiếng Nhật công sở	TC	2	2					K.ĐPH
2	JAP459	Tiếng Nhật lễ hành khách sạn	TC	2	2					K.ĐPH
3	JAP484	Xã hội Nhật Bản đương đại	TC	2	2					K.ĐPH
Chuyên ngành 2: Tiếng Nhật biên phiên dịch				6	4	2				
1	JAP489	Phiên dịch Nhật Việt – Việt Nhật	BB	2	1	1				K.ĐPH
2	JAP401	Biên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	BB	2	1	1				K.ĐPH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN	
Chọn 1 trong 3 học phần				2	2					
1	JAP428	Lý thuyết dịch	TC	2	2					K.ĐPH
2	JAP352	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	TC	2	2					K.ĐPH
3	JAP483	Văn học Nhật Bản	TC	2	2					K.ĐPH
Chuyên ngành 3: Tiếng Nhật giảng dạy				6	4	2				
1	JAP492	Thực hành giảng dạy	BB	2	1	1				K.ĐPH
2	JAP490	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	BB	2	1	1				K.ĐPH
Chọn 1 trong 3 học phần				2	2					
1	JAP425	Giáo dục Nhật Bản	TC	2	2					K.ĐPH
2	JAP411	Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ	TC	2	2					K.ĐPH
3	JAP422	Cú pháp học tiếng Nhật	TC	2	2					K.ĐPH
Học kỳ 8				17	0	0	5	0	12	
1	JAP591	TTTN Ngôn ngữ Nhật	BB	5			5			K.ĐPH
2	JAP590	KLTN Ngôn ngữ Nhật	TC	12					12	K.ĐPH
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp				12	8	4				
1	JAP497	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	TC	3	2	1				K.ĐPH
2	JAP494	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	TC	3	2	1				K.ĐPH
3	JAP496	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	TC	3	2	1				K.ĐPH
4	ORI307	Hán tự học tổng hợp	TC	3	2	1				K.ĐPH

10. Học liệu/Nguồn tài liệu học tập

10.1. Tài liệu bắt buộc

Tên môn học	Tài liệu bắt buộc
Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), Giáo trình Triết học Mác - Lênin. Nxb: Chính trị quốc gia, Hà Nội
Kinh tế chính trị Mác - Lenin	Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. Tư tưởng Hồ Chí Minh.
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Pháp luật đại cương, NXB Đại học Sư phạm.

Tên môn học	Tài liệu bắt buộc
Môi trường và con người	Nguyễn Xuân Cư - Nguyễn Thị Phương Loan, (2011), Môi trường và con người, Nxb. Giáo dục Việt Nam
Tinh thần khởi nghiệp	Norman M. Scarborough Hitt, (2012), Effective Small Business Tinh thần khởi nghiệp Management: An Entrepreneurial Approach. Tenth Edition, Prentice Hall.
Văn hiến Việt Nam	Nguyễn Văn Thắng (chủ biên), Nguyễn Thành Đạo (2017), Giáo Văn hiến Việt Nam, Trường Đại học Văn hiến, Khoa giáo dục Đại cương.
Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	Lê Đăng Minh và cộng sự, (2018), Kinh tế - Xã hội các nước Đông Nam Á, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Nguyễn Thị Ly Kha (2007), <i>Dùng từ, viết câu và soạn thảo văn bản</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội.
Phương pháp học đại học	Andrew Roberts, (2013), Cẩm nang học đại học, NXB Hồng Đức
Giao tiếp đa văn hóa	Chu Văn Đức (2005), Giáo trình Kỹ năng giao tiếp, NXB Hà Nội
Mỹ học đại cương	Lê Văn Dương, Lê Đình Lục và Lê Hồng Vân, Mỹ học đại cương, NXB Giáo dục, 2009
Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	Trần Phiêu - Chế Minh Thủy (2006), Hướng dẫn Khiêu vũ. NXB Thanh Niên
Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	"Microsoft, MOS Specialist 2016 (Word, Excel, PowerPoint), IIG.
Các vấn đề xã hội đương đại	Mai Thị Nguyệt Nga và Đỗ Văn Bình chủ biên (2018), Giáo trình Các vấn đề xã hội đương đại, Trường đại học Văn Hiến.
Tâm lý học đại cương	Lê Thị Hân và Huỳnh Văn Sơn, <i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i> , NXB Giáo dục, 2012
Kinh tế học đại cương	Nguyễn Minh Đức & đồng tác giả. (2016), Kinh tế vi mô, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế
Kỹ năng hành chính văn phòng	Nguyễn Thái Thảo Vy (2011); Kinh tế vĩ mô, NXB Tài chính
Tiếng Anh giao tiếp 1	John Hughes, Paul Dummett, & Helen Stephenson, Life A1-A2, Cengage Learning, 2016
Tiếng Trung giao tiếp 1	朱晓星, 岳建玲, 吕宇红, 褚佩如 《体验汉语》生活篇, 高等教育出版社, 2005 年 11 月
Tiếng Hàn giao tiếp 1	세종학당, 세종한국 1, 2017
Tiếng Anh giao tiếp 2	John Hughes, Paul Dummett, & Helen Stephenson, Life A1-A2, Cengage Learning, 2016
Tiếng Trung giao tiếp 2	朱晓星, 岳建玲, 吕宇红, 褚佩如 《体验汉语》生活篇, 高等教育出版社, 2005 年 11 月
Tiếng Hàn giao tiếp 2	세종학당, 세종한국 1, 2017

Tên môn học	Tài liệu bắt buộc
Hành vi tổ chức	Nguyễn Hữu Lam (2019). <i>Hành vi tổ chức</i> . NXB Lao động - xã hội.
Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	Tập bài giảng Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật (Ths Nguyễn Thị Hồng Yến biên soạn, TT.HL phát hành)
Tiếng Nhật nghe - nói 1	みんなの日本語初級 I – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyuu I)
Tiếng Nhật đọc – viết 1	みんなの日本語初級 I – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu I) みんなの日本語初級 I トピック 25– 本冊 (NXB 3A)
Tiếng Nhật ngữ pháp 1	みんなの日本語初級 I – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020)
Tiếng Nhật nghe - nói 2	みんなの日本語初級 I – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyuu I)
Tiếng Nhật đọc - viết 2	みんなの日本語初級 I – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu I)
Tiếng Nhật ngữ pháp 2	みんなの日本語初級 I – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020)
Tiếng Nhật nghe - nói 3	みんなの日本語初級 II– 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyuu I)
Tiếng Nhật đọc - viết 3	みんなの日本語初級 II– 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu II)
Tiếng Nhật ngữ pháp 3	みんなの日本語初級 I – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyu I) (*) みんなの日本語初級 II – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyu II) (**)
Tiếng Nhật nghe - nói 4	みんなの日本語初級 II– 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyuu I)
Tiếng Nhật đọc – viết 4	みんなの日本語初級 II– 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu II)

Tên môn học	Tài liệu bắt buộc
Tiếng Nhật ngữ pháp 4	みんなの日本語初級 I – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyu I) (*) みんなの日本語初級 II – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyu II) (**)
Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	まるごと – 日本の言葉と文化 中級 1 まるごと – 日本の言葉と文化 中級 1 (言葉表)
Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	まるごと – 日本の言葉と文化 中級 1 まるごと – 日本の言葉と文化 中級 1 (言葉表)
Lý thuyết dịch	Tankobon Hardcover 2016, 翻訳というお仕事
Biên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	Nguyễn Minh Hương 2016, 20 bài mẫu dịch Nhật – Việt, NXB Tri Thức
Phiên dịch Nhật Việt – Việt Nhật	Tài liệu giảng viên tự biên soạn
Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	日本語で働く 30 時間ビジネス日本語 – NXB SURIENETOWAKU
Đất nước học Nhật Bản	クローズアップ日本事情 15 – 日本語で学ぶ社会と文化
Hán tự học tổng hợp	佐藤 尚子、留学生の為に漢字の教科書、国書刊行会、2008 年
Tiếng Nhật công sở	Tiếng Nhật tại hiện trường làm việc – phản ứng dụng (NXB Trẻ 2022)
Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	TRY! 日本語能力試験 N3 文法から伸ばす、アスク出版
Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	新完全マスター読解 N3、スリーエネットワーク
Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	新完全マスター聴解 N3、スリーエネットワーク
Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	みんなの日本語初級 1 – 教え方の手引き、スリーエネットワーク編著 みんなの日本語初級 2 – 教え方の手引き、スリーエネットワーク編著
Giáo dục Nhật Bản	Ozaki Mugen 2020, Cải cách giáo dục Nhật Bản, NXB Thái Hà
Văn học Nhật Bản	Nguyễn Nam Trân 2011, Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản, NXB Giáo dục
Thư tín thương mại	日本語ビジネス文書マニュアル

Tên môn học	Tài liệu bắt buộc
Ngữ âm học tiếng Nhật	田中 真一、日本語の発音教室 理論と練習、くろしお出版、1999
Xã hội Nhật Bản đương đại	知っていますか 日本のこと -学ぼう 話そう 日本事情- 【2020 年版】
Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	プロになる完全ナビゲーション・ガイド 通訳者・翻訳者になる本 2019 達也小松 (2017) 、通訳の技術、研究社
Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ	Giáo Trình Kiểm Tra Đánh Giá Trong Dạy Học, NXB Đại Học Quốc Gia 2017 みんなの日本語初級 1－教え方の手引き、スリーエーネットワーク編著 みんなの日本語初級 2－教え方の手引き、スリーエーネットワーク編著
Thực hành giảng dạy	聞くことを教える、ひつじ書房 話すことを教える、ひつじ書房 読むことを教える、ひつじ書房
Ngữ pháp học tiếng Nhật	どんな時どう使う日本語表現文型、ALC、2001
Tiếng Nhật lễ hành – khách sạn Cú pháp học tiếng Nhật	サービス日本語－ホテルスタッフ編、凡人者出版 2023 日本語表現文型、スリーエーネットワーク、2003
Từ vựng học tiếng Nhật	ペアで覚えるいろいろな言葉（武蔵野書院、2020）

10.2. Tài liệu tham khảo

Tên môn học	Tài liệu tham khảo
Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	日本語かな入門
Tiếng Nhật nghe - nói 1	みんなの日本語初級 I – 聴解タクス 25 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyuu I - Choukai takusu 25)
Tiếng Nhật đọc – viết 1	みんなの日本語初級 I トピック 25– 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu I Topikku 25) みんなの日本語初級 I 漢字– 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu I Kanji)
Tiếng Nhật ngữ pháp 1	みんなの日本語初級 I – 基準問題集(NXB 3A Corporation, 2020) みんなの日本語初級 I – 翻訳一文法解説ベトナム語版 (NXB 3A Corporation, 2009) みんなの日本語初級 1 – 書いて覚える文型練習帳 (NXB 3A Corporation, 2002)
Tiếng Nhật nghe - nói 2	みんなの日本語初級 I – 聴解タクス 25 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyuu I - Choukai takusu 25)
Tiếng Nhật đọc - viết 2	みんなの日本語初級 I トピック 25– 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu I Topikku 25) みんなの日本語初級 I 漢字– 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu I Kanji)
Tiếng Nhật ngữ pháp 2	みんなの日本語初級 I – 基準問題集(NXB 3A Corporation, 2020) みんなの日本語初級 I – 翻訳一文法解説ベトナム語版 (NXB 3A Corporation, 2020) みんなの日本語初級 I – 書いて覚える文型練習帳 (NXB 3A Corporation, 2020)
Tiếng Nhật nghe - nói 3	みんなの日本語初級 I II– 聴解タクス 25 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyuu I - Choukai takusu 25)
Tiếng Nhật đọc - viết 3	みんなの日本語初級 II トピック 25– 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu II Topikku 25)

Tên môn học	Tài liệu tham khảo
	みんなの日本語初級 II 漢字- 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu II Kanji)
Tiếng Nhật ngữ pháp 3	みんなの日本語初級 II – 基準問題集(NXB 3A Corporation, 2020) みんなの日本語初級 II – 翻訳一文法解説ベトナム語版 (NXB 3A Corporation, 2020) みんなの日本語初級 II – 書いて覚える文型練習帳 (NXB 3A Corporation, 2020)
Tiếng Nhật nghe - nói 4	みんなの日本語初級 II – 聴解タクス 25 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Shokyuu I - Choukai takusu 25)
Tiếng Nhật đọc – viết 4	みんなの日本語初級 II トピック 25– 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu II Topikku 25) みんなの日本語初級 II 漢字- 本冊 (NXB 3A Corporation, 2020) (Minna no Nihongo Sokyuu II Kanji)
Tiếng Nhật ngữ pháp 4	みんなの日本語初級 II – 基準問題集(NXB 3A Corporation, 2020) みんなの日本語初級 II – 翻訳一文法解説ベトナム語版 (NXB 3A Corporation, 2009) みんなの日本語初級 II – 書いて覚える文型練習帳 (NXB 3A Corporation, 2020)
Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	まるととー日本の言葉と文化 中級 1 まるととー日本の言葉と文化 中級 1 (言葉表)
Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	まるととー日本の言葉と文化 中級 1 まるととー日本の言葉と文化 中級 1 (言葉表)
Lý thuyết dịch	20 bài mẫu dịch Nhật – Việt (NXB Tri Thức 2016; Nguyễn Thị Minh Hương)
Biên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	どんどん読める！日本語ショートストーリーズ
Phiên dịch Nhật Việt – Việt Nhật	日本事情 15-The Japan Times 2017
Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	外国人のためのケーススタディで学ぶビジネス日本語 中級

Tên môn học	Tài liệu tham khảo
Đất nước học Nhật Bản	Tìm hiểu văn hóa truyền thống Nhật Bản (NXB Trẻ, 2020)
Hán tự học tiếng Nhật tổng hợp	Tập bài giảng Hán tự học (giáo trình bổ trợ) – GV Nguyễn Công Nguyên biên soạn, TT.HL phát hành online
Tiếng Nhật công sở	しごとの日本語 ビジネスマナー編 日本企業への就職 ビジネス会話トレーニング
Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	総まとめ N3 文法
Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	総まとめ N3 読解
Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	総まとめ N3 聴解
Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	改訂版 書き込み式でよくわかる 日本語教育文法講義ノート (日本語教師ハンドブック)
Văn học Nhật Bản	Nhật Chiêu 2001, Thơ ca Nhật Bản Nhật Chiêu 2011, Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868, NXB Giáo dục
Giáo dục Nhật Bản	Ozaki Mugen (2018), Cải cách giáo dục Nhật Bản, NXB Thái Hà
Ngữ âm học tiếng Nhật	Nguyễn Thị Bích Hà (2014), Ngữ âm tiếng Nhật, NXB Bách khoa Hà Nội.
Thư tín thương mại	日本語 Eメールの書き方
Xã hội Nhật Bản đương đại	Eiichi Aoki (2018), Nhật Bản đất nước và con người, NXB Văn học
Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	達也小松 (2017) 、通訳の技術、研究社
Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ	みんなの日本語初級 1－教え方の手引き、スリーエーネットワーク編著 みんなの日本語初級 2－教え方の手引き、スリーエーネットワーク編著
Thực hành giảng dạy	聞くことを教える、ひつじ書房 話すことを教える、ひつじ書房 読むことを教える、ひつじ書房
Ngữ pháp học tiếng Nhật	日本語表現文型、スリーエーネットワーク、2003
Tiếng Nhật lễ hành – khách sạn Cú pháp học tiếng Nhật	Sổ tay đàm thoại tiếng Nhật du học và du lịch, NXB Thời đại 2022 日本語表現文型、スリーエーネットワーク、2003

Tên môn học	Tài liệu tham khảo
Từ vựng học tiếng Nhật	みんなの日本語 初級 1, 2 翻訳・文法解説

11. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

11.1. Đội ngũ giảng viên cán bộ nhân viên và thỉnh giảng:

Đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng là 34 người (3 giảng viên kiêm cán bộ quản lý, 14 giảng viên cơ hữu), cụ thể:

- 3 Tiến sĩ (trong đó có 3 giảng viên cơ hữu);
- 29 Thạc sĩ (trong đó có 20 giảng viên cơ hữu).

11.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Trường Đại học Văn Hiến hiện có các cơ sở sau:

- Trụ sở chính: số 665 - 667 - 669 đường Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;
- HungHau Campus: Khu chức năng 13E, Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ sở 1: số 613 đường Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ sở 2: số 624 đường Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ sở 3: số 736 - 738 - 740 đường Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ sở 4: 8 – 14 Nguyễn Bá Tuyển, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ sở 5: 679/1/2 – 679/1/10 Quốc lộ 1A, KP1, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ sở 6: số 642 đường Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ sở 7: số 615 đường Âu Cơ, phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tổng diện tích sử dụng hiện nay của Nhà trường là 97.125 m² với các cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, bao gồm: 04 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 42 phòng học từ 100 - 200 chỗ; 210 phòng học từ 50 - 100 chỗ; 13 phòng học dưới 50 chỗ; 02 phòng học đa phương tiện; 119 phòng làm việc của các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian; 03 thư viện (Trung tâm Học liệu); 208 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập; và sân bóng đá (rộng 5.400 m²) phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao đa năng. Tất cả các cơ sở của Trường Đại học Văn Hiến đều được phủ sóng mạng không dây (wifi) với băng thông tốc độ cao để đảm bảo việc truy cập internet phục vụ người học, giảng viên, cán bộ, nhân viên mọi lúc, mọi nơi trong khuôn viên của Nhà trường.

Nhà trường đã có hệ thống thư viện phục vụ nhu cầu tham khảo và nghiên cứu của người học. Tất cả học liệu được đưa vào hệ thống quản lý thư viện để giúp cho người đọc tra cứu thông tin nhanh và chính xác; ngoài ra, hệ thống thư viện điện tử, thư viện số cũng được triển khai song song để đáp ứng nhu cầu của người đọc từ xa. Đối với ngành đăng lý đào tạo, Nhà trường cũng bước đầu trang bị trên 150 đầu sách chuyên ngành, chuyên khảo phục vụ việc tra cứu, học tập của sinh viên, đồng thời cam kết, bổ sung đầu sách trong quá trình đào tạo, đảm bảo mỗi sinh viên theo học có đầy đủ giáo trình, tài liệu.

Cổng thông tin điện tử (website) đã được Trường Đại học Văn Hiến đầu tư xây dựng với giao diện thân thiện với người dùng tại địa chỉ: www.vhu.edu.vn với các nội dung quan trọng, thiết thực cho người học, giảng viên, cán bộ, nhân viên của Nhà trường được cập nhật thường xuyên.

Trong tương lai, Trường Đại học Văn Hiến sẽ không ngừng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đồng bộ và ngày càng khang trang, hiện đại nhằm đáp ứng các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN – CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật; **Trình độ đào tạo:** Đại học; **Mã số:** 7220209

Bộ môn quản lý chương trình: Nhật Bản học

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT											
		Kiến thức					Kỹ năng			Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
1.	Triết học Mác - Lênin	x					x	x		x	x		
2.	Kinh tế chính trị Mác Lênin	x					x	x		x			
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x								x			
4.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x								x			
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x						x		x			
6.	Pháp luật đại cương	x					x	x		x			
7.	Môi trường và con người	x					x			x			
8.	Tinh thần khởi nghiệp	x					x	x	x	x	x		x
9.	Văn hiến Việt Nam	x						x		x			
10.	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	x						x		x			

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT											
		Kiến thức					Kỹ năng			Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
11.	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	x						x		x			
12.	Phương pháp học đại học	x				x	x	x	x	x	x		
13.	Giao tiếp đa văn hóa	x					x			x			
14.	Mỹ học đại cương	x								x	x		
15.	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ							x			x		
16.	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông					x	x	x	x	x			
17.	Các vấn đề xã hội đương đại	x						x		x			
18.	Tâm lý học đại cương	x					x	x		x			
19.	Kỹ năng hành chính văn phòng						x	x		x			
20.	Tiếng Anh giao tiếp 1						x	x					
21.	Tiếng Trung giao tiếp 1						x	x	x				
22.	Tiếng Hàn giao tiếp 1						x	x	x				
23.	Tiếng Anh giao tiếp 2						x	x	x				
24.	Tiếng Trung giao tiếp 2						x	x	x				
25.	Tiếng Hàn giao tiếp 2						x	x	x				
26.	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật		x	x	x								
27.	Trải nghiệm ngành, nghề		x	x	x			x	x	x	x		

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT											
		Kiến thức					Kỹ năng			Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
28.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
29.	Ngôn ngữ học đại cương	x	x	x	x			x			x		
30.	Ngoại giao văn hóa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
31.	Hành vi tổ chức				x	x	x	x		x		x	x
32.	Lịch sử văn minh thế giới	x	x	x	x	x	x	x					
33.	Quan hệ quốc tế	x	x	x	x	x	x	x	x		x		
34.	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
35.	Tiếng Nhật nghe - nói 1			x	x		x		x				
36.	Tiếng Nhật đọc - viết 1			x	x		x		x				
37.	Tiếng Nhật ngữ pháp 1			x	x		x		x				
38.	Tiếng Nhật nghe - nói 2			x	x		x		x				
39.	Tiếng Nhật đọc - viết 2			x	x		x		x				
40.	Tiếng Nhật ngữ pháp 2			x	x		x		x				
41.	Tiếng Nhật nghe - nói 3			x	x		x		x				
42.	Tiếng Nhật đọc - viết 3		x	x	x			x					
43.	Tiếng Nhật ngữ pháp 3		x	x	x			x					
44.	Tiếng Nhật nghe - nói 4		x	x	x			x					
45.	Tiếng Nhật đọc - viết 4		x	x	x			x					

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT											
		Kiến thức					Kỹ năng			Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
46.	Tiếng Nhật ngữ pháp 4		x	x	x			x					
47.	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp		x	x	x			x					
48.	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp		x	x	x			x					
49.	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao		x	x	x			x					
50.	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao		x	x	x			x					
51.	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao		x	x	x			x					
52.	Lý thuyết dịch		x	x	x			x					
53.	Biên dịch Nhật Việt - Việt Nhật		x	x	x			x					
54.	Phiên dịch Nhật Việt – Việt Nhật		x	x	x			x					
55.	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản		x	x	x							x	x
56.	Văn học Nhật Bản		x	x	x								
57.	Giáo dục Nhật Bản		x	x	x								
58.	Hán tự học tổng hợp		x	x	x								
59.	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ		x	x	x	x							

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT											
		Kiến thức					Kỹ năng			Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
60.	Thực tập cơ sở ngôn ngữ Nhật		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
61.	TTTN Ngôn ngữ Nhật		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
62.	KLTN Ngôn ngữ Nhật		x	x	x		x		x				
63.	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật		x	x	x	x		x	x	x			
64.	Thực hành giảng dạy		x	x	x		x	x	x	x			
65.	Cú pháp học tiếng Nhật		x		x								
66.	Thư tín thương mại		x	x	x	x		x					
67.	Xã hội Nhật Bản đương đại		x					x					
68.	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch		x	x	x	x			x				
69.	Kinh tế học đại cương	x							x				
70.	Quản trị học	x						x	x				x
71.	Marketing căn bản	x						x	x				
72.	Quản trị sự thay đổi	x						x	x				x
73.	Ngữ âm học tiếng Nhật		x	x	x	x							
74.	Ngữ pháp học tiếng Nhật		x	x	x	x							
75.	Từ vựng học tiếng Nhật		x	x	x	x							
76.	Đất nước học Nhật Bản		x	x	x	x							
77.	Tiếng Nhật công sở		x	x	x	x							

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT											
		Kiến thức					Kỹ năng			Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
78.	Tiếng Nhật lễ hành khách sạn		x	x	x	x							

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA: ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHÁC**

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật; **Trình độ đào tạo:** Đại học; **Mã số:** 7220209

Bộ môn quản lý chương trình: Nhật Bản học

Tên cơ sở đào tạo, quốc gia	Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Kiến thức không tích lũy		Tổng TC
	Số TC	Tỉ lệ %	Số TC	Tỉ lệ %	Số TC	Tỉ lệ %	
Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội, Việt Nam	54	36,24%	95	63,75%	4	2,68%	149
Trường Đại học Kinh tế tài chính, Việt Nam	45	34,35%	86	65,64%	3	2,29%	131
Trường Đại học HUTECH, Việt Nam	43	33,07%	87	66,92%	4	3,07%	130
Trường Đại học Mở, Việt Nam	37	25,87%	106	74,1%	0	0%	143
Đại học Đà Nẵng, Việt Nam	29	20,56%	104	73,75%	8	5,67%	141
Trường Đại học Michigan, Mỹ	20	15,65%	108	84,37%	0	0%	128
Trường Đại học Văn Hiến, Việt Nam	50	37,31%	84	62,68%	3	2,23%	134

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật; **Trình độ đào tạo:** Đại học; **Mã số:** 7220209

Bộ môn quản lý chương trình: Nhật Bản học

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
KIẾN THỨC		
1.	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	PLO 2: Áp dụng được kiến thức liên quan tới văn hóa, văn học, kinh tế - xã hội, giáo dục, ... của Nhật Bản để có thể thích nghi với môi trường làm việc liên văn hóa.
2.	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	PLO 1: Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề liên quan đến cuộc sống cá nhân và công việc.
3.	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	PLO 5: Vận dụng được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin trong học tập và công việc như viết tiểu luận, viết báo cáo, viết email trao đổi công việc, thuyết trình, khảo sát, phân tích dữ liệu, thực hành giảng dạy v.v.;
4.	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	PLO 4: Phân tích được các vấn đề thuộc các định hướng chuyên ngành như biên phiên dịch; tiếng Nhật thương mại; phương pháp giảng dạy tiếng Nhật thông qua sử dụng tiếng Nhật tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để phục vụ học tập, công việc và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.
5.	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	PLO 3: Vận dụng kết hợp được kiến thức văn tự, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Nhật vào việc thực hiện công việc chuyên môn và thực tiễn nghề nghiệp.
KỸ NĂNG		

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
6.	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	PLO 6: Sử dụng thành thạo tiếng Nhật và kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện trong việc truyền tải vấn đề, đánh giá chất lượng công việc chuyên môn của cá nhân và của nhóm để thích nghi làm việc trong các bối cảnh tổ chức khác nhau, điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
7.	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	PLO 7: Vận dụng kỹ năng dẫn dắt, giám sát người khác thực hiện chuyên môn, nắm bắt cơ hội để khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.
8.	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	PLO 6: Sử dụng thành thạo tiếng Nhật và kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện trong việc truyền tải vấn đề, đánh giá chất lượng công việc chuyên môn của cá nhân và của nhóm để thích nghi làm việc trong các bối cảnh tổ chức khác nhau, điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
9.	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	PLO 8: Vận dụng khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá.
10.	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	PLO 6: Sử dụng thành thạo tiếng Nhật và kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện trong việc truyền tải vấn đề, đánh giá chất lượng công việc chuyên môn của cá nhân và của nhóm để thích nghi làm việc trong các bối cảnh tổ chức khác nhau, điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
11.	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	PLO 6: Sử dụng thành thạo tiếng Nhật và kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện trong việc truyền tải vấn đề, đánh giá chất lượng công việc chuyên môn của cá nhân và của nhóm để thích nghi làm việc trong các bối cảnh tổ chức khác nhau, điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
12.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PLO 9: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. PLO12: Có đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
13.	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	PLO 10: Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn;
14.	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	PLO 9: Có khả năng đưa ra các kết luận độc lập về các vấn đề chuyên môn thông thường và bảo vệ được quan điểm cá nhân;
15.	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PLO 11: Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn;

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật; **Trình độ đào tạo:** Đại học; **Mã số:** 7220209

Bộ môn quản lý chương trình: Nhật Bản học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
1.	POL105	Triết học Mác - Lênin	K.XHTT	Lý luận chính trị	ThS. Huỳnh Văn Giàu TS. Nguyễn Hữu Vượng	GVCH GVCH
2.	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	K.XHTT	Lý luận chính trị	Huỳnh Văn Giàu Dương Đức Hưng	GVCH GVCH
3.	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K.XHTT	Lý luận chính trị	TS. Nguyễn Hữu Vượng TS. Dương Đức Hưng	GVCH GVCH
4.	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K.XHTT	Lý luận chính trị	ThS. Ngô Quang Ty TS. Nguyễn Hữu Vượng	GVCH GVCH
5.	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K.XHTT	Lý luận chính trị	ThS. Tạ Trần Trọng TS. Nguyễn Hữu Vượng	GVCH GVCH
6.	LAW101	Pháp luật đại cương	K.KTTC	Luật	ThS. Nguyễn Hữu Thành ThS. Nguyễn Thuận An ThS. Chu Mạnh Hiễn	GVCH GVCH GVCH
7.	NAS101	Môi trường và con người	K.XHTT	Xã hội học	ThS. Nguyễn Duy Hải TS. Phạm Thị Thanh Hoà	GVCH GVCH
8.	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	K.KTTC	Quản trị	TS. Trần Anh Dũng ThS. Trần Hữu Ái	GVCH GVCH
9.	SOS102	Văn hiến Việt Nam	K.XHTT	Lý luận chính trị	TS. Nguyễn Thành Đạo ThS. Lê Thị Ngọc Thuý	GVCH GVCH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
10.	BUS102	Quản trị sự thay đổi	K.KTTC	Quản trị	ThS. Trần Hữu Ái ThS. Phạm Trịnh Hồng Phi	GVCH GVCH
11.	SKL101	Phương pháp học đại học	K.XHTT	Văn học	ThS. Nguyễn A Say ThS. Trần Thị Lợi	GVCH GVCH
12.	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	K.NT	Biểu diễn âm nhạc	ThS. Huỳnh Hoàng Cư ThS. Hồ Duy Trường	GVCH GVCH
13.	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	K.XHTT	Lý luận chính trị	TS. Hồ Văn Quốc ThS. Lê Thị Ngọc Thuý	GVCH GVCH
14.	SOS206	Mỹ học đại cương	K.XHTT	Văn học	TS. Đoàn Trọng Thiệu TS. Huỳnh Thị Mai Trinh	GVCH GVCH
15.	PSY201	Tâm lý học đại cương	K.XHTT	Tâm lý học	TS. Mai Thị Nguyệt Nga ThS. Nguyễn Thị Bích Thuý	GVCH GVCH
16.	INT201	Đại cương về CNTT và Truyền thông	K.CNTT	Công nghệ thông tin	ThS. Nguyễn Thị Diệu Anh TS. Quách Anh Dũng	GVCH GVCH
17.	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	K.XHTT	Xã hội học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thuý ThS. Lê Thị Hoàng Liễu	GVCH GVCH
18.	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	K.XHTT	Văn học	TS. Huỳnh Thị Mai Trinh ThS. Nguyễn A Say	GVCH GVCH
19.	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	K.KTQT	Quản trị	ThS. Trần Thị Hòa ThS. Nguyễn Hồng Nhung	GVCH GVCH
20.	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	K.KTQT	Quản trị	ThS. Trần Huy Cường ThS. Nguyễn A Say	GVCH GVCH
21.	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	K.NN	Tiếng Anh	ThS. Nguyễn Vũ Anh Duy ThS. Đỗ Thị Bích Thủy	GVCH GVCH
22.	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1	K.ĐPH	Đông phương học	ThS. Chênh Cao Ngọc Linh ThS. Cao Thúy Oanh	GVCH GVCH
23.	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	K.NN	Tiếng Trung	ThS. Nguyễn Tấn Trường An	GVCH GVCH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
					TS. Lai Khai Vinh	
24.	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	K.NN	Tiếng Anh	ThS. Nguyễn Vũ Anh Duy ThS. Đỗ Thị Bích Thủy	GVCH GVCH
25.	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	K.ĐPH	Đông phương học	ThS. Chênh Cao Ngọc Linh ThS. Cao Thúy Oanh	GVCH GVCH
26.	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2	K.NN	Tiếng Trung	ThS. Nguyễn Tấn Trường An TS. Lai Khai Vinh	GVCH GVCH
27.	JAP303	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Yến; ThS. Cao Thị Phương Thảo	GVCH GVCH
28.	JAP316	Trải nghiệm ngành, nghề	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Yến ThS. Nguyễn Công Nguyên	GVCH GVCH
29.	JAP477	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Yến ThS. Cao Thị Phương Thảo	GVCH GVCH
30.	SOS301	Lịch sử văn minh thế giới			TS. Nguyễn Thành Đạo TS. Phạm Quốc Hưng	GVCH GVCH
31.	SOS302	Ngôn ngữ học đại cương			PGS.TS. Lê Khắc Cường TS. Huỳnh Thị Mai Trinh	GVTG GVCH
32.	SOS303	Phương pháp nghiên cứu khoa học			ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Nguyễn A Say	GVCH
33.	SOS304	Hội nhập châu Á – Thái Bình Dương			ThS. Nguyễn Hồng Nhung ThS. Phan Thị Hải Yến	GVCH GVCH
34.	SOS305	Quan hệ quốc tế			TS. Phạm Thị Yên	GVCH
35.	BUS417	Hành vi tổ chức			TS. Phạm Phương Mai ThS. Trần Hữu Ái	GVCH
36.	CUL301	Ngoại giao văn hóa			ThS. Phan Thị Hải Yến ThS. Nguyễn Hồng Nhung	GVCH GVCH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
37.	JAP340	Tiếng Nhật đọc - viết 1	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Trần Thị Thanh Hằng CN. Mai Thanh Tuyền	GVCH GVCH
38.	JAP343	Tiếng Nhật nghe - nói 1	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Trần Thị Thanh Hằng CN. Mai Thanh Tuyền	GVCH GVCH
39.	JAP346	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Trần Thị Thanh Hằng CN. Mai Thanh Tuyền	GVCH GVCH
40.	JAP344	Tiếng Nhật nghe - nói 2	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Trần Thị Thanh Hằng CN. Mai Thanh Tuyền	GVCH GVCH
41.	JAP341	Tiếng Nhật đọc - viết 2	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Phan Thị Kim Hiện CN. Trần Thị Thanh Hằng	GVCH GVCH
42.	JAP347	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Phan Thị Kim Hiện CN. Trần Thị Thanh Hằng	GVCH GVCH
43.	JAP345	Tiếng Nhật nghe - nói 3	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Trần Thị Thanh Hằng CN. Mai Thanh Tuyền	GVCH GVCH
44.	JAP342	Tiếng Nhật đọc - viết 3	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Phan Thị Kim Hiện CN. Trần Thị Thanh Hằng	GVCH GVCH
45.	JAP348	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Phan Thị Kim Hiện CN. Trần Thị Thanh Hằng	GVCH GVCH
46.	JAP349	Tiếng Nhật nghe - nói 4	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Trần Thị Thanh Hằng ThS. Trương Thanh Tùng	GVCH GVCH
47.	JAP350	Tiếng Nhật đọc - viết 4	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Phan Thị Kim Hiện Trần Thị Thanh Hằng	GVCH GVCH
48.	JAP351	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Hồ Thị Minh Hiền ThS. Nguyễn Công Nguyên	GVCH GVCH
49.	JAP493	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Đỗ Thị Thu Hiền ThS. Trương Thanh Tùng	GVCH GVCH
50.	JAP495	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Hồ Thị Minh Hiền ThS. Nguyễn Công Nguyên	GVCH GVCH
51.	JAP353	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Yến	GVCH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
					CN. Cao Thị Phương Thảo	GVCH
52.	JAP428	Lý thuyết dịch	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Cao Thị Phương Thảo ThS. Trương Thanh Tùng	GVCH GVCH
53.	JAP430	Ngữ âm học tiếng Nhật	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Sumihara Hitoshi TS. Hirano Ayaka	GVTG GVCH
54.	JAP401	Biên dịch Nhật Việt – Việt Nhật	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Cao Thị Phương Thảo TS. Hirano Ayaka	GVCH GVCH
55.	JAP492	Thực hành giảng dạy	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Yến CN. Cao Thị Phương Thảo	GVCH GVCH
56.	JAP490	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Yến CN. Cao Thị Phương Thảo	GVCH GVCH
57.	JAP591	TTTN Ngôn ngữ Nhật	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Yến CN. Cao Thị Phương Thảo	GVCH GVCH
58.	JAP590	KLTN Ngôn ngữ Nhật	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Yến CN. Cao Thị Phương Thảo	GVCH GVCH
59.	JAP497	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Đỗ Thị Thu Hiền CN. Cao Thị Phương Thảo	GVCH GVCH
60.	JAP494	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Đỗ Thị Thu Hiền CN. Cao Thị Phương Thảo	GVCH GVCH
61.	JAP423	Đất nước học Nhật Bản	K.ĐPH	Nhật Bản học	TS. Hirano Ayaka ThS. Đỗ Thị Thu Hiền	GVTG GVCH
62.	ORI307	Hán tự học tổng hợp	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Trương Thanh Tùng ThS. Hồ Thị Minh Hiền	GVCH GVCH
63.	JAP431	Ngữ pháp học tiếng Nhật	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Cao Thị Phương Thảo ThS. Nguyễn Công Nguyên	GVCH GVCH
64.	JAP488	Từ vựng học tiếng Nhật	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Cao Thị Phương Thảo ThS. Nguyễn Công Nguyên	GVCH GVCH
65.	JAP491	Thư tín thương mại	K.ĐPH	Nhật Bản học	TS. Hirano Ayaka	GVCH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khoa quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
					ThS. Nguyễn Công Nguyên	GVCH
66.	JAP484	Xã hội Nhật Bản đương đại	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Yên ThS. Nguyễn Công Nguyên	GVCH GVCH
67.	JAP411	Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Cao Thị Phương Thảo ThS. Nguyễn Công Nguyên	GVCH GVCH
68.	JAP496	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	K.ĐPH	Nhật Bản học	TS. Hirano Ayaka ThS. Đỗ Thị Thu Hiền	GVCH GVCH
69.	JAP425	Giáo dục Nhật Bản	K.ĐPH	Nhật Bản học	TS. Hirano Ayaka ThS. Đỗ Thị Thu Hiền	GVCH GVCH
70.	JAP489	Phiên dịch Nhật Việt – Việt Nhật	K.ĐPH	Nhật Bản học	TS. Hirano Ayaka ThS. Đỗ Thị Thu Hiền	GVCH GVCH
71.	ECO201	Kinh tế học đại cương	K.KTQT	Quản trị	ThS. Trần Hữu Ái ThS. Phạm Trịnh Hồng Phi	GVCH GVCH
72.	MAN201	Quản trị học	K.KTQT	Quản trị	ThS. Trần Hữu Ái ThS. Phạm Trịnh Hồng Phi	GVCH GVCH
73.	MAR 201	Marketing căn bản	K.KTQT	Quản trị	ThS. Trần Hữu Ái ThS. Phạm Trịnh Hồng Phi	GVCH GVCH
74.	JAP422	Cú pháp học tiếng Nhật	K.ĐPH	Nhật Bản học	TS. Hirano Ayaka ThS. Nguyễn Công Nguyên	GVCH GVCH
75.	JAP446	Tiếng Nhật công sở	K.ĐPH	Nhật Bản học	TS. Hirano Ayaka ThS. Sumihara Hitoshi	GVCH GVCH
76.	JAP459	Tiếng Nhật lễ hành khách sạn	K.ĐPH	Nhật Bản học	TS. Hirano Ayaka ThS. Sumihara Hitoshi	GVCH GVCH
77.	JAP483	Văn học Nhật Bản	K.ĐPH	Nhật Bản học	ThS. Phạm Thu Phương ThS. Nguyễn Công Nguyên	GVCH GVCH
78.	JAP352	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	K.ĐPH	Nhật Bản học	CN. Cao Thị Phương Thảo TS. Hirano Ayaka	GVCH GVCH